



VỮNG TIN TIẾN BƯỚC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020





VỮNG TIN TIẾN BƯỚC

Kết thúc năm 2020, HSC đã hoàn thành mục tiêu kép là đảm bảo an toàn sức khỏe cho mỗi nhân viên và hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh. Ban Điều hành cùng toàn thể nhân viên HSC vững tin sẽ đưa HSC tiếp tục phát triển bền vững, mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, cổ đông và đóng góp tích cực cho cộng đồng trong những năm tiếp theo.

Nội dung

04 THÔNG DIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

09 TỔNG QUAN VỀ HSC

- 10 Các chỉ số tài chính nổi bật
- 12 Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 14 Ngành nghề kinh doanh
- 16 Chặng đường phát triển
- 18 Danh hiệu và giải thưởng
- 21 Cơ cấu công ty
- 22 Hội đồng Quản trị
- 24 Ban Kiểm soát
- 25 Ban Điều hành
- 28 Thông tin cổ đông

32 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 34 Kinh tế vĩ mô
- 35 Thị trường chứng khoán Việt Nam
- 39 Hoạt động kinh doanh
- 48 Chi phí hoạt động
- 49 Bảng cân đối kế toán
- 50 Các chỉ số tài chính

52 VẬN HÀNH

58 QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ

- 60 Kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP)
- 61 Quản trị rủi ro trong giai đoạn "bình thường mới"
- 63 Kiểm toán nội bộ

64 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 66 Giới thiệu chung
- 68 Báo cáo hoạt động phát triển bền vững năm 2020
- 78 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 96 Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính năm 2020

100 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

170 MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

PDF TƯƠNG TÁC

Báo cáo được trình bày bằng định dạng PDF tương tác: Người đọc có thể di chuyển đến các Chương trong báo cáo nhanh chóng hoặc di chuyển đến các trang web liên quan.

Website link:

www.hsc.com.vn/investor/annual-report

ĐỊNH DẠNG

Báo cáo này được xuất bản ở định dạng In và PDF.



Bạn có thể tải báo cáo này trên trang web của chúng tôi.

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông TRỊNH HOÀI GIANG
Tổng Giám đốc

Tôi vững tin vào nền tảng của HSC đã xây dựng thành công đến hôm nay. Trên nền tảng vững chắc đó, HSC hoàn toàn có thể đương đầu với những thách thức tiềm ẩn phía trước, tiếp tục tăng trưởng bền vững và mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, cổ đông và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

Kính gửi Quý cổ đông,

Quý cổ đông và tôi đã cùng trải qua một năm 2020 lịch sử với sự xuất hiện của đại dịch Covid-19 tác động đến mọi khía cạnh kinh tế, xã hội, đời sống và hành vi hàng ngày của chúng ta. Nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong chiến dịch "Chống dịch như chống giặc" cùng sự đồng lòng của toàn thể người Việt Nam đã được đền đáp xứng đáng khi Việt Nam hoàn thành mục tiêu kép là sức khỏe cộng đồng và duy trì sự tăng trưởng kinh tế. Việt Nam trở thành điểm sáng thu hút sự quan tâm của các chính phủ, tổ chức và

nhà đầu tư quốc tế, tạo đà cho nền kinh tế phát triển mạnh mẽ trong các năm tiếp theo.

Cũng như Chính phủ Việt Nam, tôi và các đồng nghiệp tại HSC cũng đặt ra mục tiêu kép cho năm 2020: (1) Đảm bảo sức khỏe, an toàn cho mỗi nhân viên cùng người thân và (2) Hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào tháng 04/2020. Với sự đồng lòng từ cấp lãnh đạo đến nhân viên, tinh thần làm việc bền bỉ cống hiến ngay cả trong những thời điểm giãn cách xã hội cao nhất, nỗ lực của chúng tôi đã được đền đáp. Và trong thông điệp này, tôi sẽ tóm tắt đến Quý cổ đông những thành tựu đạt được trong năm 2020.

Chiến lược "Lấy khách hàng làm trung tâm" khởi tạo vào năm 2019 và được triển khai một cách toàn diện, đậm nét trong năm 2020. Tại HSC, chúng tôi đặt ra phương pháp tiếp cận rất đơn giản: nếu chúng tôi phục vụ khách hàng theo cách mà chúng tôi mong muốn được phục vụ tốt nhất, khách hàng sẽ luôn lựa chọn HSC là đối tác đồng hành tin cậy của họ. Chúng tôi đưa cách tiếp cận này vào trong từng hoạt động kinh doanh và vận hành hàng ngày, trong quá trình thiết kế và xây dựng sản phẩm, quy trình, hệ thống. Cách tiếp cận tưởng như đơn giản nhưng đã mang lại cho chúng tôi những kết quả tăng trưởng năm 2020 rất ấn tượng:

TỔNG TÀI SẢN

12.489 tỷ đồng

+67%

DOANH THU

1.591 tỷ đồng

+26%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

660 tỷ đồng

+24%

THU NHẬP TRÊN MỘT CỔ PHIẾU (ESP)

1.738 đồng

+9%

- Tổng tài sản của HSC đạt 12.489 tỷ đồng, tăng trưởng 67% so với năm 2019 và đạt 173% kế hoạch.
- Tổng doanh thu đạt 1.591 tỷ đồng, tăng trưởng 26% so với năm 2019 và đạt 123% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 660 tỷ đồng, tăng trưởng 24% so với năm 2019 và đạt 116% kế hoạch.
- HSC tiếp tục giữ vị trí thứ 2 về thị phần môi giới chứng khoán cơ sở trên sàn HSX, thứ 2 về thị phần môi giới phái sinh và đặc biệt, chúng tôi đạt vị trí thứ 1 về thị phần giá trị giao dịch chứng quyền có bảo đảm với tỷ lệ 33%.

Chúng ta đã chứng kiến những khó khăn về kinh tế, xã hội trong năm 2020 nhưng ngược lại, thị trường chứng khoán Việt Nam lại có sự hồi phục ấn tượng khi VN-Index tăng 14,9%, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày của toàn thị trường tăng 59,3%, số lượng nhà đầu tư mới tham gia thị trường cao kỷ lục. Diễn biến thuận lợi của thị trường chứng khoán cũng là nguyên nhân giúp chúng tôi đạt được kết quả kinh doanh tốt như trên. Nhưng điều quan trọng hơn tôi muốn nhấn mạnh trong thông điệp này là những sáng kiến chiến lược chính chúng tôi đã cùng nhau triển khai thành công trong năm 2020, tạo nền móng cho sự phát triển bền vững của Công ty, mang lại giá trị cao nhất cho Quý cổ đông. Cụ thể:

Hoàn thiện mô hình kinh doanh của Khối Khách hàng cá nhân

Môi giới khách hàng cá nhân là mảng kinh doanh trọng yếu của HSC, mang lại nguồn doanh thu lớn nhất gồm phí môi giới và lãi từ giao dịch ký quỹ. Trong năm 2020, chúng tôi thực hiện phân khúc khách hàng thành 2 phân khúc chính: khách hàng lớn và khách hàng đại chúng.

- **Đối với khách hàng lớn:** chúng tôi tập trung chuyển đổi từ mô hình môi giới truyền thống sang mô hình quản lý tài sản (wealth management). Với uy tín và tiềm lực tài chính, sự hợp lực của các Khối Khách hàng cá nhân, Khách hàng tổ chức, Tư vấn tài chính doanh nghiệp, cùng đội ngũ chuyên viên môi giới được sàng lọc và đào tạo bài bản, HSC đã phát triển thành công tập khách hàng lớn, cung cấp giải pháp quản lý tài sản toàn diện mang lại sự hài lòng cho khách hàng, đưa tên tuổi HSC trở thành sự lựa chọn hàng đầu của khách hàng thuộc phân khúc này.
- **Đối với khách hàng đại chúng:** đại dịch Covid-19 đã đẩy nhanh hơn tốc độ chuyển đổi hành vi giao dịch của phân khúc khách hàng đại chúng sang kênh internet. Thay vì đến sàn hoặc quầy giao dịch, khách hàng ưu tiên sử dụng dịch vụ từ xa, có thể giao dịch nhanh chóng, thuận tiện mọi nơi mọi lúc. Từ giữa năm 2019, chúng tôi đã hình thành dự án xây dựng nền tảng dịch vụ và giao dịch chứng khoán số.

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trong năm 2020, chúng tôi tập trung nguồn lực để hoàn thiện phiên bản đầu tiên myhsc và đưa vào thử nghiệm trên một tập khách hàng lựa chọn. Nền tảng giao dịch số myhsc giúp chúng tôi tăng trải nghiệm khách hàng, tối ưu hiệu quả hoạt động, giảm chi phí vận hành, và đích đến là điều chỉnh chính sách phí giao dịch cạnh tranh trên phân khúc khách hàng đại chúng. Đây cũng là hướng đi phù hợp với xu thế giảm phí trên thế giới và Việt Nam hiện nay.

Chuyển đổi thành công mô hình vận hành "một cửa" thể hiện triết lý "Lấy khách hàng làm trung tâm"

Trước đây, vận hành của chúng tôi được thiết kế trên mô hình nghiệp vụ truyền thống, khiến trải nghiệm của khách hàng bị đứt gãy, và có thể tạo nên rủi ro vận hành khi quy mô giao dịch tăng mạnh. Năm 2020, chúng tôi đã chuyển đổi thành công sang mô hình vận hành "Lấy khách hàng làm trung tâm". Theo đó, Trung tâm dịch vụ khách hàng đầu tiên của HSC được thành lập vào tháng 10 năm 2020 tại tầng 2, tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Với thiết kế trang nhã, thân thiện, và cách thức vận hành theo hướng "một cửa", tất cả các khách hàng đều được tiếp đón chu đáo và giải quyết các yêu cầu nhanh chóng bởi 01 nhân viên Dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp. Quy trình vận hành được thiết kế xuyên suốt đi từ bộ phận Dịch vụ Khách hàng là nơi tiếp nhận và xử lý các yêu cầu đầu tiên của khách hàng, đến Kiểm soát nghiệp vụ, Quản lý Giao dịch và Quản lý nghiệp vụ chứng khoán. Các quy trình vận hành được tự động hóa, nhằm tăng năng lực xử lý giao dịch cả về số lượng và chất lượng, cũng như giảm thiểu rủi ro vận hành.

Đặt nền móng vững chắc cho nền tảng dịch vụ và giao dịch chứng khoán số trên tinh thần tự chủ công nghệ

Như đề cập ở trên, chúng tôi đã hoàn thiện phiên bản đầu tiên của nền tảng dịch vụ và giao dịch chứng khoán số myhsc và sẽ triển khai rộng rãi vào cuối Quý 1 năm 2021. Đây là sản phẩm do chính đội ngũ HSC thực hiện so với hệ thống trước đây mua của đối tác nước ngoài. Mặc dù có những khó khăn trong quá trình triển khai, nhưng chúng tôi luôn vững tin vào năng lực công nghệ, kinh nghiệm cũng như kiến thức đầu tư chuyên sâu để tiếp tục phát triển mạnh mẽ myhsc trở thành nền tảng số hàng đầu trên thị trường. Tôi khẳng định công nghệ luôn được coi là lợi thế cạnh tranh của HSC và chúng tôi tiếp tục đầu tư mạnh vào con người, hệ thống để nâng cao năng lực cạnh tranh đó.

Liên tục cải tiến phương pháp và chính sách quản trị rủi ro

Năm 2020 chứng kiến sự bùng nổ về giá trị giao dịch của thị trường, kèm theo nhu cầu vay dịch vụ giao dịch ký quỹ. Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của HSC có thời điểm chạm ngưỡng quy định. Mặc dù áp lực tăng trưởng theo nhu cầu thị trường, nhưng chúng tôi luôn tuân thủ nguyên tắc vàng: "An toàn vốn cho khách hàng, cổ đông, công ty". Vì vậy, chính sách quản trị rủi ro của chúng tôi được liên tục rà soát, cải tiến theo những chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế. Các khía cạnh quản trị rủi ro được định nghĩa đầy đủ theo rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành, rủi ro thị trường, rủi ro con người,... với các tầng bảo vệ (line of defense). Tôi tin rằng nỗ lực trong việc cải tiến liên tục quản trị rủi ro sẽ đưa uy tín thương hiệu HSC trở thành tổ chức tài chính tin cậy nhất trong lĩnh vực hoạt động.

Triển khai hiệu quả kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) trong đại dịch Covid-19

Ngay từ những ngày đầu xảy ra đại dịch Covid-19, chúng tôi đã nhanh chóng thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 với ưu tiên hàng đầu là đảm bảo sức khỏe, an toàn cho nhân viên và tiếp đến là phải duy trì hoạt động kinh doanh liên tục. Chúng tôi tiến hành ngay các bước lập kế hoạch kinh doanh liên tục, phân công chức năng và trách nhiệm công việc, xây dựng quy trình triển khai theo các kịch bản leo thang tương ứng với cấp độ dịch bệnh được mô tả và diễn tập định kỳ. BCP đã thực sự phát huy hiệu quả, đạt được mục tiêu đặt ra. Nhận thức rõ dịch bệnh Covid-19 vẫn còn những nguy cơ bùng phát, và những rủi ro tiềm tàng khác có thể xảy ra, chúng tôi tiếp tục hoàn thiện bộ khung và các sáng kiến BCP ngày càng hoạt động hiệu quả hơn, ngăn ngừa các rủi ro gián đoạn kinh doanh, góp phần vào sự tăng trưởng bền vững của HSC.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, HSC luôn nỗ lực thúc đẩy các sáng kiến phát triển bền vững. Năm 2020, HSC tiếp tục thực hiện Báo cáo Phát triển Bền vững theo phiên bản có chuẩn mực quốc tế cao nhất với mô hình phát triển bền vững dựa trên các tác động từ hoạt động của HSC lên môi trường, xã hội và quản trị công ty. Trong kế hoạch hành động, chúng tôi cũng xác định rõ các đối tượng liên quan bao gồm khách hàng, người lao động, cổ đông/nhà đầu tư, cộng đồng địa phương và các cơ quan quản lý. Chúng tôi

hiểu rõ hài hòa lợi ích của các bên liên quan ngày càng trở nên quan trọng hướng tới sự phát triển bền vững.

Thành công của năm 2020 tiếp tục đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty trong năm 2021 và tiếp sau đó. Chúng tôi kiên định với chiến lược "Lấy khách hàng làm trung tâm", tiếp tục tối ưu hiệu quả các sáng kiến đã triển khai thành công, đồng thời khởi tạo thêm những sáng kiến mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Tôi vững tin vào nền tảng của HSC đã xây dựng thành công đến ngày hôm nay, bao gồm: uy tín thương hiệu, tiềm lực tài chính, quản trị rủi ro, nguồn lực con người, công nghệ thông tin và vận hành hiệu quả. Trên nền tảng đó, HSC hoàn toàn có thể đương đầu với những thách thức tiềm ẩn phía trước, tiếp tục tăng trưởng bền vững và mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, cổ đông và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

Tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong những năm kế tiếp.

Xin chúc Quý cổ đông luôn mạnh khỏe và thành công!

Trân trọng,



Trịnh Hoài Giang

Tổng Giám đốc

Nền tảng vững chắc của HSC





TỔNG QUAN VỀ HSC

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

	2016	2017	2018	2019	2020	CAGR trong 5 năm
Kết quả hoạt động kinh doanh (Triệu VND)						
Doanh thu	806.480	1.381.633	1.702.011	1.262.261	1.591.732	23%
Trong đó:						
- Môi giới chứng khoán	348.957	601.942	758.849	482.482 (***)	621.464	
- Hoạt động cho vay ký quỹ	343.657	439.219	523.064	508.242 (***)	549.942	
- Đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)	81.260	269.839	278.344	206.001 (***)	369.389	
- Doanh thu hoạt động tư vấn	24.602	45.179	119.217	53.628	37.741	
- Doanh thu khác	8.004	25.455	22.536	11.908	13.196	
Chi phí hoạt động	421.886	689.310	859.927	730.950	931.518	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	384.594	692.323	842.083	531.311	660.214	
Lợi nhuận trước thuế	385.383	692.601	842.186	531.406	660.305	
Lợi nhuận sau thuế	304.531	554.059	675.480	432.565	530.452	20%
Bảng cân đối kế toán (Triệu VND)						
Tổng tài sản	3.616.842	6.680.572	5.256.305	7.488.679	12.488.828	28%
Vốn điều lệ	1.272.568	1.297.568	1.297.568	3.058.823	3.058.823	19%
Vốn chủ sở hữu	2.391.917	2.791.161	3.060.536	4.304.143	4.440.355	14%
Các chỉ tiêu tài chính						
Thu nhập trên tài sản trung bình (ROAA)	9,1%	10,8%	11,3%	6,8%	5,3%	-1%
Thu nhập trên vốn cổ phần trung bình (ROAE)	13,0%	21,4%	23,1%	11,7%	12,1%	6%
Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	127.155.368	129.570.368	129.554.168	305.516.173	305.041.845	19%
Bình quân số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.167.449	129.183.149	129.563.377	270.969.586	305.207.187	19%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	2.395	4.289	5.214	1.596	1.738	1%
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu - VND	18.811	21.542	23.624	14.088	14.557	-4%
Cổ tức - VND (**)	1.700	2.100	2.500	1.200	1.200	-3%
Giá thị trường thời điểm cuối năm - VND	28.000	60.100	46.850	21.350	31.400	0%
P/E	11,7	14,0	9,0	13,4	18,1	0%

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được bù trừ với nhau để số liệu mang tính so sánh

(**) Số liệu tạm tính năm 2020 và phụ thuộc vào sự chấp thuận sau cùng

(***) Số liệu đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm 2020

Doanh thu (Triệu VND)



Lợi nhuận sau thuế (Triệu VND)



Giá trị sổ sách của một cổ phiếu (VND)



Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)



Tổng tài sản (Triệu VND)



Vốn chủ sở hữu (Triệu VND)



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

Trở thành một trong những định chế tài chính được ngưỡng mộ nhất, tin cậy nhất, và được đánh giá cao nhất trên thị trường, trong khi đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

SỨ MỆNH

Là Công ty chứng khoán dẫn đầu ngành chứng khoán và thị trường vốn tại Việt Nam trong những chuẩn mực về tính chuyên nghiệp, sáng tạo, sức khỏe, tài chính và phát triển bền vững.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



CHÍNH TRỰC

Chúng tôi mang sự chính trực vào trong mỗi quyết định kinh doanh và hoạt động hằng ngày của Công ty.



TÍCH CỰC

Chúng tôi thể hiện tinh thần tích cực, tôn trọng khi chia sẻ, tương tác với những người xung quanh.



TẬN TÂM

Chúng tôi làm việc tận tâm để cung cấp những dịch vụ tốt nhất và vượt kỳ vọng của những người xung quanh.



HỢP TÁC

Chúng tôi xây dựng những mối quan hệ hợp tác dựa trên sự tin tưởng, đồng cảm, và hỗ trợ lẫn nhau.



CHUYÊN NGHIỆP

Chúng tôi liên tục sáng tạo và nâng cao năng lực để trở thành một công ty đầu ngành trong thị trường vốn.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1 MÔI GIỚI



Dịch vụ môi giới

- Mở tài khoản giao dịch
- Môi giới: Cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, ETFs, chứng quyền có bảo đảm, chứng chỉ quỹ
- Tư vấn & quản lý tài khoản
- Quản lý giao dịch tiền
- Lưu ký
- Phân phối chứng chỉ quỹ
- Quản lý ủy thác
- Đại lý đấu giá IPO
- Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp

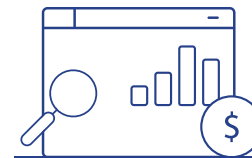
Dịch vụ tài chính

- Giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán
- Môi giới, đấu thầu và repo trái phiếu chính phủ
- Tài trợ vốn ngắn hạn cho đấu thầu trái phiếu chính phủ

Giao dịch điện tử

- Web trading
- Mobile trading
- DMA & STP
- FIX
- OMGEO
- Contact center
- SMS

3 NGHIÊN CỨU



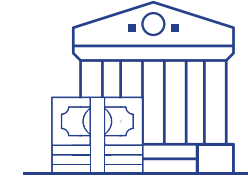
Báo cáo phân tích

- Vĩ mô & chiến lược
- Phân tích ngành
- Phân tích cổ phiếu
- Phân tích kỹ thuật
- Phân tích định giá cổ phiếu

Hỗ trợ khách hàng

- Tư vấn trực tiếp với chuyên viên phân tích
- Tổ chức cho khách hàng đi thăm doanh nghiệp
- Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài

2 NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp
- Tư vấn thoái vốn đầu tư cổ phần tại doanh nghiệp nhà nước
- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp
- Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK

Tư vấn mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A)

Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước

- Tư vấn phát hành (đại chúng & riêng lẻ)
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn thoái vốn
- Tư vấn phát hành riêng lẻ

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH



Đầu tư tự doanh

- Cổ phiếu
- Trái phiếu
- Chứng chỉ quỹ
- Phái sinh
- Chứng quyền có bảo đảm

Tạo lập thị trường

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

Từ khi thành lập năm 2003 đến nay, sự tăng trưởng liên tục về vốn và quy mô hoạt động đã đưa HSC vươn lên trở thành một trong những Công ty chứng khoán có hoạt động kinh doanh, năng lực tài chính tốt nhất Việt Nam.



2003

- Chính thức được thành lập với vốn điều lệ 50 tỷ VND.



2007

- Tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ VND.
- Thành lập chi nhánh Hà Nội tại số 6 Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm.
- Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông chiến lược HDBank và FIDICO.



2008

- Tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ VND.
- Trụ sở chính và Phòng giao dịch được chuyển đến tòa nhà Capital Palace, số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, TP. HCM.

- Tăng vốn điều lệ lên 395 tỷ VND.
- Ra mắt Trung tâm hỗ trợ khách hàng PBX và Hệ thống giao dịch trực tuyến VI-Trade.
- Thành lập Phòng giao dịch Hậu Giang tại TP. HCM.



2009

- Chính thức niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là HCM.
- Ra mắt hệ thống giao dịch trực tuyến VI-Trade, phiên bản cổng thông tin giao dịch thời gian thực.
- Thành lập Phòng giao dịch Láng Hạ tại Hà Nội.



2010

- Tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ VND.
- Thành lập bốn Phòng giao dịch: Trần Hưng Đạo và 3 Tháng 2 tại TP. HCM, Bà Triệu và Kim Liên tại Hà Nội.



2011

- Tăng vốn điều lệ hơn 998 tỷ VND.
- Chuyển trụ sở chính và Trung tâm dữ liệu CNTT tới địa điểm mới tại tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. HCM.



2012

- Tăng vốn điều lệ lên hơn 1.008 tỷ VND.
- Khai trương Phòng giao dịch Chợ Lớn tại TP. HCM.
- Kết nối trực tiếp với Bloomberg và Reuters thông qua giao thức FIX (Financial Information Exchange - Trao đổi thông tin tài chính).



2013

- Tăng vốn điều lệ lên hơn 1.273 tỷ VND.
- Được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2005 cho nghiệp vụ "Cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến và môi giới chứng khoán" do TUV Rheinland (CHLB Đức) cấp.



2014

- Ra mắt ứng dụng giao dịch trực tuyến trên iPad - HSC Trade Pro.
- Nhận Bằng khen của Bộ Tài Chính cho những đóng góp xây dựng và phát triển Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội giai đoạn 2009 - 2014.



2015

- Ra mắt HSC iTrade - một sản phẩm đột phá dựa trên các ứng dụng thương mại thông minh.
- Nhận Bằng khen của Bộ Tài chính vì đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.



2016

- Thành lập Phòng giao dịch Nguyễn Văn Trỗi tại TP. HCM và phòng giao dịch Láng Hạ tại Hà Nội.
- Đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2010 - 2014.
- Nhận Bằng khen của UBND TP. HCM vì góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố.



2017

- Triển khai HSC Trade cho hệ điều hành Android, hoàn thiện hệ sinh thái giao dịch trực tuyến.
- Tiên phong xây dựng và tham gia vào sự ra đời của thị trường phái sinh Việt Nam với sản phẩm giao dịch đầu tiên là Hợp đồng tương lai chỉ số VN30.
- Phát hành thành công 800 tỷ VND trái phiếu doanh nghiệp.



2018

- Ra mắt kênh môi giới trực tuyến: www.online.hsc.com.vn
- Nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài lên 100%.
- Thành lập Phòng Giao dịch Nam Sài Gòn.
- Tổ chức thành công sự kiện Emerging Vietnam, là cầu nối giữa doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam cùng nhà đầu tư quốc tế.



2019

- Tăng vốn điều lệ lên 3.058 tỷ VND.
- Ra mắt nền tảng giao dịch trái phiếu doanh nghiệp bond.hsc.com.vn giúp nhà đầu tư giao dịch trái phiếu một cách dễ dàng và thuận tiện.
- Phát hành chứng quyền có đảm bảo.
- **Bổ nhiệm ông Trịnh Hoài Giang – Nguyên Phó Tổng Giám đốc vào vị trí Tổng Giám đốc.**



2020

- Tham gia tạo lập thị trường cho sản phẩm Chứng chỉ quỹ VFMVN Diamond ETF.
- Ra mắt ứng dụng mở tài khoản trực tuyến với định danh điện tử (eKYC) cho phép khách hàng cá nhân mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại HSC nhanh chóng, thuận tiện.
- Thử nghiệm hệ thống giao dịch chứng khoán mới myhsc – nền tảng số vượt trội tích hợp đầy đủ các sản phẩm đầu tư, thông tin tư vấn và dịch vụ chứng khoán.
- Ra mắt Trung tâm Dịch vụ khách hàng tại Tầng 2, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. HCM.

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

2012



- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 2012 tại sự kiện Country Awards 2012 do tạp chí The Asset trao tặng.
- Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2012 cùng 21 danh hiệu cao quý khác do tạp chí AsiaMoney trao tặng.
- Giải thưởng quốc tế cao nhất về Báo cáo thường niên ngành Tài chính - Thị trường vốn, cùng 6 danh hiệu lớn khác tại LACP 2011 Vision Awards do LACP tổ chức.
- Công ty chứng khoán duy nhất trong Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2012 do tạp chí Nhịp cầu Đầu tư tổ chức.
- Nhà tư vấn M&A tiêu biểu Việt Nam năm 2011 – 2012 tại diễn đàn M&A Việt Nam.

2013



- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 2013 tại sự kiện Triple A Country Awards 2013 do tạp chí The Asset trao tặng.
- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- Công ty chứng khoán tiêu biểu năm 2013 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao tặng.

2014



- Nhà môi giới và Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam tại sự kiện Triple A Country Awards 2014 do tạp chí The Asset trao tặng.
- Top 3 Môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất tại Việt Nam và các danh hiệu hàng đầu khác về dịch vụ môi giới và sản phẩm nghiên cứu do tạp chí AsiaMoney bình chọn.
- Nhà Môi giới được Quản trị Tốt nhất Khu vực Châu Á Thái Bình Dương do Asian Banker trao tặng.
- Bảng khen của Bộ Tài Chính cho những đóng góp xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán của HNX giai đoạn 2009 - 2014.
- Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.
- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- Giải Đồng hạng mục Báo cáo thường niên truyền thống trong lĩnh vực Các dịch vụ tài chính: Môi giới & Hàng hóa, "Giải thưởng danh dự" cho hạng mục "Written Text" tại giải thưởng Báo cáo thường niên quốc tế ARC 2014.
- Giải Vàng và 3 giải thưởng khác trong ngành Tài chính - Thị trường vốn tại giải thưởng Báo cáo thường niên quốc tế LACP Vision Awards 2013.
- Top 10 Báo cáo thường niên xuất sắc nhất tại giải thưởng Báo cáo thường niên.

2015



- Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.
- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- Top 3 Công ty Niêm yết của Việt Nam có cơ cấu quản trị tốt nhất do Chương trình Thẻ điểm Quản trị Công ty trao tặng.
- Bảng khen Thủ tướng Chính phủ cho những thành tích nổi bật đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Bảng khen của Chủ tịch UBND TP. HCM ghi nhận các nỗ lực trong việc triển khai chương trình phát triển bền vững và các đóng góp tạo nên các giá trị lâu dài cho cổ đông.
- Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao tặng.
- Báo cáo thường niên xuất sắc nhất, Báo cáo Quản trị tốt nhất, Top 3 Báo cáo Phát triển bền vững tốt nhất tại giải thưởng Báo cáo thường niên.
- Giải đồng Báo cáo Thường niên Truyền thống trong cuộc thi quốc tế ARC Awards cho lĩnh vực Dịch vụ Tài chính - Dịch vụ Môi giới chứng khoán và hàng hóa dịch vụ cơ bản do Mercomm Inc. (Hoa Kỳ) trao tặng.

2016



- Top 50 Công ty Niêm yết Tốt nhất 2016 do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- Bảng khen của Bộ Tài chính nhờ thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững do VCCI trao tặng.
- Top 10 Báo cáo thường niên xuất sắc nhất tại giải thưởng Báo cáo thường niên.

2017



- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam tại sự kiện Triple A Country Awards 2017 do tạp chí The Asset trao tặng.
- Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.
- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất, Báo cáo quản trị tốt nhất tại giải thưởng Báo cáo thường niên.

2018



- Top 3 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam tại sự kiện ASEAN Coporate Governance Awards Ceremony lần thứ 2 do ASEAN Capital Markets Forum tổ chức tại Malaysia.
- Top 5 Doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất và Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất dành cho nhóm doanh nghiệp vốn hóa lớn trong Cuộc bình chọn Doanh Nghiệp Niêm Yết năm 2018.
- Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.
- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- Doanh nghiệp niêm yết (Mid Cap) có hoạt động IR (Investor Relations – Quan hệ nhà đầu tư) được các Định chế Tài chính đánh giá cao nhất 2018 tại sự kiện Doanh nghiệp có hoạt động IR tốt nhất 2018 do Vietstock phối hợp với Tài chính và Cuộc sống điện tử - FiLi.vn tổ chức.
- Công ty Chứng khoán tiêu biểu năm 2017 – 2018 cho hạng mục Tư vấn IPO & Phát hành riêng lẻ tại diễn đàn M&A Việt Nam.

2019



- Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất tại Việt Nam do tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng.
- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất tại Việt Nam do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- Top 50 Công ty hoạt động tốt nhất tại Việt Nam do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.
- Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam tại sự kiện Triple A Country Awards do tạp chí The Asset bình chọn.
- Top 5 Doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn quản trị công ty tốt nhất 2019 trong cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết - do Ủy Ban Chứng khoán và HSX trao tặng.

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG (TIẾP THEO)

2020



Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng.



Top 5 Doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn quản trị công ty tốt nhất 2020 do Ủy ban Chứng khoán (SSC) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) trao tặng.

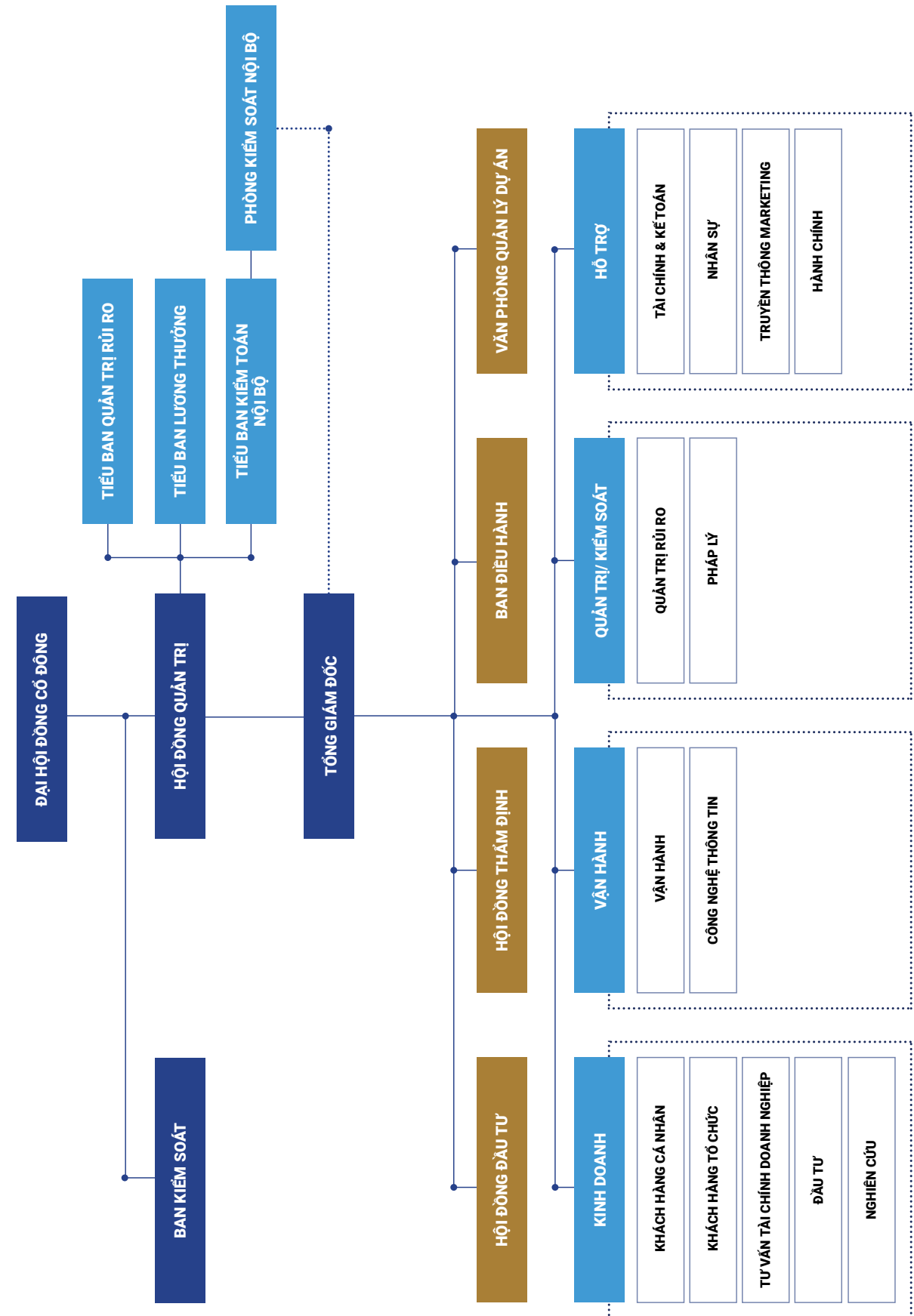


Top 50 Công ty hoạt động tốt nhất tại Việt Nam do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.



Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất 2020 do Vietstock phối hợp với FiLi - cơ quan báo chí của Hiệp hội Các nhà quản trị tài chính Việt Nam trao tặng.

CƠ CẤU CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông
ĐỖ HÙNG VIỆT**

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT không điều hành

Ông Đỗ Hùng Việt được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2011. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Kinh tế khoa Ngân hàng, ông giữ chức vụ Trưởng phòng Ủy thác Quỹ Đầu tư phát triển đô thị TP. HCM (HIFU) trước khi trở thành Tổng Giám đốc HSC từ những ngày đầu thành lập năm 2003. Ông có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam với vai trò thành viên Ban Kiểm soát và Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB) từ năm 2006 đến 2019.



**Ông
PHẠM NGHIÊM XUÂN BẮC**

Thành viên HĐQT
không điều hành

Được bổ nhiệm từ tháng 02/2002, ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc đã có hơn 19 năm là thành viên HĐQT Công ty HSC. Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh và Cử nhân Luật. Hiện ông đang giữ các chức vụ Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (Vision & Associates); Chủ tịch Hội đồng Luật sư thành viên Công ty Luật TNHH Tâm nhìn và Liên danh; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cộng Hưởng. Trước đó, ông đã là Phó Tổng Giám đốc Công ty InvesConsult từ năm 1989 đến 1999.



**Ông
LÊ THĂNG CẦN**

Thành viên HĐQT
không điều hành

Ông Lê Thăng Cần là thành viên HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2015. Ông gia nhập Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP. HCM (HFIC) sau khi tốt nghiệp đại học chuyên ngành Kinh tế và được đề bạt làm Trưởng phòng Đầu tư. Trước HFIC, ông Lê Thăng Cần đã có thời gian công tác tại Công ty TNHH Việt Huy với vị trí Giám đốc Tài chính.



**Ông
LÊ ANH MINH**

Phó Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
không điều hành

Ông Lê Anh Minh là thành viên HĐQT công ty HSC trong 12 năm, và được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch HĐQT từ tháng 4/2011. Ông gia nhập công ty Dragon Capital (DC) từ 2002 và đã giữ nhiều chức vụ tại đây như Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, thành viên điều hành HĐQT của DCG. Ông đã từng là Giám đốc Tài chính khu vực Đông Nam Á công ty Coca-Cola. Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Wharton, bang Pennsylvania, Mỹ.



**Ông
JOHAN NYVENE**

Thành viên HĐQT
không điều hành

Ông Johan Nyvene là thành viên HĐQT Công ty HSC từ tháng 06/2007. Ông còn là Tổng Giám đốc Công ty HSC trong suốt 13 năm từ 2007 đến tháng 03/2020. Dưới sự lãnh đạo của ông, HSC đã phát triển lớn mạnh, trở thành một trong những công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam. Trước đó, ông đã làm việc tại Ngân hàng HSBC, nơi ông thành lập và lãnh đạo Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam. Ông đã trải qua 9 năm đầu trong sự nghiệp tài chính của mình với các vị trí chuyên viên phân tích và chuyên viên Ngân hàng Quốc tế, phụ trách các thị trường Đông Nam Á tại Ngân hàng CoreStates First Union, Mỹ.



**Ông
LÊ HOÀNG ANH**

Thành viên HĐQT
không điều hành

Ông Lê Hoàng Anh được bổ nhiệm là thành viên HĐQT công ty HSC từ tháng 04/2016. Ông gia nhập công ty Dragon Capital (DC) từ năm 2000. Từ ngày 22/12/2020 ông giữ chức vụ Trưởng Đại diện VPĐD Dragon Capital Management (HK) Ltd. tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi tham gia DC, ông đã có thời gian làm việc tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, ông cũng là thành viên HĐQT của công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM).



**Ông
LÂM HOÀI ANH**

Thành viên HĐQT
không điều hành

Ông Lâm Hoài Anh là Thành viên HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2018. Hiện ông đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP. HCM (HFIC). Ngoài ra, ông cũng đang là thành viên HĐQT của Công ty CP Sài Gòn Kim Cương và Công ty CP Dệt May Gia Định. Ông có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

BAN KIỂM SOÁT



Ông
VÕ VĂN CHÂU

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Võ Văn Châu đã có 19 năm là thành viên của Ban Kiểm soát công ty HSC từ tháng 12/2002. Ông đã từng giữ vai trò Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long đến năm 2018. Trước đó, ông là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Cố vấn Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long; Cố vấn Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Đại Tín và Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông và Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Á Châu tại Đà Nẵng và Đắk Lắk.



Ông
ĐOÀN VĂN HINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Văn Hinh gia nhập Ban Kiểm soát công ty HSC từ năm 2007 đến nay. Ông là Giám đốc Tài chính của CTCP Đầu tư Phát triển Saigon Coop giai đoạn 2007 - 2014 và giữ chức Kế toán trưởng tại Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. HCM giai đoạn 1997 - 2007.



Bà
ĐẶNG NGUYỆT MINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Được bổ nhiệm từ tháng 4/2013, bà Đặng Nguyệt Minh hiện đã có hơn 7 năm là thành viên của Ban Kiểm soát HSC. Hiện tại, bà đang giữ chức vụ Phó Phòng Nghiên cứu của công ty Dragon Capital (DC).

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông
TRỊNH HOÀI GIANG

Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Hoài Giang được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc công ty HSC từ ngày 09/01/2020. Ông đã có 13 năm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Đầu tư và Vận hành của HSC. Trước HSC, ông là Giám đốc Nghiệp vụ tại Dragon Capital Group (DCG) từ năm 2005, và đã từng công tác tại phòng Quản lý Nguồn vốn của Ngân hàng Vietcombank, ông có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam với vai trò Phó Chủ tịch Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam từ năm 2010. Ông là học giả Fulbright và tốt nghiệp chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Mỹ năm 2005.



Ông
NGUYỄN CẢNH THỊNH

Giám đốc Điều hành
Khối Khách hàng cá nhân

Ông Nguyễn Cảnh Thịnh được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Khối Khách hàng cá nhân từ tháng 3 năm 2019. Ông gắn bó với HSC ngay từ những năm đầu công ty thành lập và trải qua 15 năm làm việc, ông đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong của Khối Khách hàng cá nhân. Với bề dày kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng, ông Thịnh đã triển khai thành công các sáng kiến chiến lược về chuyển đổi mô hình hoạt động, xây dựng đội ngũ kinh doanh chất lượng, đưa Khối Khách hàng cá nhân phát triển, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng doanh thu và xây dựng vị thế hàng đầu của HSC trong lĩnh vực hoạt động.



Ông
STEPHEN JAMES MCKEEVER

Giám đốc Điều hành
Khối Khách hàng tổ chức

Ông Stephen James McKeever gia nhập HSC từ năm 2018. Trước HSC, ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý cấp cao tại các công ty tài chính hàng đầu như Giám đốc Kinh doanh Khu vực Châu Á của Mizuho Securities Asia, Giám đốc Kinh doanh của Standard Chartered Bank. Ông tốt nghiệp Cử nhân Tài chính tại trường London School of Economics.

BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



**Ông
PHẠM NGỌC BÍCH**
Giám đốc Điều hành
Khối Tài chính Doanh nghiệp

Ông Phạm Ngọc Bích được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Khối Tài chính Doanh nghiệp tại HSC từ 2016. Ông có 25 năm kinh nghiệm tại thị trường tài chính quốc tế thông qua nhiều chức vụ cao cấp bao gồm Phó Giám đốc - Giao dịch thị trường phái sinh tại Ngân hàng Credit Lyonnais Canada; Giám đốc Đầu tư Công ty Quản lý quỹ CIBC Global Asset Management tại Canada và Hồng Kông; CEO – Công ty quản lý Quỹ Prudential/East Spring Việt Nam và Giám đốc Điều hành Khối Khách hàng tổ chức tại Công ty chứng khoán SSI trước khi gia nhập HSC.



**Ông
TRẦN TẤN ĐẠT**
Giám đốc Điều hành
Phụ trách Trading
Khối Khách hàng tổ chức

Ông Trần Tấn Đạt được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành phụ trách Trading Khối Khách hàng tổ chức từ 2018. Ông đã có 15 năm gắn bó với HSC kể từ khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Quốc tế tại trường Đại học Hogeschool Zeeland. Cùng với các đồng sự, ông đã đưa Khối Khách hàng tổ chức HSC trở thành một trong những nhà môi giới lớn nhất cho các tổ chức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và tiếp tục giữ vững vị thế cho đến hiện tại.



**Ông
LÊ NGUYÊN BÌNH**
Giám đốc Điều hành
Phụ trách vận hành

Ông Lê Nguyên Bình gia nhập HSC với vai trò Giám đốc Điều hành – Phụ trách Vận hành từ ngày 01/12/2020. Trước khi gia nhập HSC, Ông Bình là Trưởng Bộ phận Quản trị quỹ của Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Investments (Eastspring Việt Nam), phụ trách quản lý hoạt động giao dịch quản lý quỹ, công nghệ thông tin và hệ thống quản trị dữ liệu của Eastspring Việt Nam trong suốt 15 năm. Trước đó, Ông Bình là Chuyên Viên Tài Chính Cao Cấp của Tập đoàn Hóa chất Mitsui của Nhật Bản tại Việt Nam từ năm 1997 – 2000. Bên cạnh đó, ông Bình cũng là thành viên của Tiểu ban Phát triển Thị trường của Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam (VBMA) và là thành viên của Ban Soạn thảo Các chuẩn mực Báo cáo Kế toán cho Thị trường vốn do Bộ Tài chính chủ trì.



**Ông
LÊ ANH QUÂN**
Giám đốc Điều hành
Phát triển Quan hệ Hợp tác

Ông Lê Anh Quân gia nhập HSC từ năm 2018. Ông có hơn 26 năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý khác nhau như Giám đốc Khối Truyền thông và Marketing Ngân hàng Techcombank, Phó Tổng Giám đốc Marketing Kinh Do Group, Giám đốc Kinh doanh tại Công ty Media DID TV, Giám đốc Ngành hàng của Unilever Việt Nam, và Giám đốc Online Marketing Công ty Walt Disney tại Los Angeles, California. Ông Quân có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại trường Anderson School of Management thuộc Đại học Bang California tại Los Angeles (UCLA).



**Ông
CHRISTOPHER HUNT**
Giám đốc Điều hành
Khối Nghiên cứu

Ông Christopher Hunt gia nhập HSC với vai trò Giám đốc Điều hành – Khối Nghiên cứu từ 2019. Trước khi gia nhập HSC, Ông Christ Hunt có hơn 30 năm kinh nghiệm ở lĩnh vực nghiên cứu, tư vấn tài chính và phát triển sản phẩm. Ông từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Điều hành bộ phận Nghiên cứu tại các công ty chứng khoán và định chế tài chính hàng đầu như HSBC Securities, SG Warburg, PXP Management, CIMB, Standard Chartered.



**Ông
BẠCH QUỐC VINH**
Giám đốc Điều hành
Khu vực phía Bắc

Ông Bạch Quốc Vinh tham gia HSC từ năm 2007. Trước khi gia nhập HSC, ông có hơn 10 năm kinh nghiệm quản lý tại Prudential Việt Nam và đã đảm nhiệm nhiều chức vụ tại đây như Trưởng nhóm Kinh doanh, Trưởng Ban Kinh doanh chi nhánh tại Hà Nội, Giám đốc văn phòng Tổng Đại Lý Prudential tại Nghệ An và Hà Tĩnh.



**Ông
LÂM HỮU HỒ**
Giám đốc Tài chính

Ông Lâm Hữu Hồ đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính tại HSC từ 2007. Trước khi gia nhập HSC, ông có hơn 5 năm kinh nghiệm tại Công ty Kiểm toán KPMG Việt Nam và từng giữ vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ - Công ty Dầu thực vật Cái Lân giai đoạn 2003 – 2007.



**Bà
NGUYỄN LINH LAN**
Giám đốc Điều hành
Quản lý Nhân sự

Bà Nguyễn Linh Lan gia nhập HSC từ năm 2019 với vị trí Giám đốc Điều hành Quản lý Nhân sự. Trước HSC, bà có bề dày 25 năm kinh nghiệm và là chuyên gia trong các lĩnh vực như phát triển nhân tài, Tổ chức – Vận hành và tạo lập chiến lược tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế như AIA, M&P International, Vận tải Sài Gòn, Vận tải Katran và Mayer Brown – Công ty tư vấn pháp luật của Mỹ.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	72.975.180	23,86%	1	1	-
2	Cổ đông lớn	91.650.556	29,96%	1	1	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	91.650.556	29,96%	1	1	-
3	Cổ phiếu quỹ	840.418	0,27%	-	-	-
4	Cổ đông khác	140.416.109	45,91%	9.992	136	9.856
	- Trong nước	86.658.166	28,33%	9.677	68	9.609
	- Nước ngoài	53.757.943	17,57%	315	68	247
	TỔNG CỘNG	305.882.263	100,00%	9.994	138	9.856
	Trong đó:					
	- Trong nước	160.473.764	52,46%	9.678	69	9.609
	- Nước ngoài	145.408.499	47,54%	316	69	247

CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	164.625.736	53,82%	2	2	-
	- Trong nước	72.975.180	23,86%	1	1	-
	- Nước ngoài	91.650.556	29,96%	1	1	-
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP	54.328.702	17,76%	72	72	-
	- Trong nước	2.393.887	0,78%	19	19	-
	- Nước ngoài	51.934.815	16,98%	53	53	-
	TỔNG CỘNG	218.954.438	71,58%	74	74	-

LOẠI HÌNH SỞ HỮU

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Người nội bộ	576.720	167.705.845	168.282.565	55,02%
II. Cổ phiếu quỹ	-	840.418	840.418	0,27%
III. Cổ đông khác	2.954.064	133.805.216	136.759.280	44,71%
1. Trong nước	2.667.336	80.334.001	83.001.337	27,14%
1.1 Cá nhân	2.667.336	75.997.388	78.664.724	25,72%
1.2 Tổ chức	-	4.336.613	4.336.613	1,42%
Trong đó Nhà nước:	-	-	-	-
2. Nước ngoài	286.728	53.471.215	53.757.943	17,57%
2.1 Cá nhân	286.728	1.510.253	1.796.981	0,59%
2.2 Tổ chức	-	51.960.962	51.960.962	16,99%
TỔNG CỘNG	3.530.784	302.351.479	305.882.263	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
A. Cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)						
1	Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	300535140	13/04/2010	33-39 Pasteur, Q. 1, TP. HCM	72.975.180	23,86%
1.1	Lâm Hoài Anh	001072008603	01/06/2016	290/9 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3, TP. HCM	51.082.626	16,70%
1.2	Lê Thăng Cần	025776876	18/04/2013	60/21/6 Đường số 04, KP5, Trường Thọ, TP. Thủ Đức	21.892.554	7,16%
	Tổng cộng A:				72.975.180	23,86%
B. Cổ đông lớn đồng thời là cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)						
2	Dragon Capital Markets Limited (DC)	C00001	27/07/2000	P.1901, Tầng 19, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Q. 1, TP. HCM	91.650.556	29,96%
	Tổng cộng B:				91.650.556	29,96%
	Tổng cộng (A+B):				164.625.736	53,82%

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG (TIẾP THEO)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ đại diện (%)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ							
1	Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch	-	41.924	41.924	0,01%	-
2	Lâm Hoài Anh	TV HĐQT	-	51.082.626	51.082.626	0,00%	16,75%
	Số CP sở hữu riêng		-	-	-		
	Số CP đại diện Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP. HCM (HFIC) (Cổ đông nhà nước)		-	51.082.626	51.082.626		16,75%
3	Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch	-	45.927.871	45.927.871	0,03%	15,02%
	Số CP sở hữu riêng		-	102.592	102.592	0,03%	
	Số CP đại diện Dragon Capital Markets Limited (DC)		-	45.825.279	45.825.279		15,02%
4	Lê Thăng Cần	Thành viên	-	21.892.554	21.892.554	-	7,18%
	Số CP sở hữu riêng		-	-	-		
	Số CP đại diện Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP. HCM (HFIC) (Cổ đông nhà nước)		-	21.892.554	21.892.554		7,18%
5	Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	-	460.000	460.000	0,15%	-
6	Lê Hoàng Anh	Thành viên	-	-	-	-	-
7	Johan Nyvene	TV HĐQT	182.880	47.024.417	47.207.297	0,45%	15,02%
	Số CP sở hữu riêng		182.880	1.199.140	1.382.020	0,45%	
	Số CP đại diện Dragon Capital Markets Limited (DC)		-	45.825.277	45.825.277		15,02%
	CỘNG		182.880	166.429.392	166.612.272	0,65%	53,97%
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC							
1	Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc	182.880	760.471	943.351	0,31%	-
	CỘNG		182.880	760.471	943.351	0,31%	-
BAN KIỂM SOÁT							
1	Võ Văn Châu	Trưởng ban	-	40.418	40.418	0,01%	-
2	Đoàn Văn Hình	Thành viên	-	10.935	10.935	0,0036%	-
3	Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	-	-	-	-	-
	CỘNG		-	51.353	51.353	0,02%	-
1	Lâm Hữu Hồ	Kế toán trưởng	92.880	385.909	478.789	0,16%	-
2	Lê Anh Quân	Giám đốc Điều hành Phát triển Quan hệ hợp tác	118.080	78.720	196.800	0,06%	-
	TỔNG CỘNG		576.720	167.705.845	168.282.565	1,20%	53,97%

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	305.882.263	cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Phổ thông	
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/	cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	840.418	cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành	305.041.845	cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	3.530.784	cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	302.351.479	cổ phần

CỔ PHIẾU QUỸ

Nội dung	Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 01/01/2020		Số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi (tăng *) trong kỳ		Số cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2020	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Số lượng	Tỷ lệ	
Số lượng cổ phiếu quỹ	366.090	0,120%	474.328	840.418	0,275%	

Ghi chú:

* Trong năm 2020, Công ty có thu hồi 474.328 cổ phiếu của mười bảy (17) nhân viên nghỉ việc đã tham gia Chương trình ESOP 2018 theo đúng quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt Công ty.





HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KINH TẾ VĨ MÔ

Đại dịch Covid-19 kéo dài trong năm 2020 đã tạo ra sự gián đoạn và giảm sút mạnh mẽ các hoạt động kinh tế, sản xuất kinh doanh, gây hệ lụy đến tình trạng mất việc làm, nguồn cung và cầu giảm mạnh, và kết quả là quy mô nền kinh tế toàn cầu đã giảm 4,3% theo ước tính của Ngân hàng Thế giới.

Việt Nam cũng bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiêu dùng nội địa và giá trị xuất khẩu giảm vì khó khăn ở các nền kinh tế lớn trên thế giới khiến nhu cầu sụt giảm. GDP Quý 2 năm 2020 tăng 0,36%, thấp nhất trong nhiều năm. Tuy nhiên, Việt Nam đã xuất sắc vượt qua những khó khăn này nhờ thành công trong việc ngăn chặn dịch bệnh, mang lại tăng trưởng kinh tế tốt hơn nhiều so với dự đoán. GDP tăng lần lượt 2,6% và 4,4% trong Quý 3 và Quý 4. Với mức tăng trưởng GDP 2,9% YoY trong cả 12 tháng, Việt Nam nằm trong một số ít các quốc gia có mức tăng trưởng dương trong năm 2020.

Nền kinh tế toàn cầu được dự báo là sẽ tiếp tục phục hồi vào năm 2021 với mức tăng trưởng 4,0% theo ước tính của Ngân hàng Thế giới. Các nền kinh tế lớn dự kiến sẽ duy trì các chính sách tiền tệ thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, sự hồi phục phần lớn sẽ phụ thuộc vào diễn biến của Covid-19. Với làn sóng lây nhiễm mới đang diễn ra ở nhiều quốc gia, việc tăng tốc sản xuất và phân phối vắc xin là rất quan trọng đối với mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong 2021.

Việt Nam đã kết thúc một trong những năm khó khăn nhất trong lịch sử với các điều kiện vĩ mô ổn định và các nền tảng kinh tế tốt hơn. Lạm phát đã được kiểm soát tốt và dưới mục tiêu của chính phủ là 4%. Dự trữ ngoại tệ tăng thêm 27 tỷ USD lên 100 tỷ USD, tương đương 4 tháng nhập khẩu. Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8. Năng suất lao động tăng 5,4%. Thành công và kinh nghiệm trong việc ngăn chặn đại dịch sẽ cho phép Việt Nam duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục và phân bổ nguồn lực để đưa nền kinh tế trở lại quỹ đạo tăng trưởng dài hạn. Trong khi chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 6% vào năm 2020, các tổ chức tài chính toàn cầu và các tổ chức đa phương kỳ vọng mức tăng trưởng cao hơn - Ngân hàng Standard Chartered Bank: 7,8%, Ngân hàng HSBC: 7,6%, Ngân hàng Thế giới: 6,8%.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

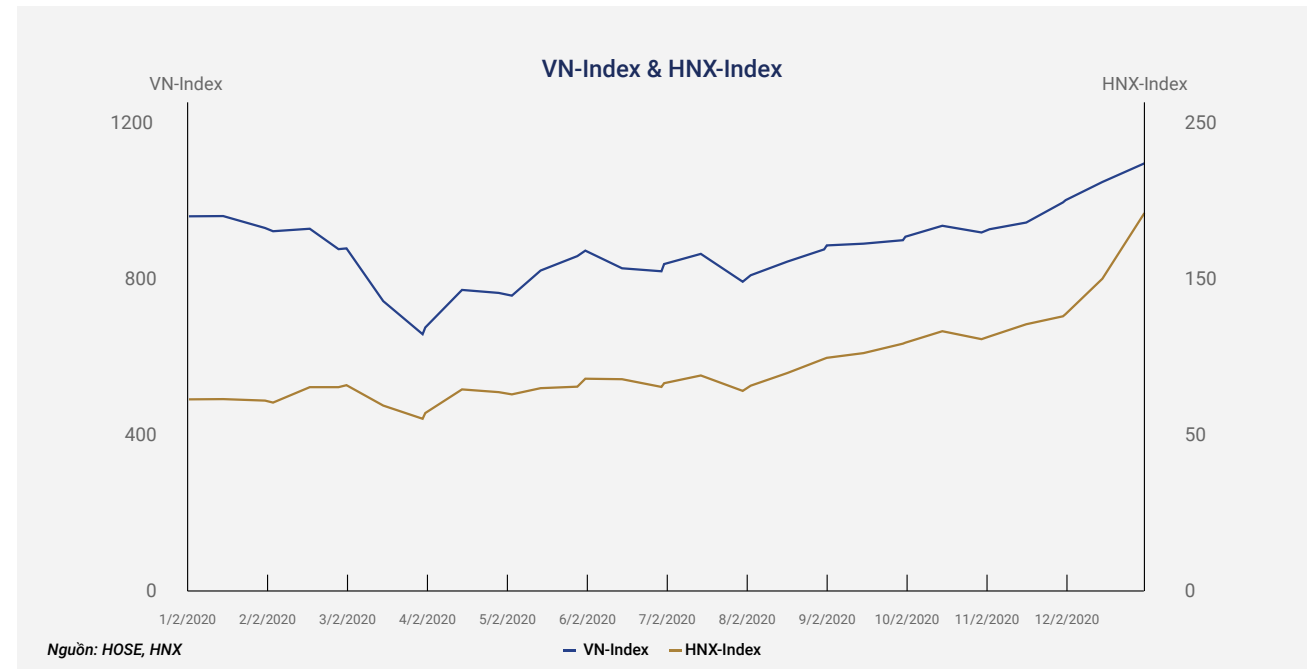
Thị trường chứng khoán Việt Nam, và có lẽ là tất cả các thị trường chứng khoán lớn khác trên toàn cầu đều chứng kiến những biến động lớn trong năm 2020 trong bối cảnh đại dịch Covid-19, gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế vĩ mô, xã hội.

Thị trường chứng khoán cơ sở

Chỉ số VN-Index giảm mạnh 33,5% từ 991,4 trong tháng 1 xuống 630 trong tháng 3 do các nhà đầu tư lo ngại sâu sắc về thiệt hại kinh tế khi các ca nhiễm Covid-19 liên tục được phát hiện ở nhiều quốc gia và Việt Nam. Điều đáng ngạc nhiên là sau khi sụt giảm, thị trường lại phục hồi mạnh mẽ khi chỉ số VN-Index tăng lên 901 trong tháng 6. Sự hồi phục đáng kinh ngạc của thị trường được cho là do ba nguyên nhân chính: (1) Sự phục hồi, dẫn đầu bởi cổ phiếu các công ty công nghệ, của các chỉ số chứng khoán ở Mỹ đã giúp trấn an tâm lý nhà đầu tư trên toàn cầu bao gồm cả Việt Nam;

(2) Thành công trong việc ngăn chặn vi rút ở Việt Nam và một số nước như Trung Quốc tạo niềm tin cho nhà đầu tư rằng vi rút có thể được kiểm soát; (3) Việc cắt giảm lãi suất khiến cổ phiếu trở nên hấp dẫn hơn so với các loại tài sản khác như tiền gửi ngân hàng, đặc biệt là sau khi định giá thị trường giảm xuống mức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

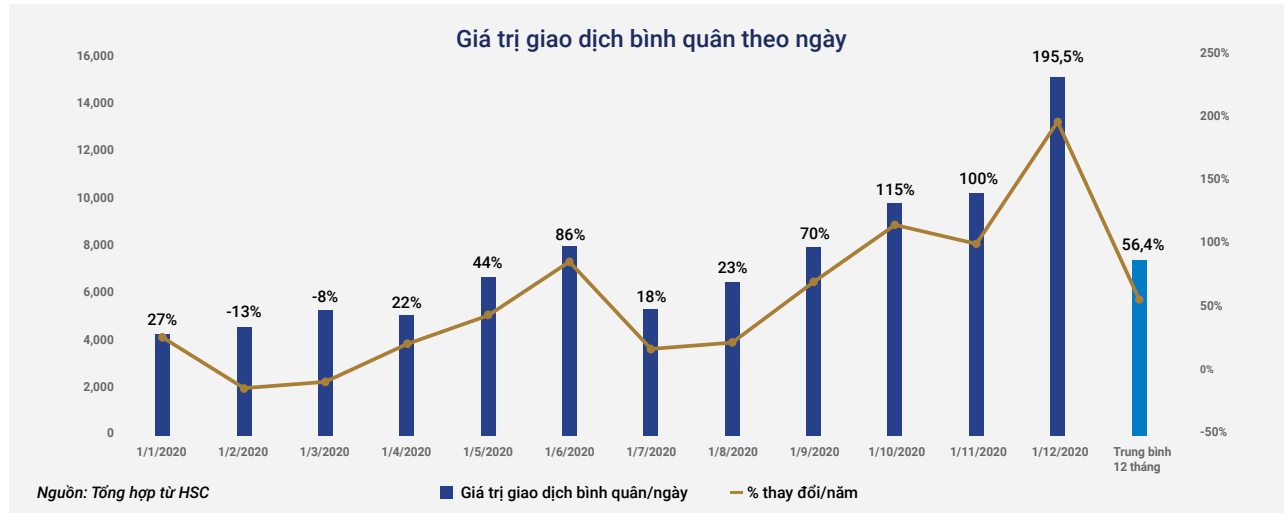
Làn sóng Covid thứ hai xảy ra tại miền Trung trong tháng 7 dẫn đến sự điều chỉnh mạnh khi VN-Index giảm xuống mức 772. Một lần nữa, Việt Nam đã thành công trong việc ngăn chặn làn sóng thứ hai và điều đó củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào khả năng của Chính phủ trong việc kiểm soát Covid-19. Ngoài ra, các nhà đầu tư cũng lạc quan về khả năng thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng lên Thị trường mới nổi khi Chính phủ một lần nữa thúc giục các cơ quan quản lý thị trường vốn thực hiện các biện pháp cần thiết để đạt được mục tiêu nâng hạng vào năm 2025. Chính các yếu tố trên đã giúp VN-Index phục hồi mạnh mẽ lên mức 1.113 điểm vào cuối tháng 12, tương đương mức tăng 14,6% trong năm 2020.



Sự tăng vọt về giá trị giao dịch trên thị trường chứng khoán trong năm 2020 là một bất ngờ thú vị khác. Sau khi sụt giảm trong tháng 2 và tháng 3 do tâm lý của các nhà đầu tư trở nên thận trọng khi các ca nhiễm Covid-19 được phát hiện ở nhiều quốc gia, giá trị giao dịch bắt đầu tăng vào tháng 4 và

ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể trong những tháng tiếp theo. Trung bình cả năm, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày năm 2020 tăng mạnh 56,4% lên 7.310 tỷ đồng trong năm 2020 từ 4.673 tỷ đồng trong năm 2019.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (TIẾP THEO)

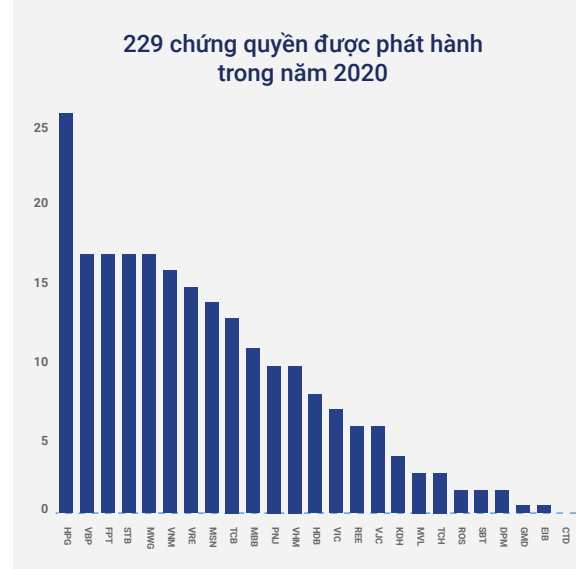


Sự tăng trưởng về giá trị giao dịch chủ yếu được thúc đẩy bởi các nhà đầu tư trong nước với mức tăng giá trị giao dịch của nhóm nhà đầu tư này đạt 67,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Như đã phân tích trước đó, sau đợt giảm mạnh từ tháng 1 đến tháng 3, định giá thị trường chứng khoán trở nên hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Ngoài ra, khi lãi suất huy động giảm đáng kể, các nhà đầu tư kỳ vọng thị trường chứng khoán sẽ là kênh tạo ra lợi nhuận tốt hơn. Số lượng tài khoản đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư trong nước được mở mới trong năm 2020 đạt 393.659 tài khoản, mức cao nhất trong 20 năm hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam. Kinh tế vĩ mô ổn định bất chấp những thách thức trong ngắn hạn đã trấn an các nhà đầu tư rằng Việt Nam có thể sớm quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng.

Tâm lý lạc quan của các nhà đầu tư đã thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển cả về giá trị vốn hóa và giá trị giao dịch.

Các nhà đầu tư nước ngoài, chủ yếu là nhà đầu tư tổ chức, ghi nhận giá trị giao dịch tăng 23,5%; do đó, thị phần của họ trong tổng giá trị giao dịch giảm xuống 11,3% trong năm 2020 từ 14,7% trong năm 2019. Thông thường, các nhà đầu tư tổ chức theo đuổi chiến lược đầu tư dài hạn, đồng nghĩa với tần suất giao dịch thấp hơn các nhà đầu tư cá nhân. Vì vậy, sự tăng trưởng giá trị đầu tư của nhóm nhà đầu tư này trong năm 2020 là rất đáng khích lệ.

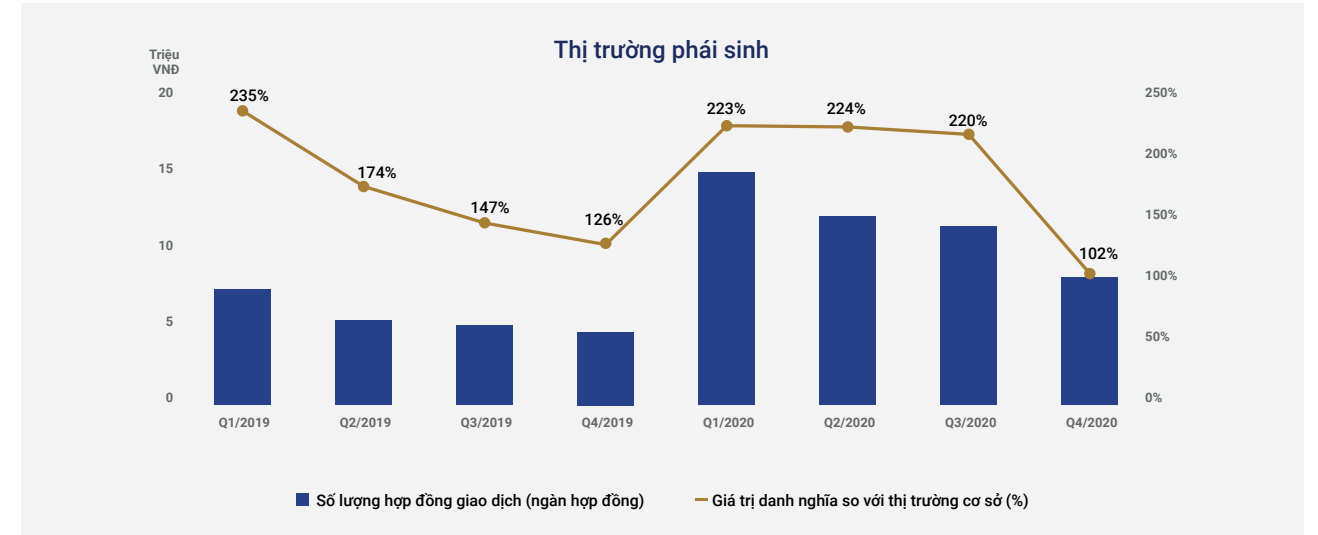
Đối với sản phẩm chứng quyền, năm 2020 chứng kiến quy mô thị trường tăng nhanh cả về số lượng & giá trị giao dịch.



Thị trường phái sinh

Cùng với sự tăng mạnh về giá trị giao dịch trên thị trường chứng khoán cơ sở, giá trị giao dịch trên thị trường phái sinh cũng tăng đáng kể. Số lượng hợp đồng tương lai chỉ số VN30 tăng 79,9% so với cùng kỳ. Các nhà đầu tư trong nước vẫn chiếm ưu thế trong hoạt động giao dịch, chiếm 99,1% tổng số hợp đồng được

thực hiện. Trong số các nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư cá nhân chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng khối lượng giao dịch với 83,8%. Thị trường chứng khoán phái sinh tiếp tục thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư khi số lượng tài khoản giao dịch phái sinh đạt 173.395, tăng mạnh 88% so với cùng kỳ năm ngoái.



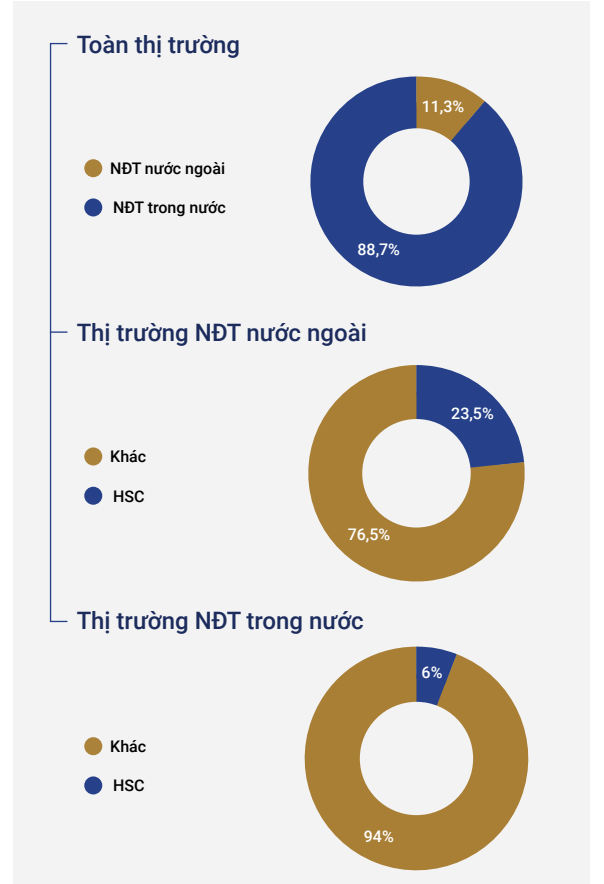
Thị trường trái phiếu

Nhu cầu đầu tư vào các sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp từ các nhà đầu tư cá nhân, đặc biệt là các cá nhân có giá trị tài sản lớn, tăng mạnh trong bối cảnh lãi suất ngân hàng thấp.

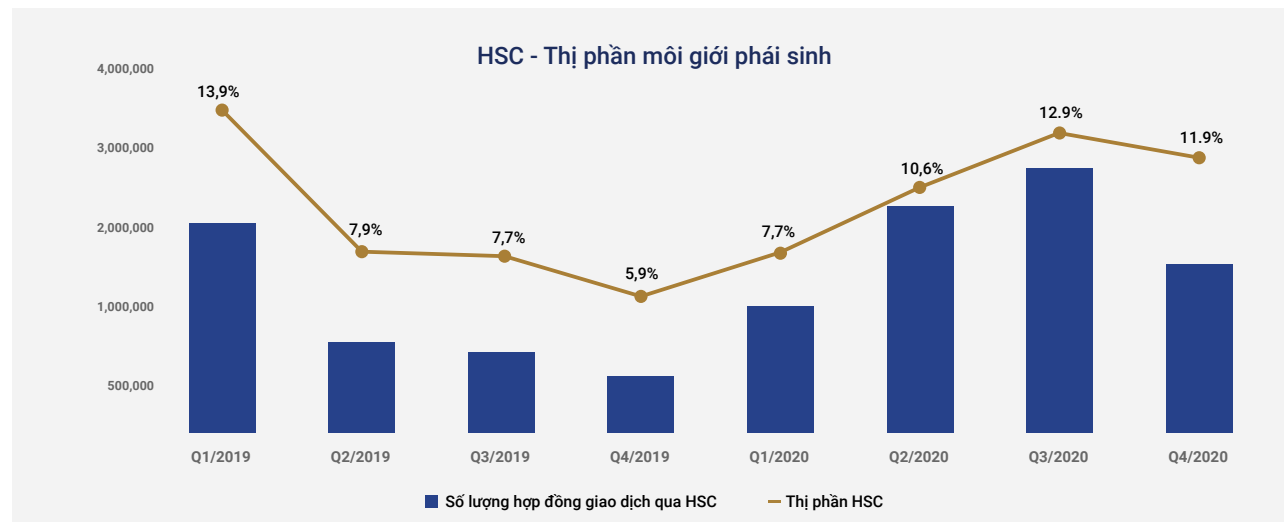
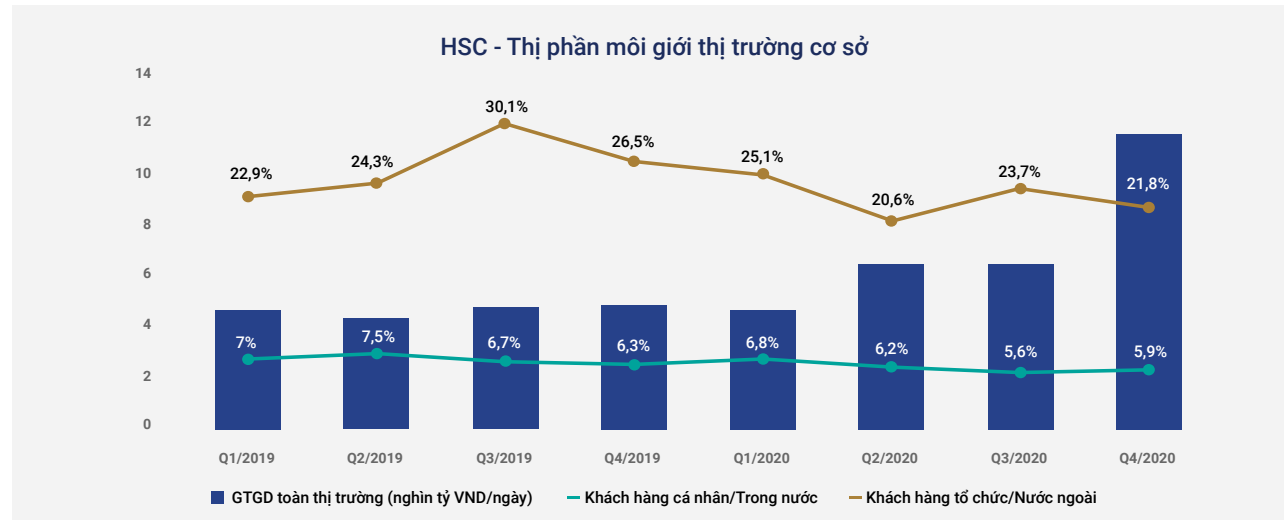
THỊ PHẦN MÔI GIỚI CỦA HSC TRONG NĂM 2020

Tính chung năm 2020, HSC vẫn giữ vững vị trí thứ hai với thị phần 8,66% cho mảng môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền bảo đảm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), đứng thứ hai trong mảng môi giới chứng khoán phái sinh với thị phần 10,6% và đứng thứ nhất trong mảng kinh doanh chứng quyền bảo đảm với 35,5% thị phần về giá trị giao dịch.

Thị phần môi giới chung của HSC giảm xuống 8,66% từ 10,54% trong năm 2019 phần lớn là do cạnh tranh vẫn gay gắt khi một số đối thủ lớn tiếp tục hạ hoặc thậm chí không thu phí giao dịch để thu hút khách hàng, đặc biệt là các nhà đầu tư mới gia nhập thị trường. Một nguyên nhân khác khiến thị phần sụt giảm là do giá trị giao dịch của các cổ phiếu mà HSC không cho vay ký quỹ tăng từ 10% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường năm 2019 lên 30% trong năm 2020.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (TIẾP THEO)



Đối với thị phần chứng quyền: mặc dù HSC đứng thứ hai thị trường về số lượng mã phát hành nhưng lại chiếm thị phần giao dịch lớn nhất thị trường với tỷ lệ 33%.



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả kinh doanh của HSC trong năm 2020	Năm 2020	Năm 2019	% thay đổi	Kế hoạch 2020	% Kế hoạch 2020
Kết quả kinh doanh (Triệu VND)					
Doanh thu (*)	1.591.732	1.262.261	26%	1.297.586	123%
Tổng chi phí hoạt động (*)	931.518	730.950	27%	730.702	127%
Lợi nhuận trước thuế	660.305	531.406	24%	566.883	116%
Lợi nhuận sau thuế	530.452	432.565	23%	453.507	117%
Bảng cân đối kế toán (Triệu VND)					
Tổng tài sản	12.488.828	7.488.678	67%	7.227.589	173%
Vốn chủ sở hữu	4.440.355	4.304.143	3%	4.390.450	101%
Các chỉ tiêu sinh lời					
Thu nhập/Tài sản trung bình (ROAA)	5,3%	6,8%		6,2%	86,2%
Thu nhập/Vốn cổ phần trung bình (ROAE)	12,1%	11,7%		10,8%	112,4%
Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu					
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	305.041.845	305.516.173	0%	305.589.673	100%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) - VND	1.738	1.596	9%	1.482	117%
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu - VND	14.557	14.088	3%	13.725	106%

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được bù trừ với nhau để số liệu mang tính so sánh.

Sự phát triển của thị trường vốn trong năm 2020 không chỉ khẳng định niềm tin của chúng tôi vào tiềm năng tăng trưởng dài hạn của thị trường mà còn phù hợp với chiến lược tăng trưởng của công ty. Với triết lý "Lấy khách hàng làm trung tâm", chiến lược công nghệ, khả năng phát triển sản phẩm mới và sự hiệp lực giữa các đơn vị kinh doanh của HSC đã giúp HSC nắm bắt được cơ hội, đặc biệt là ở mảng dịch vụ chứng khoán,

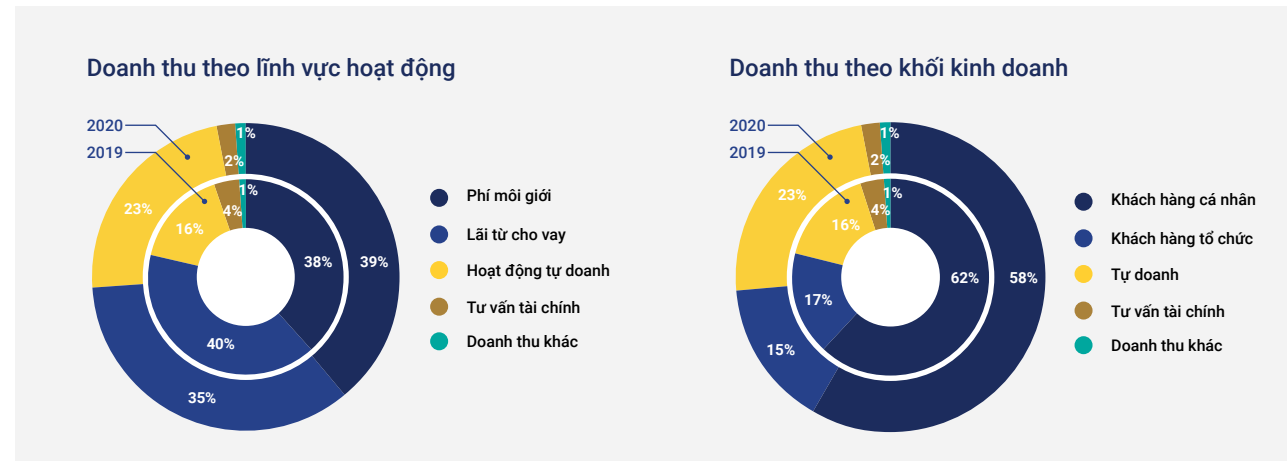
đầu tư và cho vay ký quỹ, từ đó mang lại giá trị cao và bền vững cho các cổ đông.

Tổng doanh thu năm 2020 tăng 26% so với cùng kỳ, đạt 1.591 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 23% so với cùng kỳ, đạt 530 tỷ đồng. Tỷ suất sinh lời trên vốn của cổ đông cải thiện từ 11,7% trong năm 2019 lên 12,1% trong năm 2020.

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2020

Doanh thu theo lĩnh vực (Triệu VND)	Năm 2020	Năm 2019	% thay đổi	Kế hoạch 2020	% Kế hoạch 2020
Phí môi giới	621.464	482.482	29%	480.631	129%
Nhà đầu tư cá nhân	378.837	268.487	41%	299.189	127%
Nhà đầu tư tổ chức	242.627	213.995	13%	181.442	134%
Lãi từ cho vay	549.942	508.242	8%	439.277	125%
Nhà đầu tư cá nhân	549.942	508.242	8%	439.277	125%
Nhà đầu tư tổ chức					
Hoạt động tự doanh	369.388	206.001	79%	309.408	119%
Tư vấn tài chính	37.741	53.628	-30%	66.282	57%
Doanh thu khác	13.196	11.908	11%	1.987	664%
Tổng doanh thu	1.591.732	1.262.261	26%	1.297.586	123%

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)



KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Khối Khách hàng cá nhân của HSC cung cấp các dịch vụ chứng khoán và dịch vụ cho vay ký quỹ cho các khách hàng cá nhân, nhóm khách hàng lớn nhất của HSC, đóng góp 58% doanh thu trong năm 2020. Tổng doanh thu của Khối đạt 928,8 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2019. Doanh thu đến từ hai mảng kinh doanh chính là Dịch vụ môi giới chứng khoán và Dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ.

Dịch vụ môi giới chứng khoán

Kết thúc năm 2020, hoạt động dịch vụ chứng khoán cho khách hàng cá nhân đạt mức tăng trưởng doanh thu ấn tượng 41,1%. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán sôi động, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày trên thị trường chứng khoán cơ sở của các nhà đầu tư cá nhân qua HSC tăng 46% so với năm 2019. Doanh thu dịch vụ chứng khoán của HSC trên thị trường chứng khoán cơ sở tăng 39,6% so với cùng kỳ. Tăng trưởng doanh thu thấp hơn giá trị giao dịch chủ yếu do HSC chủ động xây dựng chiến lược phí linh hoạt, hấp dẫn tương ứng với giá trị giao dịch và phân khúc khách hàng của nhà đầu tư cá nhân, nhằm đảm bảo tính cạnh tranh trong

việc thu hút khách hàng mới và giữ chân khách hàng cũ. Trong năm 2020, Khối Khách hàng cá nhân đã triển khai thành công 02 chương trình phát triển kinh doanh dựa trên định hướng này.

Số lượng hợp đồng phái sinh được thực hiện qua HSC tăng 91,9% so với cùng kỳ. Nền tảng giao dịch hiện đại của HSC cho phép đáp ứng sự gia tăng nhu cầu giao dịch của khách hàng mà không bị gián đoạn.

Những nỗ lực của chúng tôi trong lĩnh vực kinh doanh chứng quyền có bảo đảm tiếp tục tạo ra kết quả tốt trong năm 2020 khi chúng tôi đạt được mức tăng trưởng mạnh mẽ và giữ được vị trí dẫn đầu như đã trình bày ở trên. Chúng tôi phát hành 31 mã chứng quyền có bảo đảm dựa trên 14 cổ phiếu cơ sở. HSC là công ty chứng khoán đứng thứ hai về số lượng chứng quyền phát hành nhưng dẫn đầu về giá trị giao dịch chứng quyền với 35,5% thị phần. Vào năm 2020, chúng tôi cũng tiếp tục đầu tư vào công nghệ để nâng cấp hoạt động kinh doanh chứng quyền, tự động hóa chức năng báo cáo và giám sát tình hình kinh doanh và thị phần giao dịch chứng quyền.

Môi giới khách hàng cá nhân (Triệu VND)	Năm 2020	Năm 2019	% thay đổi	Kế hoạch 2020	% Kế hoạch 2020
Doanh thu phí môi giới	378.837	268.487	41,1%	299.189	126,6%
- Phí môi giới cơ sở	339.926	243.568	39,6%	260.177	130,7%
- Phí môi giới phái sinh	38.911	24.919	56,1%	39.012	99,7%

Năm 2020, HSC tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng khoán khách hàng cá nhân theo hướng số hóa và theo mô hình quản lý tài sản. Chiến lược này giúp chúng tôi phục vụ khách hàng tốt hơn, hiệu quả hơn trên các phân khúc và đạt được hiệu quả kinh doanh cao hơn. Cụ thể, chúng tôi đã và đang số hóa nền tảng giao dịch và các quy trình dịch vụ khách hàng nhằm phục vụ phân khúc khách hàng đại chúng với chiến lược phí tối ưu và hiệu quả. Năm 2020 là năm đánh dấu quá trình tái cấu trúc thành công đội ngũ môi giới mà HSC đã bắt đầu từ năm 2019, đặt viên gạch nền đầu tiên cho bước chuyển sang mô hình quản lý tài sản. HSC không ngừng đẩy mạnh đào tạo nâng cao năng lực, củng cố kiến thức và kỹ năng tư vấn cho đội ngũ chuyên viên chất lượng, hướng đến mô hình chuyên viên tư vấn quản lý tài sản toàn diện. Những kết quả trên được thể hiện qua tốc độ tăng chi phí lương của mảng

kinh doanh dịch vụ chứng khoán là 11,5% thấp hơn mức tăng trưởng doanh thu phí môi giới là 41,1% và tỷ lệ phí gộp cao là 17% trong năm 2020.

Giao dịch ký quỹ

Trong xu hướng giảm phí giao dịch chứng khoán, giao dịch ký quỹ trở thành hoạt động kinh doanh quan trọng nhất, mang lại doanh thu lớn nhất cho Khối Khách hàng cá nhân. Năm 2020, dư nợ giao dịch ký quỹ bình quân tăng 21,4% so với cùng kỳ. HSC duy trì vị thế hàng đầu trong mảng giao dịch ký quỹ nhờ: (1) triển khai các chương trình thúc đẩy bán đến nhóm khách hàng mục tiêu; (2) xây dựng chiến lược sản phẩm linh hoạt gồm lãi suất và phân khúc, trong đó ưu tiên phân khúc khách hàng lớn, nhiều tiềm năng phát triển và rủi ro thấp; (3) chính sách quản trị rủi ro chặt chẽ, đảm bảo an toàn vốn cho khách hàng và cổ đông.

Dư nợ tăng trưởng mạnh nhưng thu nhập lãi vay chỉ đạt mức tăng 8,2% so với cùng kỳ do HSC chủ động điều chỉnh chính sách lãi suất hấp dẫn, cạnh tranh trên mảng phân khúc khách hàng ưu tiên. Điều này cũng phù hợp với xu hướng thị trường khi mặt bằng lãi suất chung đều giảm và các đối thủ cạnh tranh đưa ra các chương trình lãi suất thấp để thu hút khách hàng.

Cho vay giao dịch ký quỹ (Triệu VND)	Năm 2020	Năm 2019	% thay đổi	Kế hoạch 2020	% Kế hoạch 2020
Số dư giao dịch ký quỹ cuối năm	8.623.841	4.734.496	82,1%	-	-
Số dư giao dịch ký quỹ trung bình	5.131.000	4.227.000	21,4%	-	-
Lãi cho vay giao dịch ký quỹ	549.942	508.242	8,2%	439.277	125,2%

HSC tiếp tục tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách tuân thủ và quản trị rủi ro tín dụng của mình, chúng tôi không cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ đối với danh mục cổ phiếu không đủ điều kiện để cho vay ký quỹ theo quy định của Ủy ban, các cổ phiếu không đủ điều kiện trong bộ tiêu chí của HSC.

Điều đáng lưu ý là nhờ các chính sách quản lý tín dụng chặt chẽ và hợp lý của mình, chúng tôi không phát sinh khoản nợ xấu nào trong năm 2020, bất chấp sự biến động mạnh của thị trường, giúp chúng tôi bảo vệ an toàn nguồn vốn của cổ đông và khách hàng.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)



Chiến lược phát triển trong năm 2021

Số hóa và phát triển theo mô hình quản lý tài sản tiếp tục là trọng tâm chính của chúng tôi vào năm 2021.

Một nền tảng giao dịch và dịch vụ khách hàng được tích hợp nhiều chức năng và số hóa mới có tên myhsc sẽ ra mắt vào cuối Quý 1 để chúng tôi nâng cao hơn nữa trải nghiệm khách hàng. Nền tảng này cung cấp cho khách hàng nhiều chức năng tiên tiến hơn so với hệ thống hiện nay như mở tài khoản trực tuyến, chuyển tiền và quản lý danh mục đầu tư, và các dịch vụ chứng khoán trực tuyến khác. Nền tảng trái phiếu doanh nghiệp ActiveBond của HSC cũng sẽ tiếp tục được nâng cấp với các chức năng mới và công suất cao hơn để đáp ứng nhu cầu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp ngày càng tăng của các nhà đầu tư trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư. Bên cạnh việc liên tục cải tiến myhsc, chúng tôi sẽ xây dựng một cổng thông tin bán hàng kỹ thuật số cung

cấp tất cả các thông tin và dịch vụ cần thiết cho các khách hàng hiện tại và tiềm năng. Và chắc chắn trong thời đại của truyền thông xã hội, chúng tôi cũng sẽ tận dụng các công cụ mạng xã hội để quảng bá thông tin & kiến thức về sản phẩm đầu tư tới khách hàng. Tất cả các sáng kiến trên sẽ giúp chúng tôi không chỉ phát triển quy mô danh mục khách hàng đại chúng của mình mà còn giữ được lòng trung thành của các khách hàng hiện tại.

Về chiến lược phát triển theo mô hình quản lý tài sản, theo triết lý "Lấy khách hàng làm trung tâm", HSC sẽ tiếp tục phát triển sâu hoạt động phân khúc, phân tích khách hàng. Kết quả từ việc phân tích khách hàng vừa là nền tảng, vừa là mục tiêu để HSC phát triển các sản phẩm và dịch vụ tương thích để phục vụ từng phân khúc khách hàng tốt hơn. Theo chiến lược đó, chúng tôi sẽ tiếp tục cung cấp các khóa đào tạo cần thiết để giúp các chuyên viên chăm sóc khách hàng của chúng tôi trở nên xuất sắc hơn và nắm trước nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, đặc biệt là trong phân khúc khách hàng lớn. Chúng tôi sẽ mở rộng danh mục sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp và danh mục chứng quyền từ 31 lên 40 - 50 chứng quyền để cung cấp cho khách hàng nhiều lựa chọn đầu tư hơn và tăng khả năng cho vay ký quỹ để đáp ứng nhu cầu tài chính ngày càng cao của khách hàng.

KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Khách hàng tổ chức (Triệu VND)	Năm 2020	Năm 2019	% thay đổi	Kế hoạch 2020	% Kế hoạch 2020
Doanh thu (thuần)	242.627	213.995	13,4%	181.442	133,7%
Phí dịch vụ chứng khoán	242.627	213.995	13,4%	181.442	133,7%
- Phí môi giới CK cơ sở	216.155	182.481	18,5%	171.513	126,0%
- Phí môi giới phái sinh	5.305	872	508,4%	5.076	104,5%
- Phí môi giới ngoài biên độ	15.125	24.330	-37,8%	2.435	621,2%
- Phí môi giới khác (bond, OTC)	6.042	6.312	-4,3%	2.418	249,9%

Khối Khách hàng tổ chức của HSC tập trung chủ yếu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn và báo cáo phân tích cho các nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước.

Năm 2020, Khối đạt tổng doanh thu 242,6 tỷ đồng, tăng trưởng 13,4% so với cùng kỳ năm 2019. Đây là con số tăng trưởng thấp hơn so với sự tăng trưởng giá trị giao dịch của thị trường chủ yếu do sự sụt giảm giá trị giao dịch của khối ngoại xuống 11,3% trong năm 2020 từ mức 14,7%

trong năm 2019. Điểm sáng trong cơ cấu doanh thu năm 2020 là sự tăng trưởng phí từ thị trường phái sinh lên đến hơn 500% mặc dù xét về giá trị còn nhỏ. Trong năm 2021, chúng tôi tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm và dịch vụ nhằm đa dạng hóa cơ cấu doanh thu và thu hút thêm khách hàng mới, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững trong bối cảnh Việt Nam sẽ thu hút thêm dòng vốn của các tổ chức nước ngoài nhờ vào triển vọng tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và khả năng kiểm soát đại dịch Covid-19 thành công.

Khách hàng tổ chức (Triệu VND)	Năm 2020	Năm 2019	% thay đổi	Kế hoạch 2020	% Kế hoạch 2020
Tổng giá trị giao dịch của khách hàng tổ chức	423.663.256	343.060.159	23,5%	391.269.600	108,3%
Thị phần khách hàng tổ chức	11,3%	14,7%	-23,1%	15,3%	73,9%
Tổng giá trị giao dịch khách hàng tổ chức qua HSC	99.553.514	91.395.863	8,9%	97.903.542	101,7%
Thị phần khách hàng tổ chức của HSC	23,5%	26,6%	-11,8%	25,0%	93,9%



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

HSC luôn là đối tác lựa chọn hàng đầu của các tổ chức nước ngoài. Sự phối hợp đồng bộ và hiệu quả giữa Khối Khách hàng tổ chức, Tài chính doanh nghiệp và Khách hàng Cá nhân để hỗ trợ khách hàng thực hiện thành công nhiều giao dịch lớn trong năm 2020, điển hình hai giao dịch liên quan đến Vietinbank (CTG) và Ngân hàng Á Châu (ACB) đã tiếp tục khẳng định uy tín và vị thế của HSC trong lĩnh vực. Bên cạnh đó, HSC có đội ngũ nghiên cứu & phân tích với các chuyên gia trong nước và quốc tế chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm. Các báo cáo nghiên cứu & phân tích đa dạng về thị trường, ngành, công ty của HSC mang lại cho khách hàng những nhận định khác biệt và được các khách hàng tổ chức đánh giá rất cao. Đó cũng là lợi thế cạnh tranh giúp HSC duy trì vị thế dẫn đầu trong mảng môi giới khách hàng tổ chức.



Cung cấp cho khách hàng tổ chức các dịch vụ với chất lượng quốc tế từ lâu đã trở thành trọng tâm của HSC vì chúng tôi nhận thấy tầm quan trọng ngày càng tăng của phân khúc khách hàng này trong tương lai phù hợp với xu hướng tại các thị trường phát triển hơn trên thế giới. Khả năng thị trường chứng khoán được nâng hạng là rất khả thi và sự kiện này sẽ tạo ra một động lực đáng kể đối với giá trị giao dịch của nhóm khách hàng tổ chức. Định hướng chiến lược này đã thúc đẩy HSC nỗ lực không ngừng để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tổ chức. Hội nghị thường niên Emerging Việt Nam của HSC vào tháng 11 năm 2020 là một bằng chứng cho những nỗ lực này. Hội nghị kéo dài ba ngày mang đến cơ hội tuyệt vời cho các chuyên gia đầu tư từ hơn 250 tổ chức trên toàn cầu kết nối và tìm hiểu cơ hội đầu tư vào 34 công ty, tập đoàn hàng đầu Việt Nam thông qua 72 cuộc họp online. Khả năng thích ứng nhanh của HSC không chỉ cho phép chúng tôi duy trì liên tục các dịch vụ xuất sắc cho khách hàng trong thời kỳ khó khăn mà còn giúp chúng tôi đạt được hiệu quả chi phí tốt hơn.

Chiến lược phát triển trong năm 2021

Giữ vững vị thế hàng đầu của HSC trong phân khúc khách hàng tổ chức là mục tiêu chính của chúng tôi trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Chúng tôi xác định rõ các chiến lược cụ thể:

- Tập trung vào khách hàng và nhu cầu của khách hàng để có thể thiết kế và điều chỉnh các sản phẩm và dịch vụ của mình, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng.
- Tận dụng thế mạnh của mình trong mảng nghiên cứu vĩ mô và công ty cũng như mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp để thu hút và giữ chân khách hàng.
- Tiếp tục đầu tư để nâng cao năng lực bán hàng của HSC theo hướng chuyên nghiệp nhất, đáp ứng đa dạng các nhà đầu tư tổ chức đến từ các quốc gia khác nhau.
- Tiếp tục áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao nền tảng giao dịch, đa dạng hóa sản phẩm đầu tư, xây dựng chính sách giá linh hoạt và cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu của cả khách hàng tổ chức hiện hữu và tiềm năng.

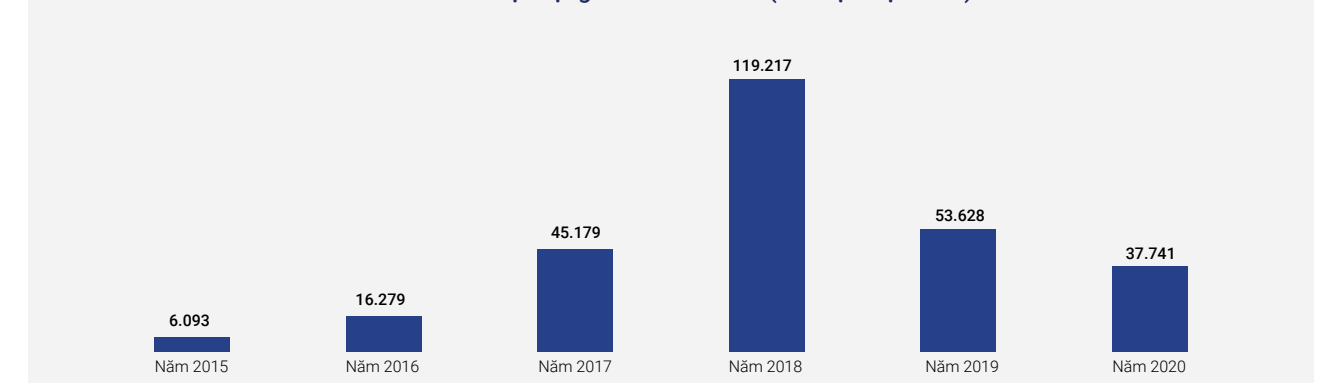


TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt doanh thu 34,9 tỷ đồng vào năm 2020, giảm 33% so với cùng kỳ. Kết quả kinh doanh này là đáng khích lệ trên cơ sở xem xét đến các khó khăn cũng như tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư trong các giao dịch mua bán sáp nhập do đại dịch Covid-19 gây ra. Nhìn chung, số lượng giao dịch thành công đã giảm đáng kể trong nửa đầu năm khi các nhà đầu tư và các công ty

trong ngành áp dụng chiến lược "chờ đợi và xem xét" để đánh giá các tác động của cuộc khủng hoảng. Tâm lý nhà đầu tư được cải thiện trong nửa cuối năm sau sự phục hồi của các nền kinh tế và thị trường chứng khoán trên toàn cầu. Tuy nhiên, việc hạn chế đi lại và giãn cách xã hội đã cản trở việc thực hiện và ký kết giao dịch đối với cả người bán và nhà đầu tư vốn phần lớn là các tổ chức và công ty nước ngoài.

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính (Đơn vị: Triệu VND)



HSC đã chứng minh được năng lực triển khai và thực hiện giao dịch ở tầm quốc tế thông qua việc hoàn thành các thương vụ lớn, điển hình trong đó chúng tôi tư vấn cho AOZORA, một ngân hàng thương mại hàng đầu tại Nhật Bản trở thành nhà đầu tư chiến lược của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, một ngân hàng thương mại đang phát triển nhanh tại Việt Nam. Điều đó, cùng với sự cải thiện về số lượng giao dịch như đã đề cập ở trên, giúp chúng tôi xây dựng một danh mục các giao dịch tư vấn tiềm năng có quy mô lớn hơn nhiều, hứa hẹn đem lại tăng trưởng đáng kể trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Chiến lược phát triển trong năm 2021

Chúng tôi tin rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng nhanh trong dài hạn nhờ các yếu tố cơ bản tốt như nhân khẩu học thuận lợi, tầng lớp trung lưu mở rộng và dòng vốn FDI gia tăng. Xu hướng này sẽ tạo ra cơ hội phát triển to lớn cho các công ty trong nước và theo đó là nhu cầu đối với các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Trong năm 2021, chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư để củng cố vị thế của HSC trên lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp với các hành động, cụ thể:

- Củng cố đội ngũ của mình cả về chất lượng và số lượng. Việc đầu tư vào nguồn lực nhân lực sẽ giúp chúng tôi tiếp cận các công ty trong các ngành tiềm năng và nhóm khách hàng mục tiêu một cách hiệu quả hơn. Song song với việc đầu tư vào chất lượng nguồn nhân lực, chúng tôi sẽ đề ra các mục tiêu hoạt động và tài chính cụ thể cho mỗi cá nhân nhằm hướng tới mục tiêu hiệu quả hoạt động và lợi nhuận trên vốn trong mảng kinh doanh này.
- Tiếp tục đầu tư vào công nghệ để nâng cao hiệu quả hoạt động. Cụ thể, chúng tôi sẽ triển khai:



Hệ thống Quản lý Quan hệ Khách hàng để hỗ trợ xác định, tiếp cận và duy trì mối quan hệ với khách hàng



Hệ thống Giám sát Quy trình Danh mục Giao dịch để giúp theo dõi tiến trình của các giao dịch hiệu quả hơn



Hệ thống báo cáo tổng quan để trợ giúp các nỗ lực giám sát và báo cáo kết quả kinh doanh

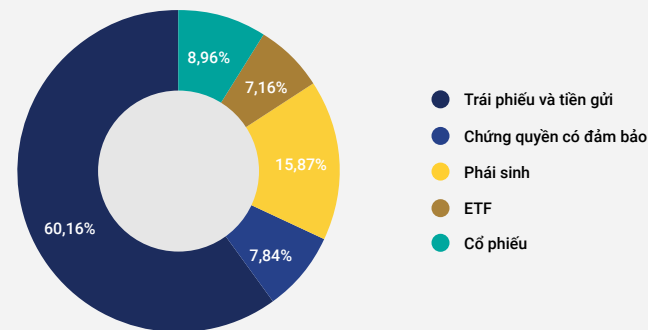
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

ĐẦU TƯ

Hoạt động tự doanh

Hoạt động tự doanh (Triệu VND)	Năm 2020	Năm 2019	% thay đổi	Kế hoạch 2020	% Kế hoạch 2020
Doanh thu	369.388	206.001	79,3%	309.408	119,4%
- Cổ phiếu	33.094	20.414	62,1%	20.933	158,1%
- ETF	26.454	3.018	776,5%	18.986	139,3%
- Phái sinh	58.639	52.688	11,3%	83.906	69,9%
- Chứng quyền có đảm bảo	28.972	11.550	150,8%	18.007	160,9%
- Trái phiếu & tiền gửi	222.229	118.330	87,8%	167.576	132,6%

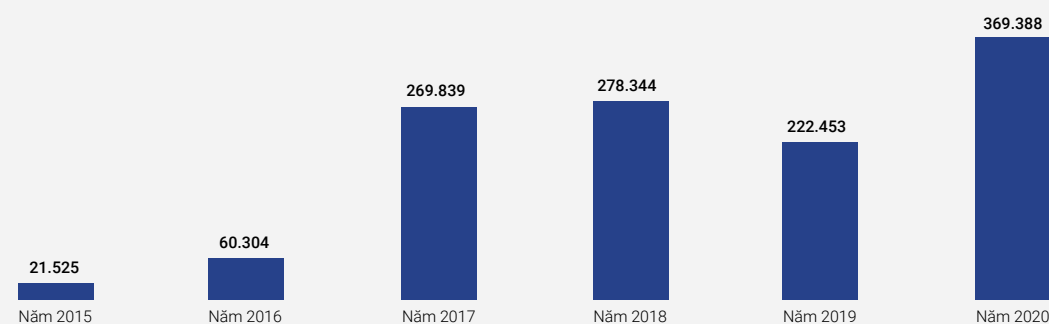
Cơ cấu sản phẩm đầu tư của hoạt động tự doanh



Không giống như mô hình đầu tư tự doanh tập trung nhiều vào các loại tài sản truyền thống, mô hình đầu tư tự doanh của HSC được phát triển với mục đích mang lại các nguồn lợi nhuận đa dạng và ít rủi ro. Thành công này có được nhờ vào tiềm lực lớn của HSC bao gồm nguồn vốn mạnh và các vị trí đầu ngành trong các mảng kinh doanh khác như dịch vụ chứng khoán và tạo lập thị trường. Đặc biệt, chúng tôi

chủ yếu sử dụng các nguồn vốn của mình để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh nội bộ như tạo lập thị trường cho ETF và chứng quyền, thực hiện các giao dịch theo lô lớn của bộ phận khách hàng tổ chức và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp mà một phần được phân phối lại cho các khách hàng cá nhân. Những sự kết hợp này giúp HSC tạo ra lợi nhuận hấp dẫn và an toàn trên vốn của cổ đông.

Doanh thu hoạt động tự doanh (Đơn vị: Triệu VND)



Năm 2020, hoạt động kinh doanh đầu tư tự doanh đạt 369,3 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 79,3% so với cùng kỳ. Sự tăng trưởng này chủ yếu là do thu nhập từ tiền gửi và trái phiếu cao hơn cùng với các dịch vụ chứng khoán và quản lý tài sản tăng mạnh trong năm. Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh ETF và chứng quyền cũng mang lại hiệu quả cao khi các mảng kinh doanh này được hưởng lợi từ tăng trưởng giá trị giao dịch trên thị trường và vai trò AP của HSC với một nhà quản lý quỹ ETF hàng đầu tại Việt Nam. Cổ phiếu, loại tài sản truyền thống, cũng ghi nhận kết quả tốt với tăng trưởng doanh thu 62,1% YoY. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư cổ phiếu chỉ chiếm dưới 10% trong cơ cấu doanh thu và phù hợp với mô hình kinh doanh và chính sách quản lý rủi ro của HSC khi chỉ phân bổ một tỷ lệ rất ít cho loại tài sản này.

Chứng quyền có bảo đảm với mức tăng trưởng ấn tượng xấp xỉ 151% so với năm 2019. Trong năm 2020, chúng tôi phát hành thêm 44 mã chứng quyền, đứng thứ 2 trên thị trường về số lượng phát hành và đứng thứ nhất về giá trị giao dịch. Chúng tôi luôn đảm bảo sự uy tín trong định giá mua/bán, đem lại lợi ích cho nhà đầu tư.

Hoạt động quản lý vốn

Năm 2020 là một năm có nhiều thách thức đối với Phòng Quản lý vốn do thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh cả về số lượng nhà đầu tư mới và giá trị giao dịch, kéo theo nhu cầu tăng trưởng mạnh về giao dịch ký quỹ. Với mục tiêu quản lý vốn đặt ra là "Dồi dào – An toàn – Hiệu quả", HSC vẫn luôn đảm bảo nguồn vốn cho nhu cầu vay của khách hàng cũng như nhu cầu vốn nội bộ ngay cả vào những thời kỳ cao điểm nhất cuối năm 2020. Điều này đạt được nhờ HSC đã xây dựng kế hoạch tăng trưởng vốn hiệu quả bao gồm nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn vay từ các đối tác trong nước và quốc tế.

Để chuẩn bị tốt cho quá trình tăng trưởng của HSC trong những năm tiếp theo, chúng tôi kiên trì với chiến lược:



Với uy tín của công ty chứng khoán hàng đầu, HSC không ngừng mở rộng quan hệ tín dụng với các đối tác là các tổ chức tài chính uy tín trong và ngoài nước



Xây dựng lộ trình tăng vốn chủ sở hữu



Hoàn thiện và chuẩn hóa các quy trình lập kế hoạch, theo dõi và báo cáo quản trị nguồn vốn và sử dụng vốn, hỗ trợ quá trình ra quyết định chính xác, hiệu quả

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Chi phí hoạt động (Triệu VND)	Năm 2020	Năm 2019	% thay đổi	Kế hoạch 2020	% Kế hoạch 2020
Chi phí biến đổi	458.885	305.758	50,1%	296.260	155%
- Phí môi giới chứng khoán	236.771	181.206	30,7%	165.636	43%
- Chi phí lãi vay	207.050	137.144	51,0%	130.624	159%
- Hoàn nhập dự phòng	0	-23.573	n.a.	0	n.a.
- Chi phí khác	15.064	10.981	37,2%	0	n.a.
Chi phí cố định	472.543	425.097	11,2%	434.442	109%
- Chi phí nhân sự	284.377	240.903	18,0%	257.226	11%
- Chi phí văn phòng & IT	140.864	121.713	15,7%	131.598	7%
- Chi phí khác	47.303	62.481	-24,3%	45.618	4%
Tổng chi phí	931.428	730.855	27,4%	730.702	27%
Tỷ lệ chi phí/Doanh thu	58,5%	57,9%	1,1%	56,3%	103,9%

Tổng chi phí hoạt động năm 2020 tăng 27,4% so với cùng kỳ, chủ yếu do chi phí biến đổi tăng 50,1%.

Chi phí môi giới, hoa hồng và chi phí lãi vay là những khoản chi phí biến đổi lớn, lần lượt chiếm 51,6% và 45,1% tổng chi phí biến đổi trong năm 2020. Chi phí môi giới và hoa hồng là chi phí phải trả cho các sở giao dịch chứng khoán và đội ngũ chuyên viên chăm sóc khách hàng dựa trên giá trị giao dịch của khách hàng. Do đó, chi phí tăng tương đối phù hợp với mức tăng trưởng doanh thu mảng dịch vụ chứng khoán là 28,8% trong năm 2020.

Chi phí lãi vay tăng đáng kể 51% so với cùng kỳ năm 2020 do HSC gia tăng các khoản vay để tài trợ cho nhu cầu vốn tăng của khách hàng. Dự nợ cho vay ngắn hạn tăng 180,6% so với cùng kỳ, từ 2.394 tỷ đồng năm 2019 lên 6.717 tỷ đồng năm 2020.

Chi phí cố định tăng 11,2% so với cùng kỳ và cao hơn mức dự toán 8,7%, chủ yếu do lương và các chi phí liên quan cao hơn dự kiến. Các chi phí này cao hơn năm trước 18% do HSC trích lập nhiều hơn cho các khoản thưởng cho nhân viên trong bối cảnh hoạt động kinh doanh tốt trong năm 2020. Chi phí thuê văn phòng và đầu tư công nghệ thông tin tăng 15,7% và cao hơn một chút so với ngân sách chủ yếu do các khoản phí chấm dứt hợp đồng thuê phải trả khi HSC hoàn trả và di chuyển địa điểm một số văn phòng nằm trong kế hoạch phát triển.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu (Triệu VND)	31/12/2020	31/12/2019	% thay đổi
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	12.307.867	7.295.764	69%
I. Tài sản tài chính	12.118.339	7.275.687	67%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	206.861	906.543	-77%
2. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	3.061.225	1.306.154	134%
3. Các khoản cho vay	8.623.842	4.734.497	82%
4. Các khoản phải thu khác	226.412	328.493	-31%
II. Tài sản ngắn hạn khác	189.528	20.077	844%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	180.961	192.914	-6%
I. Tài sản cố định	46.879	41.889	12%
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	342	13.597	-97%
III. Tài sản dài hạn khác	133.740	137.428	-3%
TỔNG TÀI SẢN	12.488.828	7.488.679	67%
A. NỢ PHẢI TRẢ	8.048.473	3.184.536	153%
I. Nợ phải trả ngắn hạn	8.048.473	3.184.536	153%
1. Tiền vay ngắn hạn	6.716.571	2.393.727	181%
2. Nợ phải trả khác	1.331.902	790.808	68%
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.440.355	4.304.143	3%
I. Vốn chủ sở hữu	4.440.355	4.304.143	3%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.488.828	7.488.679	67%

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Các chỉ số chính	31/12/2020	31/12/2019	% thay đổi
Chỉ số thanh khoản			
Hệ số thanh toán nhanh	0,5	0,8	-43%
Hệ số thanh toán hiện tại	1,5	2,3	-33%
Hệ số vòng quay tổng tài sản	0,2	0,3	-53%
Các chỉ số nợ			
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	1,5	0,6	172%
Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản	0,5	0,3	68%
Hệ số an toàn tài chính	658%	566%	17%
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận thuần	33,3%	34,3%	-2,8%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROAE)	12,1%	11,5%	5,5%

Trong năm 2020, quy mô bảng cân đối kế toán của HSC đã tăng đáng kể 67% so với cùng kỳ lên 12.487 tỷ đồng. Cho vay khách hàng và tài sản tài chính là hai khoản mục tài sản tăng mạnh nhất trong năm. Trong bối cảnh nhu cầu vay ký quỹ của khách hàng tăng mạnh, HSC đã tăng danh mục cho vay thêm 82% lên 8.623 tỷ đồng. Danh mục tài sản tài chính tăng 134% lên 3,06 tỷ đồng do HSC gia tăng nắm giữ cổ phiếu cơ sở để phục vụ các hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro. HSC tài trợ cho việc mở rộng bảng cân đối kế toán chủ yếu bằng các khoản vay ngắn hạn, tăng 181% so với cùng kỳ lên 6.716,5 tỷ đồng. Điều đó dẫn đến tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu cao hơn 1,8 lần vào cuối năm 2020, cao hơn 0,7 lần vào cuối năm 2019. Tình hình tài chính vẫn ổn định tỷ lệ an toàn tài chính tăng lên 658% từ 566%

vào cuối năm 2019 và vì bảng cân đối kế toán chủ yếu bao gồm các tài sản chất lượng cao.

Nhờ vào kết quả hoạt động tốt trong năm 2020, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tăng lên 12,1% từ 11,5% năm 2019, tạo ra lợi tức hấp dẫn trên vốn của cổ đông.

Trong năm 2021, chúng tôi nhận thấy sự cần thiết cấp bách về quy mô vốn cổ đông lớn hơn. Khi thị trường chứng khoán tiếp tục tăng trưởng, nhu cầu vay ký quỹ và các dịch vụ và sản phẩm đầu tư khác sẽ tăng tương ứng. Vào cuối năm 2020, danh mục cho vay ký quỹ của chúng tôi ở mức gần gấp hai lần vốn cổ đông, là ngưỡng cho vay ký quỹ cao nhất được phép theo quy định. Tiềm năng tăng trưởng trong mảng kinh doanh chứng quyền có bảo đảm, hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro cũng sẽ bị hạn chế nếu không có quy mô vốn cổ đông cao hơn. Do đó, HSC đang xin ý kiến cổ đông thông qua kế hoạch tăng vốn và kế hoạch này dự kiến sẽ hoàn thành vào Quý 2 năm 2021. Chúng tôi rất tự tin vào khả năng của HSC trong việc mang lại kết quả kinh doanh vượt trội trong năm 2021 và trong tương lai nhờ lợi thế cạnh tranh vững chắc của chúng tôi bao gồm sức mạnh về vốn.



VẬN HÀNH



VẬN HÀNH



Trong bối cảnh hội nhập thị trường tài chính quốc tế ngày càng sâu rộng, thị trường chứng khoán năm 2020 đã minh chứng cho cuộc cạnh tranh cam go, khi mà nhiều định chế tài chính lớn của nước ngoài quyết tâm chinh phục các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam. HSC, do đó cũng đối mặt với thách thức to lớn trong việc bảo vệ thành tựu và vị thế của mình.

Ngược lại, HSC cũng nhận thấy rất nhiều cơ hội phát triển lớn trong tương lai, khi nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng tích cực nhờ khả năng kiểm soát tốt đại dịch Covid-19. Tổng thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm của HSC tính đến cuối năm 2020 đạt 8,66%, khẳng định vị trí thứ hai của HSC trong số các công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Thành tựu này là kết quả của việc cam kết đổi mới không ngừng về "chất và lượng" sản phẩm, triển khai

dịch vụ khách hàng xuất sắc cũng như tính kiên định của HSC với triết lý "Lấy khách hàng làm trung tâm".

Chiến lược đột phá dựa trên sản phẩm để thu hút và giữ chân khách hàng

Tại HSC, triết lý "Lấy khách hàng làm trung tâm" được hiện thực hóa trong việc liên tục cải tiến thiết kế sản phẩm và dịch vụ dựa trên phản hồi của khách hàng. Chúng tôi hiểu khách hàng, hiểu nhu cầu của họ và không ngừng nỗ lực để mang đến chất lượng dịch vụ cao hơn, trải nghiệm tốt hơn và ngày càng đa dạng hóa sản phẩm. Quy trình thiết kế sản phẩm và dịch vụ toàn diện trải qua các bước bài bản và khâu thực thi được hỗ trợ bởi công nghệ: nghiên cứu nhu cầu của khách hàng và tình hình của thị trường, phát triển sản phẩm, quản trị sản phẩm, ra mắt và khai thác cùng các dịch vụ sau bán hàng, trong đó trải nghiệm khách hàng luôn được đặt ở vị trí trọng tâm.

Chúng tôi hiểu rằng ngay cả khi các dịch vụ và nền tảng công nghệ tốt nhất cho phép HSC tiếp cận được tập khách hàng rộng lớn, điều quan trọng nhất để thu hút khách hàng đến với Công ty vẫn là các sản phẩm cạnh tranh, đáp ứng đúng nhu cầu của họ tại thời điểm phù hợp.

Do đó, triết lý "Lấy khách hàng làm trung tâm" của HSC không thể được hiện thực hóa nếu không ưu tiên nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng về dịch vụ quản lý tài sản và đầu tư tích hợp, chúng tôi đã xây dựng nền tảng Dịch vụ quản lý tài sản cho khách hàng cá nhân:

- Sản phẩm Trái phiếu Doanh nghiệp do HSC bảo lãnh phát hành cung cấp cho khách hàng cá nhân trong năm 2019 - 2020. Sản phẩm này mang lại lợi nhuận cố định cao hơn so với giải pháp tiền gửi tiết kiệm trong khi vẫn bảo toàn vốn cho khách hàng trong bối cảnh thị trường biến động mạnh do đại dịch Covid-19. Năm 2021, HSC sẽ nhân rộng mô hình sản phẩm này cho khách hàng của mình.
- Phát hành và giao dịch Chứng quyền có Bảo đảm (CW): Số lượng mã chứng quyền niêm yết trên thị trường tăng gấp ba lần, từ 40 mã vào năm 2019 lên gần 120 mã vào cuối năm 2020. Giá trị giao dịch toàn thị trường chứng quyền tăng mạnh, từ mức 10 tỷ đồng/ngày năm 2019 lên mức 60 tỷ đồng/ngày trong quý 4 năm 2020. Tính đến cuối năm 2020, HSC đã và đang phát hành 32 sản phẩm CW, hiện chiếm 30% - 35% tổng thị phần, đứng thứ 2 trong số các công ty chứng khoán phát hành CW.
- Chứng chỉ ETF: Thị trường chứng kiến sự bùng nổ của các quỹ ETF vào năm 2020, khi nhiều quỹ ETF được niêm yết và giao dịch trên sàn HOSE và các bộ chỉ số mới làm tài sản cơ sở cho ETF cũng được giới thiệu bên cạnh VN30: (i) số lượng ETF tăng từ 1 mã lên 6 mã vào năm 2020; (ii) 3 bộ chỉ số mới được phát hành, bao gồm VN Diamond, VNFIN Select và VNFIN Lead. HSC hiện đang tiến hành tạo lập thị trường cho hai mã ETF (E1VFN30 và FUEVFNND), với tổng AUM tính đến ngày 14/01/2021 đạt 14.600 tỷ đồng, chiếm 88% thị trường. Hoạt động tạo lập thị trường của HSC cung cấp khoảng 70% thanh khoản cho hai quỹ ETF này.
- Chứng khoán Phái sinh: Năm 2020, thị trường chứng khoán phái sinh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và xuất hiện nhiều cơ hội đầu tư vào năm 2020 khi chênh lệch giữa hợp đồng tương lai và chỉ số cơ sở có thời điểm lên tới 30 - 40 điểm, thanh khoản tăng mạnh, đạt đỉnh 160.000 hợp đồng/ngày vào năm 2020, tăng gần 80% so với cùng kỳ năm ngoái. HSC cung cấp vị thế cho khách hàng lên tới 20.000 hợp đồng (12,5% thị trường), tương đương với giá trị chỉ số VN30 là 2.400 tỷ đồng.

Trong bối cảnh thị trường phức tạp và đầy biến động của năm 2020, HSC đã khép lại một năm thành công với vị trí tiên phong trong phát triển sản phẩm. Lượng khách hàng hài lòng với dịch vụ và trải nghiệm tại HSC ngày càng gia tăng. Năm 2021, HSC sẽ tiếp tục thử nghiệm và ra mắt các sản phẩm đầu tư mới, đặc biệt là sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng về các dịch vụ quản lý tài sản và nền tảng trái phiếu.

Tái cấu trúc để vận hành xuất sắc và nâng cao trải nghiệm khách hàng

Kiên định với chiến lược "Lấy khách hàng làm trung tâm", HSC nỗ lực liên tục để đem lại cho khách hàng nhiều giá trị hơn cùng trải nghiệm hoàn hảo hơn. Chúng tôi tin tưởng rằng chiến lược này sẽ giúp HSC tiếp tục đạt được tăng trưởng ấn tượng, và thăng thế trên thị trường trong thời gian tới khi kết hợp cùng với chính sách quản trị rủi ro và chiến lược phát triển bền vững.

Trong năm 2020, kết quả vận hành của HSC được định hình bởi ba quyết định chủ chốt:



Tái cấu trúc mô hình hoạt động để thiết kế lại trải nghiệm khách hàng xuyên suốt



Đặt trọng tâm đầu tư vào chiến lược chuyển đổi số của Công ty



Kiên trì theo đuổi và đầu tư vào xây dựng năng lực theo định hướng sản phẩm

Năm 2020 là một năm đầy thử thách nhưng cũng là năm HSC luôn trung thành với triết lý của mình. Trong khâu vận hành, đội ngũ HSC đã vượt qua những trở ngại kinh doanh do Covid-19 gây ra, đó là sự bất trắc, tính biến động và phức tạp, để cân bằng một cách hiệu quả lợi nhuận ngắn hạn với việc thúc đẩy tiến độ chiến lược và giúp củng cố vị thế cạnh tranh. Mặc dù tương lai là điều không thể đoán định chắc chắn, nhưng chúng tôi tin rằng sự tăng trưởng nhất quán chỉ có thể đạt được thông qua quản trị hướng đến các giá trị lâu dài và phục vụ khách hàng một cách minh bạch và tập trung dù ở bất kỳ hoàn cảnh nào.

VẬN HÀNH (TIẾP THEO)

Để đảm bảo tính vững vàng trước mọi biến động, HSC đã áp dụng Mô hình Vận hành Mục tiêu (TOM). Đây là một đề án thống nhất các năng lực vận hành với các mục tiêu chiến lược, đồng thời là mô hình mà chúng tôi tin rằng có thể giúp HSC đạt được mục tiêu chiến lược kinh doanh quan trọng nhất nhờ tối đa hóa giá trị và trải nghiệm khách hàng. Cụ thể, mô hình mới cho phép HSC sử dụng nguồn nhân lực và chuyên môn hiện có kết hợp với cải tiến về quy trình và thời gian xử lý nhờ ứng dụng công nghệ một cách mạnh mẽ. Bên cạnh việc cải tổ mô hình vận hành, HSC cũng đã có các bước tập trung hóa các hoạt động dịch vụ khách hàng, cụ thể là hợp nhất tất cả các phòng giao dịch thành một trung tâm dịch vụ khách hàng duy nhất của cả Công ty. Những chuyển đổi này được thúc đẩy từ chính nhu cầu của khách hàng về một dịch vụ chuyên nghiệp cao và có tính tiên phong cũng như một hành trình khách hàng xuyên suốt từ đầu đến cuối.

Doanh nghiệp dẫn đầu về công nghệ trên thị trường

Năng lực công nghệ và hệ thống của HSC đóng vai trò trọng tâm trong hoạt

động kinh doanh của Công ty và là điều kiện thiết yếu để đạt mục tiêu đảm bảo hiệu suất và lợi ích cao nhất cho khách hàng. Việc áp dụng triệt để mô hình TOM không thể thành công nếu không có hạ tầng công nghệ và hoạt động số hóa toàn bộ hành trình khách hàng mà HSC đã chuẩn bị triển khai trong nhiều năm qua, gồm có: tiếp cận khách hàng mới; thông tin dịch vụ khách hàng; các dịch vụ như mở tài khoản, kích hoạt tài khoản, chuyển tiền giữa các tài khoản giao dịch và ngân hàng, quản lý danh mục đầu tư, dịch vụ lưu ký, thực hiện quyền,...

Phòng CNTT trong TOM đã chuyển đổi từ một đơn vị độc lập thành một bộ phận gắn liền trong Khối Vận hành. Hoạt động tái sắp xếp này cho phép bộ phận CNTT làm việc trực tiếp và gắn kết hơn với các đơn vị nghiệp vụ và bộ phận hỗ trợ khác, đóng vai trò then chốt cho các hoạt động vận hành. Hoạt động đầu tư sớm và có tầm nhìn của HSC vào CNTT đã khiến công nghệ trở thành năng lực cạnh tranh của Công ty. Năm 2020, bộ phận CNTT tập trung vào 5 lĩnh vực chính: chuyển đổi số, xây dựng dashboard, phân tích dữ liệu, phát triển ứng dụng và bảo mật thông tin. Nhờ những hợp phần ưu tiên này, HSC là một trong những công ty đầu tiên trên thị trường cung cấp tính năng định danh điện tử (eKYC) vào năm 2020 và trong năm 2021 sẽ ra mắt phiên bản mới được cải tiến của nền tảng số có tên gọi myhsc.

Công tác vận hành tại HSC đòi hỏi các hệ thống với độ tin cậy cao và có khả năng mở rộng quy mô để xử lý các giao dịch tài chính phức tạp cho khách hàng. Tuy nhiên, điểm cốt lõi trong chiến lược công nghệ của HSC chính là hướng tới mục tiêu phục vụ khách hàng tốt hơn. Dịch vụ tốt hơn tại HSC có thể được hiểu theo nghĩa đơn giản nhất: là khi khách hàng

có thể tương tác với chúng tôi theo cách thức họ mong muốn - dù là trực tiếp hay qua điện thoại, trên máy tính hay trên thiết bị di động; là khi khách hàng có thể hoàn tất các thao tác trong vài phút mà trước kia vốn thường mất nhiều thời gian; là khi chúng tôi có thể hiểu nhu cầu của khách hàng rõ hơn bao giờ hết - và thậm chí có thể dự đoán trước được nhu cầu của họ; là khi chúng tôi có thể giảm chi phí phục vụ khách hàng và trao lại phần chi phí tiết kiệm đó cho khách hàng như là một phần giá trị của dịch vụ. Năm 2021, HSC vẫn tiếp tục mở rộng khả năng dịch vụ số hoá để bước vào năm mới với vị thế cao hơn, mạnh mẽ hơn và phục vụ khách hàng tốt hơn.

Quản trị an ninh mạng theo tiêu chuẩn quốc tế

Việc tiếp tục khác biệt hóa các dịch vụ của HSC thông qua công nghệ đổi mới sáng tạo cũng tiềm ẩn những rủi ro. Trong kỷ nguyên công nghệ thông tin và công nghệ số, rủi ro phát sinh từ tội phạm an ninh mạng ngày càng gia tăng, bao gồm: các hoạt động tấn công máy tính, xâm phạm an ninh mạng và rò rỉ dữ liệu,...

Vì vậy HSC đã không ngừng nỗ lực tăng cường các biện pháp quản trị an ninh mạng của Công ty, cụ thể như sau:

- HSC đã triển khai chương trình Hệ thống An ninh Thông tin (ISMS) theo tiêu chuẩn ISO 27001: 2013 để cải thiện tổng thể kiến trúc an ninh thông qua việc giảm thiểu và loại bỏ các điểm yếu an ninh đã được nhận diện. Ngoài ra, HSC cũng yêu cầu tất cả nhân viên tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc sở hữu trí tuệ để đảm bảo an toàn dữ liệu ở tất cả các bộ phận chức năng.
- Năm 2021, HSC triển khai Trung tâm theo dõi, kiểm soát và xử lý 24/7 các hành vi ảnh hưởng đến an toàn thông tin của Công ty. Trung tâm có chức năng phát hiện và xử lý các rủi ro tiềm ẩn và sự cố an toàn thông tin một cách nhanh chóng và chính xác.
- HSC cũng đã xây dựng thành công Trung tâm Khôi phục Dữ liệu sau thảm họa nhằm đảm bảo an toàn cho các dữ liệu quan trọng liên quan đến thông tin tài sản và thông tin giao dịch của khách hàng và của Công ty.

Nền tảng CNTT hiện đại theo chuẩn quốc tế của HSC đã và đang cung cấp dịch vụ khách hàng tốt nhất trong ngành. Trong giai đoạn tiếp theo, HSC sẽ tiếp tục nỗ lực đem đến cho khách hàng khả năng tùy chỉnh trải nghiệm đầu tư và giao dịch với nhiều lựa chọn tốt hơn bằng cách cung cấp các tính năng, chức năng và sự an toàn để đáp ứng các nhu cầu cụ thể của khách hàng. HSC tin tưởng rằng, với thế mạnh về công nghệ và cải tiến liên tục, bền bỉ để tạo ra giá trị cho khách hàng và cải thiện hiệu quả vận hành, HSC sẽ nắm bắt thành công những cơ hội tăng trưởng to lớn trong năm 2021 và những năm tiếp theo.



QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ

KẾ HOẠCH KINH DOANH LIÊN TỤC (BCP)

HSC coi các thảm họa thiên nhiên như động đất và bão, các thảm họa do con người gây ra như khủng bố, bệnh truyền nhiễm như vi rút corona, lỗi hệ thống và rò rỉ tài sản thông tin là những loại hình khủng hoảng chủ chốt cần phải phòng ngừa.

HSC cam kết cung cấp dịch vụ và hỗ trợ khách hàng liên tục. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thức rằng có những rủi ro tiềm ẩn có thể gây gián đoạn khả năng phục vụ khách hàng. Vì vậy, HSC đã thực hiện các bước đi cần thiết để hạn chế hoặc giảm nhẹ tác động của việc gián đoạn kinh doanh. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 năm 2020 đã nêu bật tầm quan trọng của việc lập Kế hoạch kinh doanh liên tục một cách hiệu quả và bền vững để củng cố khả năng chống chịu của chúng tôi trước các tình huống bất ngờ.

Khi đại dịch Covid-19 xảy ra, trong khi nhiều doanh nghiệp còn đang chật vật tìm cách ứng phó thì HSC đã nhanh chóng xây dựng phương án đối phó kịp thời với những thách thức mới. Kế hoạch quản lý khủng hoảng và kinh doanh liên tục trong bối cảnh Covid-19 đã được thiết lập để giúp HSC duy trì tốt hoạt động kinh doanh và tiến tới "kinh doanh như bình thường" ngay khi điều kiện cho phép. Kế hoạch kinh doanh liên tục của chúng tôi được thiết kế để ứng phó với các tình huống gián đoạn với thời lượng và phạm vi khác nhau, đồng thời để đảm bảo các bộ phận thiết yếu luôn được duy trì hoạt động, đáp ứng các mục tiêu kinh doanh; các nhóm nghiệp vụ cốt lõi hoạt động từ nhiều địa điểm khác nhau;

Các sáng kiến trong Kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP)

1 Củng cố khung & quy trình của BCP

- Duy trì/cải tiến các văn phòng dự phòng/Đảm bảo nhân sự ứng phó khẩn cấp
- Duy trì trang thiết bị liên lạc khẩn cấp
- Cải tiến môi trường làm việc từ xa
- Rà soát và điều chỉnh BCP liên tục cho các kịch bản khác nhau

và các nhóm chuyên trách của Phòng CNTT đảm bảo các ứng dụng và dữ liệu quan trọng có đủ công suất dự phòng và mức độ sẵn sàng để giảm thiểu tác động của sự cố.

Kế hoạch kinh doanh liên tục của HSC được rà soát và lên phương án chuẩn bị sẵn sàng trên các khía cạnh:

- Các kênh liên lạc hiệu quả, minh bạch và phản hồi nhanh chóng
- Kế hoạch dự phòng cho các địa điểm làm việc bị ảnh hưởng
- Xác định rõ ràng vai trò của từng bộ phận
- Các hệ thống công nghệ hỗ trợ làm việc từ xa, các bước bảo vệ an toàn thông tin

Tính hiệu quả trong kế hoạch BCP của chúng tôi được duy trì thông qua các đợt đánh giá định kỳ để cập nhật các thay đổi về vận hành, công nghệ và pháp lý. Quan trọng hơn, HSC cũng tổ chức các cuộc diễn tập nhằm đảm bảo tất cả nhân viên đều được làm quen với quy trình xử trí trong trường hợp xảy ra sự cố. Các biện pháp phòng ngừa khác như đeo khẩu trang, khử trùng tay và kiểm tra nhiệt độ đã được thực hiện nhất quán trong cả năm 2020 để bảo vệ sức khỏe cho nhân viên và khách hàng - đó là nguồn tài sản quý giá nhất của Công ty, nhân viên và khách hàng.

Ban Xử lý khủng hoảng

Ban Xử lý khủng hoảng bao gồm Trưởng các phòng ban kinh doanh và nghiệp vụ, đứng đầu là Giám đốc điều hành Phát triển Quan hệ Hợp tác (CPO) do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

Các nghị quyết được Ban thông qua đều được trình lên Tổng Giám đốc để phê duyệt. Trường hợp xảy ra thảm họa lớn, Ban đóng vai trò là Trung tâm chỉ huy để chỉ đạo hành động ứng phó của Công ty.

2 Đào tạo và huấn luyện định kỳ

- Huấn luyện thao tác xác nhận an toàn cho nhân viên
- Huấn luyện dựa trên BCP
- Đào tạo trực tuyến cho toàn thể CBNV về BCP

QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG GIAI ĐOẠN " BÌNH THƯỜNG MỚI "

Khủng hoảng tài chính và những bất ổn kinh tế trong bối cảnh đại dịch Covid-19 là một thách thức lớn đối với mô hình quản trị rủi ro mà HSC đã xây dựng và tích lũy trong nhiều năm qua. Văn hóa quản trị rủi ro (QTRR) thận trọng là yếu tố cốt lõi và là nguyên tắc hoạt động của Công ty. Do đó, không thể xây dựng trong một sớm một chiều, mà cần sự nỗ lực không ngừng và ưu tiên đưa vào DNA của HSC ngay từ những ngày đầu. Điều này đòi hỏi nỗ lực tập trung quản trị rủi ro xuyên suốt trên cả ba tuyến phòng thủ và khuyến khích tư duy, hành động cần thiết nhằm QTRR hiệu quả và phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. Duy trì hiệu quả văn hóa quản trị rủi ro là yếu tố quan trọng, góp phần vào sự thành công của Công ty.

Mục tiêu chính của công tác QTRR là bảo vệ sức khỏe tài chính, đồng thời đảm bảo nguồn vốn của HSC được đầu tư hiệu quả giúp các hoạt động kinh doanh phát triển và tăng trưởng. Năm 2020, trước những khó khăn phát sinh làm quan ngại về tính liên tục trong hoạt động kinh doanh, nhưng với quy tắc quản trị và chiến lược rủi ro hợp lý đã giúp HSC đứng vững trước thách thức, đặc biệt phản ứng nhanh để phù hợp với thực tế. Thay vì chức năng kiểm soát đơn thuần, vai trò của hoạt động QTRR được thúc đẩy không ngừng theo định hướng kiến tạo giá trị gia tăng.

Các hoạt động quản trị rủi ro chính nổi bật trong năm 2020

- HSC tiếp tục hoàn thiện khung QTRR theo mô hình "Ba tuyến phòng thủ". Các rủi ro hoạt động phát sinh trong năm 2020 đã được giải quyết tốt.
- Quy trình, quy định của mỗi bộ phận kinh doanh được Khối QTRR hỗ trợ rà soát, đối chiếu với mô hình QTRR chung của Công ty cũng như các quy định áp dụng nhằm đảm bảo nguyên tắc hài hòa giữa chấp nhận rủi ro và tuân thủ đầy đủ.
- Thực hiện rà soát, cập nhật quy trình, quy định hiện hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro trong quá trình triển khai và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Phối hợp với phòng CNTT xây dựng các báo cáo nội bộ thông qua hệ thống Kinh doanh thông minh (Business Intelligence) nhằm đảm bảo số liệu báo cáo được cung cấp kịp thời, chính xác và quy chuẩn.
- Cùng với bộ phận Pháp chế xây dựng ý kiến đóng góp cho các dự thảo văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021:

- Duy trì kiểm soát và cập nhật khẩu vị rủi ro theo cơ cấu vốn, tài sản trên báo cáo tài chính 2020 và theo kế hoạch 2021.
- Tập trung kiểm soát những rủi ro chính có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Rà soát, cập nhật các quy trình và chính sách hiện tại của Công ty nhằm tuân thủ với các quy định mới có hiệu lực trong năm 2021 cũng như phù hợp với thực tế thực hiện.
- Xây dựng lại Giới hạn thẩm quyền (DoAP) theo cơ cấu tổ chức, vốn, tài sản của Công ty và các giới hạn hoạt động theo Quy định mới của pháp luật.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra trong năm 2021 và điều chỉnh chương trình kiểm tra phù hợp với quy định mới.
- Áp dụng các thay đổi mới của Luật Chứng khoán để tham mưu, đề xuất nhằm giúp các bộ phận liên quan cải tiến hoạt động kinh doanh.

QUẢN TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)



Thay đổi từ các quy định yêu cầu của Luật

Cùng với mức độ tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam, mức độ phức tạp của luật định theo đó cũng tăng lên. Ngoài ra, xu hướng chung đang diễn ra trên toàn cầu lẫn trong nước hiện nay, là các cơ quan quản lý đang thay đổi nguyên tắc quản trị doanh nghiệp áp dụng dựa trên nền tảng quản trị rủi ro.

HSC đã chuẩn bị sẵn sàng áp dụng những thay đổi nêu trên, đồng thời tăng cường việc tuân thủ các quy định về phát triển thị trường chứng khoán và sản phẩm mới trong tương lai. Song song với thực hiện các yêu cầu tuân thủ, Bộ phận Pháp chế tại HSC cũng đã đóng góp xây dựng các văn bản luật liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, góp phần kiến tạo giá trị pháp lý cho cả Công ty lẫn thị trường chứng khoán. Những đóng góp quý báu của HSC đã được ghi nhận thông qua việc hoàn thiện Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Những quy định mới này sẽ là cơ sở để hoạt động của thị trường chứng khoán lành mạnh, công bằng và phù hợp với xu thế chung của thị trường chứng khoán thế giới. Bộ phận Pháp chế đã và sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào công tác hoạch định chính sách, lập kế hoạch và triển khai khóa đào tạo cho các bộ phận chịu tác động của các quy định mới ban hành, góp phần củng cố văn hóa QTRR, nâng cao nhận thức về rủi ro pháp lý, hướng tới sự phát triển bền vững, thịnh vượng của Công ty.

Cuối năm 2020, đầu năm 2021, hàng loạt quy định mới được ban hành và có hiệu lực. Các điều khoản và luật đáng chú ý có hiệu lực vào năm 2021 bao gồm:

- Luật Doanh nghiệp 2020 được ban hành ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán 2019 được ban hành ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Và một số nghị định, thông tư ban hành ngày 31/12/2020, hướng dẫn hoạt động kinh doanh chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Hoạt động kiểm toán nội bộ truyền thống thường chú trọng kiểm tra tính tuân thủ của các chính sách và quy trình đã được thiết lập liệu đã đủ phù hợp và hiệu quả nhằm đáp ứng những kỳ vọng cao hơn theo thông lệ tốt nhất hiện nay. Chức năng kiểm toán nội bộ được cho là hiệu quả, tạo ra giá trị khi đưa ra được những thách thức đối với hệ thống quản trị và quản lý rủi ro nhằm hỗ trợ cho các chiến lược của Công ty. Tại HSC, chức năng kiểm toán nội bộ hoạt động ở tuyến phòng thủ thứ ba, nhằm đảm bảo một cách độc lập về tính hiệu quả của các hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như các cơ hội cải tiến.

Với sự thay đổi của hàng loạt quy định pháp luật, bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện công tác rà soát hoạt động tuân thủ của Công ty cả về các quy định luật hiện hành và quy định luật sẽ thay đổi trong thời gian tới. Thông qua đó, bộ phận Kiểm toán Nội bộ kiến nghị giải pháp điều chỉnh các quy định nội bộ của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về hoạt động vận hành và hỗ trợ Công ty hạn chế các rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong bối cảnh thay đổi về các quy định pháp luật.

Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ không chỉ đáp ứng yêu cầu kiểm tra tính tuân thủ mà còn kết hợp phương pháp kiểm toán định hướng theo rủi ro và phương pháp kiểm toán định hướng theo kết quả hoạt động. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ của HSC nỗ lực mang lại giá trị cho Công ty, tiếp cận với thông lệ tốt nhất ở giai đoạn mới. Phương pháp kiểm toán định hướng theo kết quả hoạt động tập trung rà soát các yếu tố chất lượng cao và đem lại giá trị gia tăng cho hoạt động vận hành của Công ty nhằm đảm bảo rằng các mục tiêu chiến lược của Công ty đang được triển khai và quan trọng hơn là tìm ra được cơ hội cải tiến.

Ví dụ điển hình là vào năm 2020, phương pháp kiểm toán định hướng theo kết quả hoạt động đã giúp vạch ra yêu cầu tập trung hóa và tinh chỉnh các chức năng hoạt động trong giai đoạn ứng phó với đại dịch Covid-19 và bối cảnh cạnh tranh khốc liệt do chu kỳ kinh doanh bắt đầu bước vào giai đoạn trưởng thành.

Hoạt động kiểm toán "Kết hợp"

Thông qua hợp nhất các yếu tố của hoạt động tư vấn và đảm bảo, bộ phận Kiểm toán Nội bộ luôn nỗ lực tăng cường giá trị và hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh cũng như cải tiến cơ chế quản trị, quản trị rủi ro, kiểm soát và tuân thủ




của toàn Công ty. Ngoài ra, các năng lực đặc trưng và kỹ năng chuyên môn cần thiết cho việc thực hiện kết hợp hai loại hình hoạt động kiểm toán đều đáp ứng được nhờ vào đội ngũ đồng kiểm toán nội bộ. HSC tiếp tục phối hợp chuyên môn các kiểm toán viên Công ty và đơn vị KPMG Việt Nam trong công tác đồng kiểm toán nội bộ. Trong năm 2020, các hoạt động kiểm toán nội bộ sau đây đã được thực hiện:

- Kiểm toán nội bộ hoạt động phòng, chống rửa tiền
- Quy trình quản lý nhân sự cho Khối Khách hàng cá nhân
- Theo dõi tiến độ thực hiện các phát hiện kiểm toán quy trình quản lý nhân sự cho Khối Khách hàng cá nhân

Trong năm 2020, Bộ phận Kiểm toán Nội bộ tiếp tục đặt mục tiêu tập trung hỗ trợ triển khai hiệu quả chương trình số hóa nội bộ nhằm cải tiến các quy trình nghiệp vụ từ chưa tự động hoá sang tự động hoá. Cụ thể, việc số hóa mô hình tài chính kết nối với nền tảng giao dịch của HSC đòi hỏi các thủ tục rà soát kỹ lưỡng nhằm tìm ra các bất cập tiềm ẩn, từ đó giảm thiểu rủi ro cũng như cơ hội phát triển hoạt động kinh doanh.

Các hoạt động kiểm toán nội bộ trong năm 2021

Trong bối cảnh HSC vừa áp dụng Mô hình hoạt động mục tiêu (TOM) và đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số hóa, các hoạt động kiểm toán nội bộ đã được lên kế hoạch nhằm hỗ trợ Công ty đạt mức tăng trưởng lợi nhuận cao nhất và quản trị rủi ro một cách hiệu quả nhất trong việc quản lý các mô hình hoạt động đa dạng của chuyển đổi số. Theo đó, hoạt động kiểm toán nội bộ trong năm 2021 sẽ tập trung vào các dự án:

-  Kiểm toán nội bộ Hoạt động phòng, chống rửa tiền
-  Rà soát Mô hình hoạt động Tài chính - Kế toán (FTOM)
-  Rà soát Chính sách về thẩm quyền (DoAP)

Vai trò gia tăng giá trị của bộ phận Kiểm toán Nội bộ sẽ tiếp tục được củng cố, đóng góp vào việc đem lại cho khách hàng các dịch vụ và trải nghiệm chất lượng, kịp thời và an toàn.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



hsc

GIỚI THIỆU CHUNG



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA HSC

Từ những ngày đầu thành lập, HSC luôn định hướng ưu tiên tập trung các hoạt động kinh doanh xoay quanh các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường – yếu tố cần thiết đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong dài hạn.

HSC không ngừng nỗ lực theo đuổi các mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững gắn liền với tầm nhìn “*Trở thành một trong những định chế tài chính được ngưỡng mộ nhất, tin cậy nhất, và được đánh giá cao nhất trên thị trường, đồng thời đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam*”. Mô hình phát triển bền vững của HSC được xây dựng dựa trên mục tiêu tạo ra ảnh hưởng tích cực cho ba (03) yếu tố: **Kinh tế, xã hội và môi trường**.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA HSC

HSC xây dựng mô hình phát triển bền vững dựa trên các tác động từ hoạt động của HSC lên ba (03) yếu tố: **Kinh tế, xã hội và môi trường**. Việc đánh giá sẽ giúp Công ty có thể xác định vai trò, trách nhiệm và các hành động cần thực hiện trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Năm 2020, HSC tiếp tục thực hiện Báo cáo Phát triển Bền vững tích hợp tham chiếu theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) – phiên bản mới nhất GRI Sustainability Reporting Standards, tùy chọn cốt lõi. Đây là phiên bản có chuẩn mực quốc tế cao nhất liên quan đến việc lập BCPTBV, được nâng cấp và cấu trúc lại từ phiên bản G4 nhằm giúp doanh nghiệp thực hiện báo cáo thuận tiện và hiệu quả hơn. HSC chủ động định hướng và chia sẻ các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề cần được quan tâm.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA HSC

Tác động tích cực KINH TẾ	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định và bền vững, từ đó đóng góp các nghĩa vụ tài chính cho Ngân sách Nhà nước. Nâng cao thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động. Mang lại lợi ích kinh tế cho cổ đông thông qua chính sách trả cổ tức ổn định. Thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro chặt chẽ nhằm giảm thiểu các thiệt hại về tài chính cho Công ty, khách hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> Minh bạch trong quản trị công ty và cung cấp thông tin đến các đối tượng liên quan theo các thông lệ quốc tế cao nhất. Tích cực tham gia phát triển thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính Việt Nam nói chung thông qua việc đóng góp ý kiến, phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thị trường, sản phẩm đầu tư.
Tác động tích cực XÃ HỘI	<ul style="list-style-type: none"> Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Tiếp tục đầu tư phát triển con người, hướng tới sự đóng góp tích cực cho Công ty, cộng đồng. Luôn “Lấy khách hàng làm trọng tâm” để không ngừng phát triển các sản phẩm đầu tư, hệ thống giao dịch mới, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ khách hàng 	<ul style="list-style-type: none"> Để mang đến cho khách hàng sự hài lòng, tin tưởng khi sử dụng các dịch vụ của Công ty. Chủ động thực hiện các trách nhiệm cộng đồng thông qua các dự án phát triển giáo dục dài hạn. Tuân thủ nghiêm túc các quy định, văn bản hướng dẫn của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các hoạt động duy trì và xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ.
Tác động tích cực MÔI TRƯỜNG	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng môi trường làm việc tại Công ty xanh, sạch, giảm thiểu các tác động từ tiêu dùng năng lượng và xả thải trong hoạt động hàng ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> Hưởng ứng tích cực các sáng kiến bảo vệ môi trường thông qua công tác truyền thông và sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG CỦA HSC

Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Định hướng chiến lược của Công ty về phát triển bền vững. 	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động.
Tổng Giám đốc và Ban Điều hành	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững. Truyền thông chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động của phát triển bền vững đến toàn Công ty. Phân công các Khối/ Bộ phận chuyên môn thực hiện kế hoạch hành động theo đúng vai trò và trách nhiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi sát sao để đảm bảo kế hoạch được thực hiện và đạt mục tiêu đề ra. Đưa ra các giải pháp kịp thời đối với những khó khăn, rủi ro trong quá trình thực hiện. Báo cáo HĐQT kết quả thực hiện kế hoạch phát triển bền vững.
Các Khối và Bộ phận chức năng	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai kế hoạch phát triển bền vững theo đúng sự phân công. Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu về phát triển bền vững của HSC. 	<ul style="list-style-type: none"> Tích cực đóng góp các sáng kiến cải thiện kế hoạch phát triển bền vững.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020

ĐỐI TƯỢNG & MỤC TIÊU CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong kế hoạch hành động phát triển bền vững năm 2020, dựa trên 3 yếu tố chủ động ảnh hưởng tích cực là kinh tế, xã hội, và môi trường, HSC xác định rõ các đối tượng liên quan và mục tiêu của các hoạt động phát triển bền vững lên từng đối tượng, cụ thể:

Đối tượng	Mục tiêu của các hoạt động phát triển bền vững
 KHÁCH HÀNG	<ul style="list-style-type: none"> Nỗ lực xây dựng thương hiệu công ty chứng khoán "tin cậy" nhất trong ngành. Tiếp tục phát triển và giới thiệu các sản phẩm đầu tư, dịch vụ tài chính có chất lượng cao. Không ngừng nâng cao chất lượng khách hàng thông qua sáng kiến xây dựng Trung tâm Dịch vụ khách hàng với cơ sở vật chất tiện nghi, quy trình nghiệp vụ được tự động hóa, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp được đào tạo bài bản, phục vụ khách hàng tận tâm.
 NGƯỜI LAO ĐỘNG	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo mức lương phù hợp và thu nhập ổn định với các quyền lợi nâng cao. Chuyển đổi việc quản lý nhân sự bằng công nghệ số. Xây dựng động lực làm việc và môi trường gắn kết nhân viên. Nuôi dưỡng và phát triển năng lực đội ngũ nhân sự. Thu hút nhân tài phục vụ phát triển kinh doanh.
 CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động kinh doanh hiệu quả và bền vững. Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông. Công bố thông tin minh bạch.
 CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động. Hỗ trợ đào tạo và sử dụng nhân lực địa phương. Tích cực thể hiện trách nhiệm doanh nghiệp thông qua các dự án phát triển giáo dục cộng đồng, thiện nguyện.
 CƠ QUAN QUẢN LÝ	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các Luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng. Hoàn thành tốt các nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Đóng góp ý kiến xây dựng phát triển thị trường.

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

Báo cáo xã hội & môi trường

Khách hàng: Luôn "Lấy khách hàng làm trung tâm"

Để có thể thiết kế những sản phẩm và dịch vụ mang lại sự hài lòng nhất cho khách hàng, HSC luôn tiếp cận và ứng dụng các sáng kiến công việc theo trình tự:

Hiểu nhu cầu, hành vi của khách hàng

- Hiểu rõ khách hàng theo các tiêu chí nhân khẩu như độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, địa lý,... và tiêu chí tài chính (thu nhập, tổng tài sản,...) để vẽ nên bức chân dung khách hàng hướng tới, là bước đầu tiên trong quá trình phát triển, cải tiến các sản phẩm và dịch vụ tại HSC.
- Bên cạnh sử dụng các dữ liệu khách hàng lịch sử sẵn có để phân tích và hiểu nhu cầu khách hàng hiện tại, HSC cũng sử dụng các Báo cáo phân tích hành vi, xu hướng khách hàng của các Tổ chức tư vấn chuyên nghiệp để bổ sung nguồn dữ liệu khách hàng mục tiêu tiềm năng hướng tới.
- Dịch bệnh Covid-19 xảy ra và kéo dài trong năm 2020 đã thay đổi mạnh mẽ hành vi của khách hàng, đặc biệt là sự chuyển dịch sang xu hướng giao dịch, tiêu dùng trực tuyến. Nhằm bắt sự thay đổi hành vi đó, HSC đã và đang tiến hành mạnh mẽ các sáng kiến chuyển đổi số nhằm thu hút khách hàng tiềm năng và giữ chân khách hàng hiện tại.

Thực hiện phân khúc khách hàng

- Từ sự thấu hiểu nhu cầu và hành vi khách hàng, HSC đã triển khai phân loại khách hàng thành những phân khúc khác nhau dựa trên các tiêu chí xác định. Phân khúc

khách hàng được sắp xếp từ những cấp cơ bản nhất đến cấp ưu tiên nhất với nguyên tắc khách hàng cấp ưu tiên sẽ được hưởng trọn vẹn những sản phẩm, dịch vụ của phân khúc khách hàng cơ bản cộng thêm những tiêu chuẩn ưu tiên hơn tùy vào hạng.

- Quá trình phân khúc khách hàng được rà soát và thực hiện theo định kỳ, đảm bảo sự minh bạch và quyền lợi cho các khách hàng hiện hữu cũng như khách hàng tiềm năng của HSC trong quá trình sử dụng sản phẩm và dịch vụ.

Thiết kế các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhất phù hợp với từng phân khúc khách hàng

- Khi thiết kế sản phẩm và dịch vụ mới, HSC đều xác định rõ phân khúc khách hàng mục tiêu hướng tới, nhu cầu & hành vi của phân khúc khách hàng mục tiêu để từ đó thiết kế tính năng sản phẩm phù hợp, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của phân khúc khách hàng mục tiêu.
- HSC luôn tiên phong trong phát triển các sản phẩm đầu tư mới cho khách hàng. Và quan trọng hơn cả, HSC đặt triết lý tạo ra giá trị tốt nhất và hạn chế rủi ro thấp nhất cho khách hàng trong mọi quy trình thiết kế sản phẩm. Điều này được chứng minh bởi thực tế HSC luôn chiếm thị phần hàng đầu khi một sản phẩm đầu tư mới ra đời như phái sinh, chứng quyền hay giao dịch ký quỹ.
- Trong môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ về phí giao dịch và lãi suất vay, HSC tin rằng triết lý tạo ra những sản phẩm, dịch vụ chất lượng hàng đầu, đáp ứng nhu cầu và hành vi của từng phân khúc, tạo ra giá trị bền vững và giảm thiểu rủi ro cho khách hàng sẽ tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín của HSC.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020 (TIẾP THEO)

Đo độ hài lòng của khách hàng để thực hiện cải tiến liên tục sản phẩm, dịch vụ của HSC

HSC coi những phản hồi của khách hàng là nền tảng quan trọng để cải thiện sản phẩm và dịch vụ khách hàng. Trong năm 2020, HSC thiết lập Trung tâm Dịch vụ khách hàng (TTDVKH) với chức năng là "tuyến đầu" nhận các yêu cầu, phản hồi của khách hàng về việc đăng ký và sử dụng các dịch vụ, sản phẩm của HSC. Bên cạnh việc lên trực tiếp TTDVKH của HSC để thực hiện các yêu cầu, khách hàng có thể liên hệ qua số điện thoại hotline, email hoặc phần mềm trực tuyến. Các yêu cầu, phản hồi của khách hàng hàng ngày sẽ được chuyên viên DVKH tiếp nhận và phản hồi lại trong thời gian cam kết sớm nhất. Nếu các phản hồi liên quan hoặc cần sự tham vấn của các Khối, Bộ phận chuyên môn thì DVKH sẽ phối hợp chuẩn bị nội dung và xử lý yêu cầu của khách hàng với mục tiêu nhanh chóng và làm khách hàng hài lòng nhất.

Bên cạnh những phản hồi của khách hàng tiếp nhận hàng ngày, HSC thực hiện các cuộc khảo sát đội ngũ kinh doanh, các khách hàng mục tiêu định kỳ để lấy ý kiến về chất lượng sản phẩm, dịch vụ, về sự hài lòng và những kỳ vọng của

khách hàng đối với HSC trong thời gian tới.

Dữ liệu về phản hồi của khách hàng được phân tích, báo cáo và lưu trữ để làm căn cứ cho quá trình phát triển, cải tiến liên tục sản phẩm, dịch vụ cũng như hệ thống, quy trình vận hành của HSC hướng tới không ngừng nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

Xây dựng các chương trình gắn kết khách hàng với HSC

HSC hiểu rõ giá trị to lớn của việc gắn kết khách hàng hiện hữu sử dụng sản phẩm và dịch vụ của HSC lâu dài. Vì vậy, bên cạnh các sáng kiến thu hút khách hàng mới tiềm năng, HSC đang xây dựng Chương trình Khách hàng trung thành (Loyalty Program). Theo đó, mỗi khách hàng thuộc các phân khúc khác nhau, dựa trên các tiêu chí giao dịch và tài chính, sẽ được hưởng những đặc quyền ưu đãi về dịch vụ. HSC kỳ vọng Chương trình như một sự tri ân đối với các khách hàng đã và đang giao dịch với HSC, gắn kết khách hàng lâu bền hơn và đồng thời cũng sẽ tạo sức hút cho tập khách hàng tiềm năng.



Nhân viên: Đầu tư triệt để vào con người

Đảm bảo mức lương phù hợp và ổn định cùng với các quyền lợi nâng cao cho nhân viên

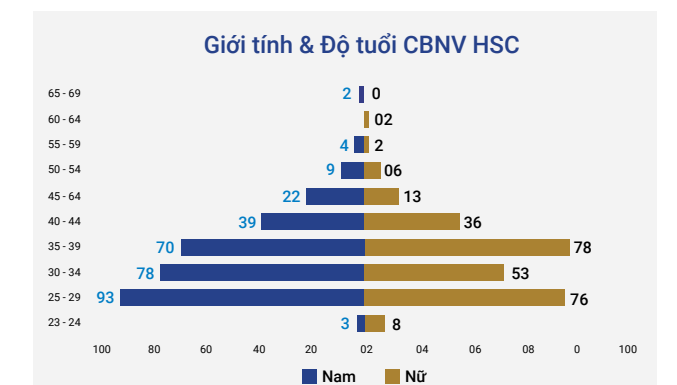
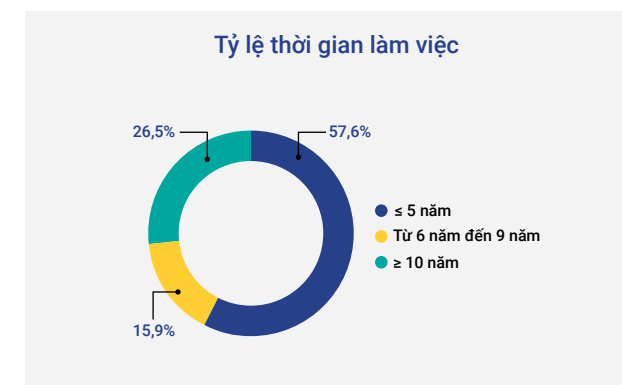
- Lương thưởng và phúc lợi là các khía cạnh quan trọng của Quản trị nhân sự, là yếu tố giúp duy trì động lực cho đội ngũ nhân viên. Lương thưởng và phúc lợi mang lại lợi ích cho nhân viên dựa trên hiệu suất lao động và mang lại những giá trị tốt nhất cho nhân viên tại nơi làm việc.

Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực lên nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Trong bối cảnh đó, HSC vẫn nỗ lực thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá hiệu quả công việc nhằm duy trì mức lương, thưởng cạnh tranh cho nhân viên. Việc triển khai đúng và đủ các chính sách thưởng kinh doanh, thưởng hiệu quả năm, rà soát và phê duyệt điều chỉnh lương dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty là thể hiện rõ

cam kết của Công ty trong các hành động phát triển bền vững đối với người lao động.

- Các phúc lợi được pháp luật quy định nhằm đảm bảo nhu cầu cơ bản cho người lao động như các phúc lợi xã hội bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe hoặc chương trình khám sức khỏe định kỳ. Bên cạnh các chương trình phúc lợi hàng năm, HSC cũng chủ động cung cấp các lợi ích tốt hơn cho nhân viên nhằm thu hút và giữ chân nhân tài của Công ty như bảo hiểm tai nạn, nhân thọ, chăm sóc sức khỏe, kiểm tra sức khỏe hàng năm nhằm đảm bảo sức khỏe cho nhân viên; xây dựng các chính sách nghỉ phép; khung thời gian làm việc linh hoạt. Chương trình chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm năm 2020 hàng năm được cập nhật thêm những ưu điểm mới, bên cạnh quyền lợi bảo vệ sức khỏe người lao động một cách toàn diện mà còn bao gồm cả những rủi ro liên quan đến diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19.

Các khoản chi	2020	2019
Tiền lương	174.180.269.605	168.938.720.045
Bảo hiểm xã hội, BHYT và phí công đoàn	22.008.531.100	21.792.060.352
Bảo hiểm thất nghiệp	1.301.313.600	1.263.752.600
Thù lao, tiền thưởng khác	164.069.223.042	106.258.169.671
Tổng cộng	361.559.339.367	298.252.702.668



Cùng với việc đánh giá và điều chỉnh các chính sách lương thưởng phúc lợi, trong các năm tiếp theo, HSC sẽ tiếp tục phân tích và xây dựng cơ cấu khung lương phù hợp với thị trường; đổi mới chính sách lương, thưởng, khuyến khích theo từng thời kỳ, và rà soát lại chính sách ESOP. HSC tiếp tục xây dựng và chuẩn hóa các quy trình xét duyệt lương thưởng và các phúc lợi liên quan nhằm thích ứng với những thay đổi trong thời kỳ mới.

Các hoạt động trên nhằm tăng sự gắn bó của nhân viên với Công ty, khích lệ tinh thần cạnh tranh lành mạnh trong môi trường làm việc, đồng thời tạo ra nguồn thu nhập đáng kể cho cán bộ công nhân viên. Tất cả đều phải phù hợp quy định nội bộ, văn hóa công ty và đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020 (TIẾP THEO)

Chuyển đổi việc quản lý nhân sự bằng công nghệ kỹ thuật số

Chuyển đổi kỹ thuật số nhân sự là quá trình tự động hóa và dữ liệu hóa việc quản lý nhân sự theo thời gian thực. Việc số hóa quản lý nhân sự đã và đang được thực hiện tại hầu hết các ngành nghề trên toàn thế giới với tốc độ phát triển nhanh chóng. Cùng với xu hướng này, HSC tiếp tục phát triển Hệ thống Quản lý Thông tin Nhân sự (HRIS) vốn đã khởi động từ cuối năm 2018 cho phép nhân viên truy cập và thực hiện các quy trình nhân sự liên quan một cách thuận tiện và tối ưu nhất.

Ngoài các nghiệp vụ liên quan đến nhân sự như bảng lương, hồ sơ công tác,... hệ thống còn hỗ trợ nhân viên thực hiện các tính năng nhân sự như: xin nghỉ phép, đăng ký công tác, xem thông tin phiếu lương, quyết toán thuế thu nhập cá nhân,... mà không cần qua thủ tục giấy tờ; việc phê duyệt được thực hiện trực tiếp trên hệ thống và được thông báo kết quả qua email. Hệ thống HRIS có tính bảo mật cao nhờ áp dụng mã OTP, tính năng truy cập một lần giúp hỗ trợ thuận tiện cho người dùng.

Với phiên bản nâng cấp, hệ thống quản lý nhân sự tiếp tục hỗ trợ chuẩn hóa các quy trình nhân sự liên quan đến hợp đồng, quá trình công tác và luân chuyển công việc.

Xây dựng động lực làm việc và môi trường gắn kết nhân viên

Việc nuôi dưỡng văn hóa công ty theo định hướng phát triển bền vững là yếu tố quan trọng để duy trì tính cạnh tranh trong một thế giới luôn thay đổi. Quản trị nhân sự đóng vai trò quan trọng trong việc xác định và bồi dưỡng các nhân tố tổ chức quan trọng, cho phép và đảm bảo tạo ra các giá trị bền vững, từ đó xây dựng nền tảng cho việc hoạch định chiến lược về Môi trường, Xã hội và Quản trị. Điều này được thể hiện qua những tác động tích cực đến từ việc gắn kết của nhân viên, môi trường làm việc tiên tiến, thúc đẩy sự đa dạng và hòa nhập, đầu tư liên tục vào chất lượng nhân sự, phát triển lực lượng lao động, xây dựng chế độ đãi ngộ công bằng và minh bạch.

Các yếu tố quan trọng của môi trường làm việc thành công và văn hóa phát triển bền vững là quyền tự do trao đổi và

sự tin cậy giữa các đồng nghiệp và trong nội bộ công ty. Điều quan trọng không kém là tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác của các thành viên.

Việc trao đổi thường xuyên tạo ra sự khác biệt đáng kể và đặt nền móng cho việc xây dựng tính tin cậy của một tổ chức. Tại HSC, chúng tôi dành nhiều tâm huyết cho việc tìm kiếm nhân sự phù hợp, phát triển tài năng của họ và hỗ trợ nhằm đảm bảo họ được trang bị các kỹ năng phù hợp.

Người lao động có nhu cầu được lắng nghe, tham gia, công nhận, quan tâm và hướng dẫn bằng sự lãnh đạo tích cực nhằm giúp họ phát huy năng lực của mình. Mọi quan hệ bền vững, giao tiếp cởi mở và học hỏi từ những phản hồi là chìa khóa để xây dựng môi trường tích cực này. Do đó, chúng tôi coi việc trao đổi trực tiếp giữa nhân viên và cấp trên là trọng tâm trong việc quản lý và phát triển sự nghiệp của nhân viên, một phần không thể tách rời của Chương trình Quản lý hiệu quả làm việc của HSC (EPM). Đây là quá trình liên tục cải tiến hiệu suất làm việc bằng cách đặt ra các mục tiêu cá nhân và phòng ban đi cùng với mục tiêu chiến lược của tổ chức; nhân viên và quản lý sẽ cùng lập kế hoạch thực hiện mục tiêu, xem xét và đánh giá tiến độ, đồng thời đề xuất các phương thức phát triển kiến thức, kỹ năng của nhân viên. Chương trình này đã được triển khai thành công từ năm 2018 đến nay.

Trong năm 2021, HSC sẽ triển khai Hệ thống Quản lý Hiệu suất nhân viên, hệ thống này giúp đạt mục tiêu cao nhất của văn hóa quản lý theo hiệu quả công việc thông qua nền tảng tương tác trực tuyến được hỗ trợ bởi thẻ điểm quản trị mục tiêu và phản hồi theo giờ gian thực.

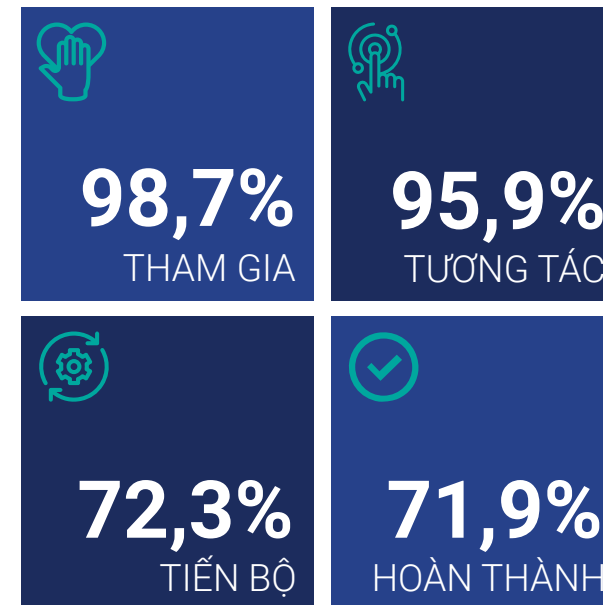
Nhằm thúc đẩy tính gắn kết và tạo động lực làm việc cho nhân viên, HSC sẽ triển khai Chương trình khảo sát mức độ gắn kết năm 2021 (Engagement Survey) để có thể đánh giá mức độ gắn kết giữa các nhân viên trong Công ty. Mục tiêu quan trọng là tìm hiểu mức độ gắn bó của nhân viên và những phản hồi của họ trong suốt quá trình tham gia chương trình. Khảo sát mức độ gắn bó của nhân viên và phân tích các dữ liệu thu được sẽ là chìa khóa quan trọng nhằm xây dựng văn hóa làm việc tích cực, tăng năng suất lao động và tạo ra một nơi làm việc hạnh phúc và hài lòng cho nhân viên hơn. Bên cạnh mục tiêu nhận diện các vấn đề nhu cầu quản lý nhân sự, ở góc độ rộng hơn, những cải tiến thu được từ kết quả khảo sát có thể chuyển thành các mục tiêu kinh doanh, như cải thiện dịch vụ khách hàng và tối ưu hóa hiệu suất tổng thể của Công ty.

Nuôi dưỡng và phát triển năng lực đội ngũ nhân sự

Tại HSC, chúng tôi coi đào tạo là yếu tố tiên quyết trong chiến lược phát triển con người, giúp nhân viên phát triển một cách chuyên nghiệp và thăng tiến trong sự nghiệp. Chúng tôi nỗ lực tạo ra những trải nghiệm học tập hấp dẫn, thiết kế phù hợp cho từng cá nhân và đa dạng nội dung cho tất cả nhân viên trong mọi giai đoạn sự nghiệp của họ. Với định hướng đó, chúng tôi đã triển khai nền tảng học tập kỹ thuật số HSC E-learning Center trong năm 2020, đặt nền móng cho việc chuyển đổi trải nghiệm học tập của nhân viên.

Trong năm 2020, Trung tâm đào tạo online HSC E-learning Center đã cung cấp các khóa học trực tuyến, giúp người học không còn bị phụ thuộc vào thời gian, địa điểm học tập, số lượng người tham gia học từ 15% lên 98,7% tổng số nhân viên kể từ khi được triển khai.

Tổng cộng, HSC E-learning Center đã cung cấp hơn 6 chủ đề học tập chính với hơn 1.635 phim, 542 bộ tài liệu, tất cả được truy cập trực tiếp thông qua các thiết bị điện tử thông minh:



1. Các khóa đào tạo về Sản phẩm: các khóa học này được thiết kế nhằm giúp nhân viên hiểu hết các sản phẩm do HSC cung cấp, từ đó giúp nhân viên phục vụ khách hàng được tốt hơn.

2. Các khóa học định hướng: được thiết kế khoa học nhằm giúp nhân viên mới hoặc nhân viên chuyển chuyển thích nghi với môi trường công việc mới.

3. Các khóa đào tạo Chứng khoán chuyên nghiệp: các khóa học này được thiết kế theo dạng bộ đề thi thử nhằm giúp nhân viên ôn tập và chuẩn bị cho các kỳ thi chứng chỉ chuyên môn.

4. Đào tạo kỹ năng mềm: các khóa học giúp nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, giúp nhân viên HSC kết nối và giao tiếp hiệu quả, nâng cao năng suất công việc.

5. Khóa đào tạo kỹ năng quản lý & lãnh đạo: các khóa đào tạo chuyên biệt bổ sung các kỹ năng lãnh đạo mới và tinh chỉnh những kỹ năng cũ nhằm giúp nhân viên nâng cao năng lực quản lý đội, nhóm bao gồm các kỹ năng giao tiếp, tạo động lực và huấn luyện nhân viên.

6. Khóa đào tạo kiến thức chuyển đổi số: các chương trình đào tạo được thiết kế để trả lời câu hỏi: "Chuyển đổi số là gì?", cung cấp kiến thức từ khái niệm, cơ cấu, xu hướng phát triển nhằm giúp nhân viên hiểu và áp dụng vào công việc thực tế.

Các khóa đào tạo được thiết kế và bổ sung linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của nhân viên. Trong năm 2020, chúng tôi đã khởi xướng một số hoạt động nhằm thúc đẩy văn hóa học tập của nhân viên, bao gồm giải thưởng Ngôi sao học tập dành cho những học viên tích cực và các trợ giảng tình nguyện nội bộ chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm.

Định hướng cho năm 2021, HSC E-learning Center sẽ bổ sung thêm các khóa đào tạo, video, nội dung tham khảo, kênh podcast. Trong năm 2020, chúng tôi đã nghiên cứu và triển khai giải pháp huấn luyện trực tuyến và sẽ tiếp tục thí điểm dựa trên công nghệ mới trong năm 2021. Các tài liệu chuyên dụng như hướng dẫn quản lý và đào tạo phát triển đội nhóm luôn được cung cấp sẵn sàng cho lãnh đạo các cấp trong Công ty.

Bên cạnh đó, các chương trình đào tạo sẽ được cá nhân hóa theo nhu cầu, nhằm mang lại trải nghiệm học tập đúng mục tiêu cho nhân viên hơn. Chúng tôi liên tục cải tiến cách thức truyền tải kiến thức, tạo điều kiện cho nhân viên tham gia học tập và đưa kiến thức vào thực tiễn công việc.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020 (TIẾP THEO)

Thu hút nhân tài năm 2021

Trong bối cảnh nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng cạnh tranh, việc đổi mới trong công tác tìm kiếm nhân sự là rất quan trọng, đây là điều đã được khẳng định xuyên suốt trên các kênh truyền thông xã hội của chúng tôi. Trong năm 2021, chúng tôi sẽ thực hiện các nghiên cứu bên trong và bên ngoài HSC để xây dựng chương trình Định vị giá trị nhân viên (Employee Value Proposition – EVP), chương trình này sẽ giúp phác thảo nên tinh độc đảo của HSC, những điều mà các nhân viên hiện nay và trong tương lai có thể mong đợi như cơ hội nghề nghiệp, các khía cạnh văn hóa và con người của HSC.

Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ truyền tải những giá trị này đến từng nhân viên HSC, họ đồng thời có thể chia sẻ những giá trị này trên các nền tảng mạng xã hội nội bộ lẫn bên ngoài, từ đó lan tỏa tinh thần HSC, giúp thu hút được những tài năng phù hợp. Chúng tôi nhận thức rõ sự thành công của một tổ chức được xây dựng dựa trên chất lượng của đội ngũ nhân viên, vì vậy, chúng tôi quan tâm sâu sắc đến đời sống nhân viên và nỗ lực xây dựng và củng cố hình ảnh “nơi làm việc tốt nhất”. Chúng tôi mong muốn tiếp cận và tương tác với các ứng viên tiềm năng thông qua các nền tảng mạng xã hội yêu thích của họ.

Trong năm 2021, chúng tôi sẽ tập vào việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật số vào tuyển dụng, điều này sẽ tác động tích cực đến quy trình tuyển dụng của HSC vì cho phép quản lý hiệu quả thông tin nguồn ứng viên, tuyển chọn và kết nối ứng viên phù hợp cho các vị trí.

Nhà Đầu tư – Tối ưu hóa giá trị cổ đông

Hoạt động kinh doanh hiệu quả và bền vững

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, HSC có tổng cộng 9.994 cổ đông, trong đó 138 cổ đông là nhà đầu tư tổ chức và 9.856 cổ đông là nhà đầu tư cá nhân. Nhằm gia tăng giá trị cho cổ đông và thể hiện sự cam kết về lợi ích kinh tế, HSC luôn thực hiện chi trả cổ tức ở mức cao. Kể từ khi niêm yết (năm 2009), HSC luôn đều đặn chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ từ 12% - 25%. Tính riêng năm 2020, HSC đã chi trả 366 tỷ đồng cổ tức, tính trên số vốn điều lệ 3.050 tỷ (12% trên vốn điều lệ), đảm bảo chiến lược của HSC là duy trì chính sách chi trả cổ tức tối thiểu bằng 50% lợi nhuận sau thuế hàng năm.

Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông

HSC dành một nguồn lực đáng kể cho hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư trong việc tiếp cận các thông tin có liên quan một cách chính xác và kịp thời. Hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư của HSC được thực hiện bởi phòng Truyền thông. Thông qua các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và Báo cáo Thường niên, cổ đông của HSC được nhận đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của HSC và tất cả các hoạt động về phát triển chiến lược của Công ty, bao gồm cả các sáng kiến và hoạt động phát triển bền vững.

Các quyền khác của Cổ đông như quyền được tham gia, bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ, bầu chọn & bãi nhiệm thành viên HĐQT, chính sách biểu quyết vắng mặt của Cổ đông đều được đảm bảo. Điều lệ & quy chế quản trị công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.

Công bố thông tin minh bạch

Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, HSC có quy trình công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, và tuân thủ chặt chẽ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính và cập nhật theo Thông tư 96/2020/TT-BTC hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Các thông tin đều được công bố song song bằng tiếng Việt – tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử HSC, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các Cổ đông trong và ngoài nước.

Định kỳ hàng quý, HSC tổ chức buổi gặp mặt trực tiếp với các nhà đầu tư và báo chí để thông báo kết quả hoạt động kinh doanh quý và cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời đến các bên hữu quan. Các thông tin cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý được soạn thảo bằng hai ngôn ngữ Anh – Việt và gửi tới từng Cổ đông qua email giúp Cổ đông dễ dàng tiếp cận với nguồn thông tin chính thống, có nhận định chính xác nhằm đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020 (TIẾP THEO)

Cộng đồng – Tích cực thực hiện vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội nơi HSC hoạt động

HSC xác định rõ hành động đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng thông qua các hành động:

- Hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động.
- Hỗ trợ đào tạo và sử dụng nhân lực địa phương.
- HSC tiếp tục liên kết với các trường đại học tổ chức các buổi tọa đàm với các em sinh viên về chuyên môn, định hướng nghề nghiệp.
- Tích cực thể hiện trách nhiệm doanh nghiệp thông qua các dự án phát triển giáo dục cộng đồng, thiện nguyện.



Chương trình thiện nguyện tham gia cùng HOSE "Hỗ trợ đồng bào miền Trung khắc phục sau lũ lụt"



Dự án "Tiếp sức đi tìm con chữ" cho các em nhỏ trường Tiểu học Trường Sơn - Quảng Bình

Vào cuối tháng 12 vừa qua, HSC đã cùng với đoàn từ thiện của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và các Công ty chứng khoán có một hành trình ý nghĩa, về với mảnh đất Gio Linh – Quảng Trị. Đây là một trong những nơi bị thiệt hại nặng nề trong mùa lũ lịch sử vừa qua tại miền Trung. Đoàn đã thăm và tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp hỗ trợ các gia đình sửa sang lại nhà cửa, tái sản xuất cũng như chuẩn bị đón một cái Tết Tân Sửu sắp về. Đặc biệt, để hỗ trợ các em nhỏ tại Gio Linh có đầy đủ điều kiện học tập, đoàn đã thăm và tặng quà cho các trường mầm non và tiểu học tại đây.

Chương trình "Tiếp sức đi tìm con chữ" là hành trình đi về Quảng Bình, đến với vùng đất biên giới xa xôi xã Trường Sơn – Huyện Quảng Ninh – Tỉnh Quảng Bình. Trong trận lũ lịch sử năm 2020, toàn bộ nhà cửa, bản làng, trường học đã bị cuốn trôi hết. HSC đóng góp phần sửa sang lại các điểm trường thuộc xã Trường Sơn và các thiết bị trường học để đảm bảo cho các em học sinh được yên tâm tới trường.



Quý thiện nguyện "PCD Thịnh Vượng"

Cơ quan quản lý nhà nước – Tuân thủ và đóng góp tích cực

Tuân thủ các Luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng

Tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan đến ngành chứng khoán – tài chính là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của HSC, được toàn thể Ban Lãnh đạo, nhân viên Công ty cam kết thực hiện. HSC hiểu rằng, việc không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế - xã hội sẽ không thể đảm bảo phát triển bền vững cho chính doanh nghiệp, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín Công ty. HĐQT và Ban Lãnh đạo HSC đặc biệt coi trọng vấn đề này nên không chấp nhận bất cứ rủi ro pháp lý nào do việc cố tình vi phạm các quy định pháp lý gây ra.

Năm 2020, toàn thể nhân viên HSC đã tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định liên quan đến hoạt động doanh nghiệp, HSC không ghi nhận biên bản, thông báo nào liên quan đến vi phạm pháp luật, quy định trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Đóng góp tích cực cho Ngân sách Nhà nước

Làm tròn nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước là cam kết của HSC trong việc góp phần vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Tổng đóng góp cho Ngân sách Nhà nước trong năm 2020 của HSC đạt hơn 341 tỷ đồng, bao gồm các đóng góp từ thuế thu nhập doanh nghiệp và tạm đóng hộ cho nhà đầu tư. Theo V1000 – Bảng xếp hạng Top 1000 Doanh nghiệp đóng góp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, xếp hạng về đóng góp Ngân sách Nhà nước của HSC ngày càng cao qua các năm, năm 2019 HSC là doanh nghiệp thứ 275 đóng góp nhiều nhất cho Ngân sách Nhà nước.

Thuế & các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước

Năm tài chính	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Thứ hạng của HSC	179	145	108	250	160	95	275

Đóng góp xây dựng phát triển thị trường

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán

và nhận thức được tiềm năng của các sản phẩm chứng khoán trong tương lai, HSC đã có những đóng góp, xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực chứng khoán. Những đóng góp tích cực của HSC đã được ghi nhận cho việc hoàn thành Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp cũng như các văn bản pháp luật liên quan, cụ thể:

Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020 đã ghi nhận sản phẩm: Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR). Đây là một loại chứng khoán đem đến đầy đủ lợi ích kinh tế như một cổ phần nhưng người sở hữu sẽ không có quyền biểu quyết, không tham gia vào hoạt động điều hành, quyết định chiến lược của công ty, hứa hẹn sẽ mang lại nhiều lợi ích trong việc mở rộng đầu tư, huy động vốn trong nước và nước ngoài cho các doanh nghiệp trong tương lai.

Góp ý Luật Chứng khoán liên quan đến mô hình CCP, theo đó hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được thực hiện theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm thông qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, xóa bỏ yêu cầu nhà đầu tư phải đảm bảo có đủ tiền và chứng khoán trước khi đặt lệnh giao dịch, thay vào đó nhà đầu tư thực hiện ký quỹ tiền, chứng khoán trước khi thực hiện giao dịch đồng thời vẫn duy trì an toàn giao dịch cho thị trường.

Góp ý xây dựng Luật Chứng khoán liên quan đến mở rộng các định nghĩa nhà đầu tư chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược và người nội bộ, người có liên quan, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong công ty đại chúng, phát hành chứng khoán, sản phẩm tài chính và các điều luật quan trọng khác đã góp phần nâng chuẩn công ty đại chúng, thu hút nhà đầu tư nước ngoài và phát triển thị trường chứng khoán.

Các quy định mới này sẽ là cơ sở để công ty chứng khoán tiến hành thực hiện các hoạt động trên thị trường chứng khoán tuân thủ quy định pháp luật và hướng đến một thị trường chứng khoán lành mạnh, phù hợp với xu hướng chung của thị trường chứng khoán thế giới. Bộ phận pháp lý đã và sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào các công việc xây dựng các chính sách, lên kế hoạch và triển khai các khóa đào tạo cho các phòng ban chịu tác động bởi quy định mới ban hành, từ đó góp phần củng cố văn hóa quản trị rủi ro và tăng nhận thức về rủi ro và pháp lý, hướng đến sự tuân thủ và phát triển lành mạnh, thịnh vượng của công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020

Năm 2020 là năm nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, thách thức do sự tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, khiến kinh tế toàn cầu suy thoái, nhiều quốc gia có mức tăng trưởng âm, thị trường tài chính tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn chung, nhưng Việt Nam đã thực hiện được mục tiêu kép là vừa kiểm soát tốt sự lây lan của dịch bệnh, đồng thời vẫn phát triển kinh tế trong năm 2020. Kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn tăng trưởng dương, được thế giới ghi nhận là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất trong năm 2020, là một trong 10 nước trên thế giới có tốc độ

tăng trưởng GDP cao nhất. Cùng với đó, TTCK Việt Nam cũng được ghi nhận là một trong những thị trường có mức chống chịu với đại dịch Covid-19 và phục hồi tốt nhất thế giới. Điểm ấn tượng của TTCK Việt Nam năm 2020 đó là thanh khoản thị trường tăng mạnh lên mức kỷ lục, giá trị giao dịch bình quân năm 2020 đạt trên 7.420 tỷ đồng/phiên, tăng 59,3% so với bình quân năm 2019 với số lượng nhà đầu tư F0 tăng mạnh, các phiên giao dịch tăng giảm điểm lịch sử kèm theo giá trị giao dịch vượt qua các ngưỡng chưa từng có.

Kết quả kinh doanh năm 2020

TTCK Việt Nam phục hồi mạnh ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kết thúc năm 2020, HSC đạt 1.592 tỷ đồng doanh thu và 530 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng lần lượt 26% và 23% so với năm 2019, hoàn thành lần lượt 123% và 117% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.

Thị phần môi giới chứng khoán cơ sở năm 2020 của Công ty trên toàn thị trường đạt 8,0%, thấp hơn mức thị phần năm 2019 là 9,8%, trong khi đó thị phần môi giới phái sinh tăng từ 8,7 của năm 2019 lên 10,4% của năm 2020.

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Điều hành (Ban ĐH) trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT như sau:

Phương pháp giám sát

HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, để từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ TGD và Ban ĐH hoàn thành tốt các trách nhiệm được giao.

Đại diện của các tiểu ban thực hiện báo cáo định kỳ tại các cuộc họp HĐQT như sau:

- Tiểu ban Quản trị rủi ro (QTRR) báo cáo các rủi ro trọng yếu đã phát hiện trong quý, sáu tháng và cả năm đồng thời đưa ra kế hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro.

- Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, sáu tháng và cả năm bao gồm các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục để củng cố môi trường kiểm soát nội bộ và đảm bảo cho hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động một cách hiệu quả.

- Tiểu ban Lương – Thưởng phê duyệt chính sách lương, thưởng trong năm 2020.

HĐQT và BKS đánh giá tính khả thi của các kế hoạch hành động và các khuyến nghị, qua đó kiến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty hơn.

HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua các kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, sáu tháng và cả năm và những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Đồng thời theo thẩm quyền, HĐQT cung cấp các hướng dẫn chiến lược, nhận định tình hình thị trường và tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh cho quý tiếp theo. HĐQT thường xuyên trao đổi với TGD và Ban ĐH nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết giúp đạt được các mục tiêu chiến lược HSC đề ra.

Kết quả giám sát

Kết quả kinh doanh năm 2020 với các chỉ số tài chính cơ bản như sau:

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% thay đổi	Kế hoạch năm 2020	% Hoàn thành kế hoạch 2020
Doanh thu	1.591.734	1.262.261	26%	1.297.586	123%
Lợi nhuận trước thuế	660.305	531.406	24%	566.883	116%
Lợi nhuận sau thuế	530.452	432.565	23%	453.507	117%

Kết luận

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban ĐH quản lý các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty và tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng TGD và Ban ĐH đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật

hiện hành, cũng như Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. TGD và Ban ĐH đã nỗ lực hết mình để hoàn thành và vượt kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ 2019 thông qua. Đồng thời, TGD và Ban ĐH đã tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2021, mặc dù còn chịu nhiều tác động từ đại dịch Covid-19, tuy nhiên với những kinh nghiệm và thành công bước đầu trong phòng chống dịch và tiềm năng vị thế sẵn có, kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng đang đứng trước những cơ hội mới.

TTCK Việt Nam ảnh hưởng từ các yếu tố chính sau:

- Thời điểm vaccin phòng Covid-19 được tiêm chủng phổ rộng cho người dân.
- Hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đảm bảo an toàn ổn định.
- Chứng quyền có đảm bảo vẫn còn nhiều dư địa tăng trưởng.
- Thị trường phái sinh tiếp tục tăng mạnh mẽ, là công cụ hữu hiệu để phòng vệ danh mục đầu tư khi thị trường biến động mạnh.
- Sự bùng nổ các quỹ đầu tư ETF nội, là kênh thu hút vốn thụ động của cả nhà đầu tư trong nước lẫn nhà đầu tư nước ngoài.
- TTCK Việt Nam chiếm tỷ trọng cao nhất trong nhóm thị trường cận biên của MSCI sẽ thu hút một lượng vốn lớn từ các quỹ đầu tư theo chỉ số MSCI Frontier markets 100 Index.
- Khuôn khổ pháp lý cho thị trường vốn – Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn góp phần phát triển và minh bạch TTCK Việt Nam đồng thời nâng cao chất lượng hàng hóa. Qua đó giúp nâng cao hiệu quả quản lý và giám sát TTCK để bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, tạo điều kiện tốt hơn cho các doanh nghiệp huy động vốn và thúc đẩy TTCK Việt Nam phát triển lành mạnh.

Chính đại dịch Covid-19 đã chủ động đánh thức những tiềm năng ẩn khuất bên trong mỗi doanh nghiệp và liên tục cập nhật phiên bản mới cho chính doanh nghiệp mình để có thể tiếp tục giữ vững được thành công cho doanh nghiệp. Với nhận thức và nhận định TTCK năm 2021 như trên, HĐQT tập trung vào các hoạt động sau trong năm 2021:

- Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo mô hình chuyển đổi số phù hợp xu hướng phát triển mạnh mẽ của TTCK, tạo nên những thay đổi tích cực.
- Tập trung vào các yếu tố nền tảng để không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, đón đầu xu hướng phát triển thị trường thông qua việc phát triển nguồn nhân lực tài năng và toàn diện, tiến hành mạnh mẽ các sáng kiến chuyển đổi số để nắm bắt cơ hội và nhận diện rủi ro.
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán và kiểm toán, nâng cao năng lực và vai trò của các tiểu ban trực thuộc HĐQT và thành viên HĐQT.
- Xây dựng kế hoạch chiến lược cho các hoạt động trách nhiệm xã hội nhằm nâng cao tính minh bạch, tăng lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững.

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

Quản trị công ty tốt là một trong những yếu tố quan trọng xây dựng nền tảng công ty vững mạnh, mang lại giá trị bền vững, tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn cũng như mang lại danh tiếng cho công ty. Chính những lợi thế này tạo điều kiện cho công ty dễ dàng tiếp cận thị trường vốn, qua đó thúc đẩy phát triển thị trường tài chính nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Mục tiêu quản trị công ty của chúng tôi là xây dựng môi trường của lòng tin, tính minh bạch và tính giải trình, các yếu tố cần thiết để thúc đẩy phát triển đầu tư dài hạn, sự ổn định tài chính và đạo đức trong kinh doanh.

Chúng tôi cam kết đạt được sự xuất sắc trong các tiêu chuẩn quản trị công ty, điều mà chúng tôi xem là nền tảng cho sự bền vững trong hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Để tối đa hóa giá trị công ty, HSC không chỉ quan tâm đến mục tiêu phát triển kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, mà từng bước tập trung nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế, đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực và tận dụng mọi cơ hội tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn.

Hội đồng Quản trị

HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo việc áp dụng chuẩn mực quản trị công ty tốt nhất xuyên suốt trong toàn Công ty. HĐQT đã, đang và sẽ thực thi chuẩn mực quản trị công ty tốt nhất từ cấp quản trị cao nhất là HĐQT và Ban ĐH đến từng nhân viên HSC như là nền tảng để đạt được những mục tiêu Công ty đề ra, đảm bảo tối đa quyền lợi cho cổ đông và các bên liên quan cũng như nâng cao giá trị doanh nghiệp.

HĐQT chịu trách nhiệm trước cổ đông về toàn bộ hoạt động của Công ty. HĐQT không những làm tròn trách nhiệm của mình khi thực hiện chiến lược phát triển Công ty và quản trị rủi ro hiệu quả mà còn là những người đi đầu lan tỏa những nhân tố văn hóa đặc sắc của doanh nghiệp, sự lan tỏa ấy không chỉ dừng lại trong nội bộ Công ty mà còn lan tỏa đến cổ đông và các bên liên quan.

Thành viên Hội đồng Quản trị

HĐQT có bảy (07) thành viên gồm Chủ tịch và sáu (06) thành viên không điều hành.

Cơ cấu thành viên HĐQT đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như sự cân đối giữa các thành viên không điều hành.

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Đánh giá sự độc lập và nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT không thể chỉ dựa vào yếu tố về thời gian thành viên đó đã làm thành viên HĐQT tại Công ty trong năm (05) hay chín (09) năm liền trước đó như theo quy định của Việt Nam và quốc tế mà phải dựa vào nhiều yếu tố, trong đó bao gồm yếu tố năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm, đạo đức và đặc biệt là tính liêm chính và khách quan. Và thế mạnh của những thành viên độc lập làm việc

lâu năm tại công ty đó là họ đã thấu hiểu các hoạt động kinh doanh cốt lõi và là nền tảng cho việc đưa ra các quyết định đúng đắn nhất.

Sau khi tham khảo những quy định pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế áp dụng cho các công ty niêm yết về tính độc lập của thành viên HĐQT, HĐQT nhận thấy mặc dù hai (02) thành viên HĐQT là Ông Đỗ Hùng Việt và Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc đã tham gia làm thành viên HĐQT trên mười (10) năm nhưng xét về tính độc lập khi đưa ra các quyết định cho HSC thì họ vẫn đảm bảo không bị ảnh hưởng mối quan hệ làm thành viên lâu năm tại HSC mà họ vẫn có thể xem xét các vấn đề của Công ty từ các khía cạnh đa dạng và làm tăng giá trị hiệu quả hoạt động chung thay vì chỉ xem xét các vấn đề từ khía cạnh thuần thủ. Họ đã có những đóng góp có giá trị cho sự phát triển của Công ty nên Công ty nhận xét hai (02) thành viên này mặc dù chưa tuân thủ đúng quy định hiện hành về thành viên độc lập HĐQT nhưng xét về bản chất, họ thật sự đóng vai trò của những thành viên độc lập HĐQT.

Mặc dù hiện tại HSC đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT độc lập dựa vào bản chất của các quyết định mà thành viên HĐQT đóng góp cho sự phát triển của HSC. Nhưng HSC luôn mong muốn tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành về số lượng thành viên HĐQT độc lập trong công ty niêm yết. Chính vì vậy danh sách ứng cử viên HĐQT nhiệm kỳ V (2021 – 2025) được trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 sẽ gồm hai (02) ứng cử viên độc lập tham gia ứng cử.

Đánh giá sự độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Thành viên HĐQT không điều hành tại HSC là những đại diện vốn của hai (02) cổ đông lớn là cổ đông nhà nước – Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HIFIC) và cổ đông Chiến lược – Dragon Capital (DC).

Đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT không điều hành tại HSC dựa vào kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như những kỹ năng mềm và tính cách của từng thành viên. Họ luôn là người đưa ra những ý kiến độc lập mang tính đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty. Mặc dù mang trên vai hai trọng trách đó là người đại diện vốn và thành viên HĐQT nhưng họ đã tách biệt hoàn toàn hai vai trò này và luôn hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm Tổng Giám đốc

Sự tách biệt về vai trò của Chủ tịch HĐQT và TGD thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và Ban ĐH nhằm đảm bảo sự phân chia quyền hạn trong việc ra quyết định, tăng trách nhiệm và nâng cao tính độc lập trong hoạt động của HĐQT. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT cũng như của TGD được nêu rõ trong Điều lệ Công ty.

Chủ tịch từng là Giám đốc Công ty từ những ngày thành lập. Ông được bổ nhiệm vào năm 2007 và hiện đang trong nhiệm kỳ thứ tư của HĐQT.

Vai trò của Hội đồng Quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty, HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả

cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Theo đó, vai trò lớn nhất của HĐQT:

- Lập kế hoạch chiến lược phát triển Công ty
- Xây dựng năng lực cạnh tranh
- Phản ứng với các thách thức chính
- Phát triển năng lực cốt lõi
- Tối đa hóa giá trị cho các bên liên quan

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty.

Năm 2020 là năm HĐQT phải thực thi vai trò "Phản ứng với thách thức khủng hoảng bởi đại dịch Covid-19". Xử lý khủng hoảng này, ngoài việc đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo quy định, thực hiện nghiêm túc chính sách đi lại, cách ly theo quy định của chính quyền địa phương cũng như áp dụng chính sách cho nhân viên làm việc tại nhà, HĐQT phải đưa ra quyết định về việc tăng vốn khi quy mô TTCK tiếp tục tăng mạnh cũng như giám sát công cuộc chuyển đổi số để Công ty có đủ nguồn lực đảm bảo hoạt động thông suốt khi số lượng nhà đầu tư F0 tăng mạnh, thanh khoản tăng cao với giá trị giao dịch vượt ngưỡng lịch sử.

Quy trình và thủ tục đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị

Quy trình và thủ tục đề cử ứng cử viên HĐQT là một trong những quy trình quan trọng của Công ty. Khi Công ty áp dụng một quy trình chuẩn mực và phù hợp sẽ quyết định đến cơ cấu, chất lượng và năng lực của thành viên HĐQT. Xây dựng HĐQT công tâm, độc lập, có năng lực giám sát hiệu quả, đảm bảo năng lực phản biện và vai trò độc lập của các thành viên HĐQT.

Các bước trong quy trình đề cử ứng cử viên HĐQT của Công ty:

- Xác định tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chí trở thành thành viên HĐQT. Các tiêu chí này có gắn với yêu cầu và chiến lược phát triển công ty trong dài hạn
- Tuyển chọn ứng cử viên HĐQT
- Đánh giá ứng cử viên HĐQT
- Thường trực HĐQT phỏng vấn sơ bộ ứng cử viên
- Trình HĐQT xem xét và trình ĐHĐCĐ phê duyệt

Thông tin cung cấp đến Hội đồng Quản trị

Thông tin Ban ĐH trình bày trong cuộc họp hay trong tài liệu họp HĐQT là những thông tin được cập nhật chính xác, đầy đủ và rõ ràng để thành viên HĐQT có đủ cơ sở dữ liệu nghiên cứu những vấn đề cần được xem xét thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Trong trường hợp HĐQT yêu cầu cung cấp hay giải trình thông tin, Ban ĐH phải có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu chậm nhất là một (01) ngày trước ngày họp HĐQT.

Thông báo và chương trình họp tập trung được gửi email chậm nhất mười lăm (15) ngày cho các thành viên HĐQT và tài liệu họp được gửi trước chậm nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Đối với các cuộc họp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản thông qua email, nội dung lấy ý kiến được trình bày cụ thể tại các tờ trình và thời gian đề nghị các thành viên HĐQT gửi ý kiến phản hồi chậm nhất là bảy (07) ngày sau ngày gửi tờ trình.

Cam kết của thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên HĐQT cam kết tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành là không đồng thời làm thành viên



HĐQT tại quá năm (05) công ty khác. Chuẩn mực này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực cho sự phát triển của HSC.

Lịch họp HĐQT cho năm tài chính tiếp theo được HĐQT thống nhất tại phiên họp cuối của năm tài chính. Ngoài những nội dung họp được đề cập trong lịch họp năm, bất cứ khi có phát sinh các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập cuộc họp bất thường hay thực hiện lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Thành viên HĐQT cam kết phải xem xét các vấn đề một cách thận trọng trước khi đưa ra quyết định cuối cùng.

Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng Quản trị

HĐQT đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị Công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế. Cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả.
- Xác định rõ ràng vai trò của từng thành viên nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi của tất cả các cổ đông và đảm bảo sự công bằng cho cổ đông nhỏ.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Giám sát hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị để đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc hoạt động và Điều lệ Công ty.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị

	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Số buổi họp HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ
Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch	21/04/2016	38	38	100%
Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch	21/04/2016	38	38	100%
Lâm Hoài Anh	TV không điều hành	26/04/2018	38	38	100%
Phạm Nghiêu Xuân Bắc	TV không điều hành	21/04/2016	38	38	100%
Lê Hoàng Anh	TV không điều hành	21/04/2016	38	38	100%
Lê Thăng Cần	TV không điều hành	21/04/2016	38	38	100%
Johan Nyvene	(*) TV không điều hành	21/04/2016	38	38	100%

(*) Thành viên HĐQT không điều hành từ ngày 16/03/2020 do từ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

HĐQT tổ chức ba mươi tám (38) cuộc họp trong năm 2020 trong đó có hai mươi hai (22) cuộc họp tập trung và mười sáu (16) cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Tại các cuộc họp trong năm, HĐQT thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, sáu tháng và cả năm, nhận định thị trường, rà soát các kế hoạch chiến lược cho quý tiếp theo và phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền để hoạt động của Công ty luôn

được kiểm soát và quản trị tốt nhất. Định kỳ tại phiên họp đầu tiên của năm tài chính, HĐQT nhận định tình hình thị trường trong nước và quốc tế để từ đó xem xét sự phù hợp của tầm nhìn và sứ mệnh Công ty đối với tình hình thực tiễn. Và tại phiên họp cuối cùng của năm tài chính, HĐQT lên lịch họp để xác định thời gian họp HĐQT trong năm tài chính tiếp theo phù hợp với tất cả thành viên HĐQT.

HĐQT đã thực hiện đúng cam kết hoàn thành trách nhiệm và vai trò của mình trong việc tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT cũng như đưa ra các quyết định trọng yếu trong năm 2020. Các nghị quyết chỉ được thông qua khi hơn một phần hai (1/2) tổng số thành viên tham dự đồng ý chấp thuận.

Những hoạt động chính của Hội đồng Quản trị trong năm 2020

Vai trò của HĐQT	Hoạt động của HĐQT năm 2020
Tài chính	
Giám sát tình hình hoạt động tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua dự đoán kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 (NQ 01/2020). Thông qua dự đoán kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2020 (NQ 05/2020). Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng năm 2020 và dự đoán thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2020 (NQ 16/2020). Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2020 và dự đoán kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2020 và cả năm 2020 (NQ 25/2020).
Quyết định các đợt phát hành chứng quyền	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc phát hành các chứng quyền (NQ 02/2020, NQ 11/2020, NQ 19/2020, NQ 32/2020). Thông qua việc phát hành bổ sung các chứng quyền (NQ 23/2020, NQ 30/2020, NQ 36/2020). Thông qua việc điều chỉnh nội dung phát hành chứng quyền (NQ 35/2020).
Giám sát các mảng hoạt động kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Điều chỉnh tổng giá trị các khoản vay của Công ty trong năm 2020 (NQ 05/2020). Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 (NQ 37/2020).
Giám sát việc vay vốn tại các ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua đề xuất vay vốn tại các ngân hàng trong tổng hạn mức đã được thông qua (NQ 04, 06, 07, 08, 14, 15, 17, 18, 20, 21, 22, 24, 26, 27, 28, 33, 34, 38/2020). Thông qua việc thay đổi tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tỷ giá (NQ 01/2020). Thông qua việc công ty tham gia các hoạt động phòng ngừa rủi ro tỷ giá thông qua giao dịch hoán đổi ngoại tệ và giao dịch phái sinh lãi suất với các ngân hàng (NQ 31/2020).
Quản trị rủi ro	
Quyết định nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Ông Johan Nyvene từ ngày 16/03/2020 (NQ 01/2020). Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Trịnh Hoài Giang từ ngày 16/03/2020 (NQ 01/2020). Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của Ông Lê Công Thiện từ ngày 26/02/2020 (NQ 03/2020). Bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị công ty đối với Bà Thân Thị Thu Dung (NQ 25/2020).
Quản trị doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua thời gian, địa điểm, nội dung chương trình và các nội dung chính trong các tờ trình sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 (NQ 01/2020). Hoãn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 (NQ 05/2020). Thông qua thời gian, địa điểm, nội dung chương trình và các nội dung chính trong các tờ trình sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 (NQ 09/2020). Thông qua việc thành lập Chi nhánh Hoàn Kiếm tại khu vực miền Bắc (NQ 29/2020). Thông qua việc đóng cửa các phòng dịch và chi nhánh tại khu vực miền Bắc và miền Nam (NQ 29/2020).



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Quý hoạt động của HĐQT và BKS năm 2020 được ĐHCĐ thông qua với tỷ lệ một phần năm phần trăm (1,5%) lợi nhuận sau thuế.

Dựa vào định mức thù lao tại Biên bản số 01/2018/BB-RC ngày 22/01/2018 của Tiểu ban Lương – Thưởng và dựa vào số thành viên HĐQT và BKS thực tế tại từng thời điểm cụ thể, tình hình chi trả thù lao và chi phí hoạt động của thành viên HĐQT và BKS cụ thể như sau:

Bảng chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2020

Nội dung	Số tiền (VND)
Quý hoạt động của HĐQT & BKS tồn đầu năm 2020	3.274.017.325
Quý hoạt động của HĐQT & BKS năm 2020 (trích 1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2019)	6.488.473.776
Chi phí hoạt động của HĐQT & BKS	7.892.403.208
Trong đó:	
1. Thù lao HĐQT & BKS năm 2020 (*)	3.680.000.000
2. Chi phí hoạt động khác	4.212.403.208
Quý hoạt động của HĐQT & BKS năm 2020 chưa sử dụng	1.870.087.893

Ghi chú:

(*) Thù lao của HĐQT là 2.733.333.333 VND và BKS là 946.666.667 VND (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân).

Chế độ tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Ngoài chế độ thù lao nêu trên, các thành viên HĐQT và BKS không nhận bất cứ khoản tiền thưởng từ Quý khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Hiện tại các chế độ quyền lợi về chi phí (chế độ sử dụng ô tô của Công ty; chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác; chế độ khám sức khỏe định kỳ và các khoản mục khác theo các chính sách của Công ty) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT. Các thành viên HĐQT và BKS còn lại chỉ hưởng chế độ công tác phí (nếu có).

Sự tham gia của các thành viên Hội đồng Quản trị trong chương trình quản trị Công ty

Toàn bộ thành viên HĐQT và thành viên BKS đã tham gia khóa học "Quản trị công ty", ngoại trừ ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc chưa có điều kiện thuận lợi để tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty. Công ty sẽ sắp xếp thời gian hợp lý để ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc có thể tham gia khóa học đào tạo về quản trị công ty trong thời gian sắp tới.



Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

HĐQT đã thành lập ba (03) tiểu ban trực thuộc HĐQT là Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Tiểu ban Lương – Thưởng.

Nhiệm vụ của các tiểu ban là tư vấn và hỗ trợ cho HĐQT trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty. Thành viên của cả ba tiểu ban gồm các thành viên không điều hành và điều hành. HĐQT đã được lựa chọn dựa trên trình độ chuyên môn, nền tảng kinh nghiệm và có những đóng góp tích cực cho tiểu ban:

Họ và tên	Chức vụ	Tiểu ban Quản trị rủi ro	Tiểu ban Kiểm toán nội bộ	Tiểu ban Lương – Thưởng
Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch TV HĐQT không điều hành	✓	Chủ nhiệm ✓	✓
Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch TV HĐQT không điều hành	Chủ nhiệm ✓		Chủ nhiệm ✓
Lê Thăng Cần	Thành viên TV HĐQT không điều hành		✓	
Lê Hoàng Anh	Thành viên TV HĐQT không điều hành	✓		
Johan Nyvene	Thành viên TV HĐQT điều hành			✓
Võ Văn Châu	Trưởng Ban Kiểm soát			✓
Đặng Nguyệt Minh	Thành viên Ban Kiểm soát		✓	

Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Tiểu ban Quản trị rủi ro

Tiểu ban Quản trị rủi ro (QTRR) được thành lập vào năm 2013. Tiểu ban QTRR có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, quy trình, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty. Tiểu ban QTRR cũng có nhiệm vụ phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Công ty trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro và đề xuất những biện pháp phòng ngừa; phân tích quyết định mức độ rủi ro chung của Công ty, thiết lập khẩu vị rủi ro và mức chịu đựng rủi ro của cho các mảng nghiệp vụ cũng như tổng thể hoạt động của Công ty, đồng thời giám sát việc thực thi chính sách này trong Công ty và xem xét nguồn vốn, khả năng thanh khoản và việc huy động vốn của Công ty. Tiểu ban QTRR chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Công ty để phù hợp với các yêu cầu về quản trị rủi ro của các cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, Tiểu ban QTRR phải đánh giá hiệu quả hoạt động của Giám đốc Quản trị rủi ro.

Hoạt động của Tiểu ban QTRR:

- Trong năm 2020, Khối QTRR tiếp tục hoàn thiện mô hình QTRR theo COSO.
- Định kỳ hàng tháng, quý, sáu tháng và cả năm Khối QTRR gửi báo cáo hoạt động giao dịch và danh sách các rủi ro quan trọng được nhận diện cùng với kế hoạch hành động và kết quả giám sát đến Tiểu ban QTRR.
- Tiểu ban QTRR tổ chức họp để rà soát và phê duyệt các giao dịch trong giới hạn thẩm quyền của mình.

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) được thành lập vào năm 2014 và hoạt động theo đúng các quy định trong Nguyên tắc hoạt động và Điều lệ của Tiểu ban đã được HĐQT thông qua.

Bộ phận KTNB tiếp tục đồng kiểm toán nội bộ với đơn vị tư vấn Công ty TNHH KPMG Việt Nam trong năm 2020.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hoạt động kiểm toán và theo dõi tình hình thực hiện các phát hiện của kiểm toán nội bộ:

- Trong năm 2020, Bộ phận KTNB đã phát hành các báo cáo kiểm toán:
- Báo cáo hoạt động phòng chống rửa tiền
- Rà soát Hoạt động Nhân sự của Khối Khách hàng cá nhân (kiểm toán lần 2)
- Rà soát Mô hình hoạt động của Phòng Tài chính Kế toán
- Báo cáo tình hình thực hiện phát hiện của kiểm toán nội bộ đã được báo cáo trong cuộc họp định kỳ của Tiểu ban KTNB.

Tiểu ban Lương – Thưởng

Tiểu ban Lương – Thưởng chính thức thành lập vào năm 2016. Tiểu ban Lương – Thưởng thành lập với mục đích để tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của từng thành viên HĐQT, BKS và Ban TGĐ; xem xét kế hoạch ngân sách hàng năm chi cho nhân viên và quyết định các vấn đề liên quan đến kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.

Quan hệ giữa Công ty và Cổ đông & Nhà đầu tư

Quan hệ cổ đông

Cổ đông được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin bao gồm các Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên cũng như những thông tin đã được công bố và tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp ĐHĐCĐ là cơ hội quan trọng để Công ty được gặp gỡ và đối thoại trực tiếp với cổ đông và nhà đầu tư. Tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT trình kết quả hoạt động kinh doanh trong năm qua, kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo và những nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Theo kế hoạch cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 (ĐHĐCĐ 2019) được tổ chức vào ngày 22/04/2020. Nhưng do dịch bệnh Covid-19 nên công ty hoãn và đã tổ chức ĐHĐCĐ vào ngày 23/06/2020. Các trình tự

thủ tục đã được HSC thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cổ đông.

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng 27/05/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cung cấp nhận được đầy đủ và rõ ràng các thông tin liên quan đến ĐHĐCĐ 2019 trong Thông báo mời họp. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ 2019 ghi rõ thời gian, địa điểm, chương trình họp và những thông tin cơ bản về việc đăng ký tham dự Đại hội. Toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ 2019 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của HSC bằng cả hai (02) thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) trong mười lăm ngày (15) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2019. Bên cạnh đó, Thông báo mời họp ĐHĐCĐ 2019 cũng được đăng trên Báo Đầu tư Chứng khoán số 72 ngày 15/06/2020.
- Để đảm bảo an toàn sức khỏe và hạn chế sự lây lan của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp như phát khẩu trang và xịt dung dịch rửa tay khử khuẩn cho tất cả cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ 2019. ĐHĐCĐ 2019 được tổ chức vào ngày làm việc trong tuần và các bàn kiểm tra tư cách cổ đông được mở sớm hơn một (01) tiếng trước giờ khai mạc Đại hội. HSC đã sử dụng hệ thống mã vạch để kiểm tra tư cách cổ đông cũng như thống kê tỷ lệ của từng nội dung biểu quyết.
- Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Chủ nhiệm các Tiểu ban và Ban Điều hành làm chủ tọa đoàn cuộc họp ĐHĐCĐ 2019. Ngoài ra, đại diện kiểm toán độc lập cũng có mặt tại Đại hội và đại diện cổ đông thiểu số được ứng cử vào Ban Kiểm phiếu tại Đại hội.
- Chủ tọa đoàn sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của cổ đông xoay quanh các hoạt động của Công ty trong khung giờ cho phép và tiếp tục trả lời thông qua email những câu hỏi chưa được giải đáp. Chủ tọa đoàn khuyến khích cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đóng góp ý kiến để cùng nhau xây dựng HSC ngày càng vững mạnh.
- Tất cả các nội dung HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua đều được tách riêng từng nội dung để cổ đông thông qua. Kết quả kiểm phiếu của từng nội dung được công bố ngay và ghi vào Biên bản họp.
- Biên bản họp, Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019 được đăng trên trang thông tin điện tử của HSC bằng hai (02) thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc Đại hội.

Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức được HĐQT xem xét hàng năm nhưng luôn đảm bảo tỷ lệ cổ tức được trích trên năm mươi phần trăm (50%) lợi nhuận sau thuế. Tùy theo tình hình kinh doanh mỗi năm mà tỷ lệ cổ tức dao động từ mười hai phần trăm (12%) đến trên hai mươi phần trăm (20%). HSC luôn đưa ra quyết định chi trả cổ tức với thông tin chi tiết, minh bạch và đặc biệt nêu rõ ngày thanh toán cổ tức được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày sau khi được ĐHĐCĐ thông qua. HSC luôn đảm bảo thời gian thanh toán đúng, tỷ lệ cổ tức bằng hoặc cao hơn tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên hàng năm thông qua.

Tại ĐHĐCĐ 2019, ĐHĐCĐ đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2020 khoảng 12%. Kế hoạch và việc thực hiện thanh toán cổ tức năm 2020 được tóm tắt như sau:

- Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ năm phần trăm (5%) và đã thanh toán cho cổ đông vào ngày 20/01/2021, đúng theo tiến độ đã thông báo tại Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐQT ngày 08/12/2020.
- Trên cơ sở đảm bảo nguồn thu nhập từ đầu tư vốn của cổ đông, HĐQT sẽ kiến nghị tỷ lệ chia cổ tức đợt 2 tại ĐHĐCĐ 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2020 và chính sách cổ tức của HSC.

Quan hệ nhà đầu tư

Công ty luôn chủ động kết nối với nhà đầu tư để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác thông qua một số kênh thông tin có sẵn như trang thông tin điện tử của Công ty, các buổi công bố Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các buổi diễn đàn đầu tư hay các hội nghị chuyên đề, Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và gửi thông tin qua email đến từng nhà đầu tư.

Tất cả các kênh kết nối với nhà đầu tư không bị gián đoạn bởi đại dịch Covid-19 do HSC thực hiện qua các nền tảng trực

tuyến với các khung giờ linh động, cho phép cổ đông trong nước cũng như nước ngoài có thể tham gia.

Công ty luôn khuyến khích cổ đông, nhà đầu tư cũng như đối tác đặt những câu hỏi hay đóng góp ý kiến xây dựng Công ty.

Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông

Chỉ định người đại diện được ủy quyền trong cuộc họp ĐHĐCĐ

HSC tạo mọi điều kiện thuận lợi để cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, nhưng trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không thể ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ, cổ đông đó có quyền ủy quyền một cổ đông đó quyết định tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội.

Biểu quyết tại ĐHĐCĐ hay biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ được phát Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo mẫu của Công ty. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết đều sử dụng mã vạch để việc kiểm phiếu được thực hiện chính xác và nhanh gọn. Cổ đông dùng Thẻ biểu quyết để thông qua các vấn đề chung tại ĐHĐCĐ. Cổ đông phải xác nhận ý kiến của mình đối với các nội dung chính bằng việc đánh dấu chéo vào một trong ba ô vuông: “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” trong Phiếu biểu quyết và ký tên xác nhận việc biểu quyết này.

Biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Mỗi cổ đông được gửi Phiếu lấy ý kiến bằng thư bảo đảm và email (nếu có) đến địa chỉ đã đăng ký với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Để đảm bảo quyền lợi cho tất cả cổ đông được tham gia biểu quyết, HĐQT đã gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu để cổ đông xem xét và biểu quyết mười lăm (15) ngày trước ngày gửi lại Phiếu lấy ý kiến đã biểu quyết cho HSC.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



Bầu thành viên HĐQT

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT phải được ĐHĐCĐ thông qua. Việc lựa chọn ứng cử viên và bầu thành viên mới vào HĐQT được thực hiện theo đúng quy trình chính thức được nêu rõ ràng và minh bạch trong Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế bầu cử của Công ty.

Việc bầu thành viên HĐQT đã được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín và theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Danh sách ứng cử viên đính kèm sơ yếu

lý lịch được đăng trên website của Công ty mười (10) ngày làm việc trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ để cổ đông có thời gian xem xét lựa chọn những ứng cử viên hội đủ các tiêu chuẩn trở thành thành viên HĐQT thay thế.

Quản trị xung đột về lợi ích

Nhận thức việc xây dựng những chính sách, quy trình nội bộ và cơ chế giám sát về các tình huống "xung đột lợi ích" đối với người quản lý & điều hành Công ty không những góp phần ngăn ngừa, giảm thiểu các biểu hiện vụ lợi cá nhân mà còn mang lại sự bình đẳng đối với cổ đông.

Hiện tại, Công ty đang tuân thủ theo chuẩn mực "tránh xung đột lợi ích" của pháp luật Việt Nam. Công ty đang trong quá trình xây dựng Quy chế nội bộ về tránh xung đột lợi ích với mục tiêu là đưa ra các phương pháp tiếp cận để xác định và ngăn chặn hoặc quản lý các xung đột có thể phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan có trực lợi thường xuyên là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của nhiều doanh nghiệp lớn, phá hủy giá trị cổ đông và làm mất niềm tin của nhà đầu tư vào tính liêm chính của thị trường và đã trở thành một trong những thách thức lớn nhất đối với môi trường kinh doanh tại Việt Nam trong những năm gần đây.

Chính vì lý do trên, chính sách giao dịch với các bên liên quan đang được xây dựng như là một phần trong Quy chế nội bộ về tránh xung đột lợi ích để đảm bảo mọi xung đột lợi ích tiềm ẩn trong giao dịch với các bên liên quan được kiểm soát nghiêm ngặt.

Giao dịch của người quản lý & điều hành Công ty và người có liên quan của các đối tượng này

Người quản lý & điều hành Công ty phải công bố thông tin trước ngày thực hiện giao dịch cổ phiếu HCM tối thiểu là ba (03) ngày làm việc và báo cáo trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Người quản lý & điều hành Công ty phải thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và họ không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh này vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho người quản lý & điều hành Công ty và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Công ty không được thực hiện các giao dịch có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với người quản lý & điều hành Công ty và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc cổ đông, người ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Vai trò của các bên liên quan

Quan hệ với các bên liên quan

Cổ đông

HSC luôn sẵn sàng cung cấp thông tin minh bạch, đầy đủ và kịp thời đảm bảo quyền lợi bình đẳng giữa các cổ đông, không có sự phân biệt giữa cổ đông lớn, cổ đông chiến lược hay cổ đông thiểu số.

Thông tin về hoạt động của Công ty như kết quả hoạt động kinh doanh mỗi quý, sáu tháng và cả năm, kế hoạch kinh doanh, cổ tức,... đều được công bố đầy đủ và kịp thời đến cổ đông. Giãn cách xã hội do đại dịch Covid-19 trong năm 2020 không làm gián đoạn các buổi công bố thông tin định kỳ HSC tổ chức hàng năm. Thông qua các nền tảng trực tuyến, HSC vẫn cập nhật đầy đủ thông tin và trao đổi với cổ đông, nhà đầu tư về hoạt động kinh doanh của Công ty.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



Nhà đầu tư

Hành vi của nhà đầu tư có thể đã được thay đổi trong năm 2020 do hoàn cảnh phải giãn cách xã hội vì đại dịch Covid-19. Họ ưu tiên lựa chọn những sản phẩm, dịch vụ có thể giao dịch trên các nền tảng số tại các công ty chứng khoán. Điều này là một minh chứng cho thấy chuyển đổi số là xu hướng bắt buộc để thành công và làm thay đổi cục diện cạnh tranh trên TTCK Việt Nam.

Để giữ vững thương hiệu dịch vụ tài chính tiên phong nắm bắt xu thế thị trường, HSC không ngừng gia tăng các sản phẩm, dịch vụ, tiện ích theo định hướng chuyển đổi số nhằm mang đến cho nhà đầu tư những trải nghiệm vượt trội khi thực hiện giao dịch tại HSC

Nhân viên

"Nguồn nhân lực đa dạng và toàn diện" là yếu tố then chốt cho sự thành công của HSC. Chuyển đổi số hiện đang là

một xu thế không thể đảo ngược trong thời gian gần đây. Vì thế, việc tìm kiếm một đội ngũ nhân sự có kỹ năng lãnh đạo và thực hiện các sáng kiến số hóa là rất quan trọng cho sự thành công của HSC trong hành trình chuyển đổi này.

Tại HSC, chúng tôi quan tâm sâu sắc đến sự phát triển của từng nhân viên, do đó, đào tạo và phát triển nguồn lực là trọng tâm chính của HSC trong giai đoạn hiện nay. Chúng tôi đã và đang thiết lập một văn hóa học tập linh hoạt, khuyến khích nhân viên học hỏi và kiến thức và kỹ năng mới nhằm thích ứng với những sự thay đổi. Theo đó, trong năm 2020, HSC ra mắt nền tảng học tập kỹ thuật số HSC E-learning Center cung cấp các khóa học toàn diện về pháp lý, lãnh đạo, giao tiếp và kỹ năng mềm với sự linh hoạt về thời gian và địa điểm. Nền tảng này thay đổi đã giúp nâng cao trải nghiệm học tập của nhân viên.

Cộng đồng

Ý thức chia sẻ với cộng đồng đã và đang được chúng tôi xây dựng và phát huy suốt từ những ngày đầu thành lập Công ty. Ở Công ty, chúng tôi tạo công ăn việc làm hợp pháp và nộp thuế đầy đủ giúp xây dựng đất nước. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong chính Công ty và xã hội cũng đã trở thành truyền thống tốt đẹp tại HSC.

HSC cam kết luôn sẵn sàng đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng để HSC mãi được vinh danh là chiếc nôi mang nguồn cảm hứng "chia sẻ cộng đồng". Chúng tôi tập trung nỗ lực vào các kế hoạch có tác động tích cực lâu dài cho cộng đồng chúng tôi sinh sống và làm việc. Mục tiêu cốt lõi là nâng cao cuộc sống cho cộng đồng mà chúng tôi tin rằng sẽ là một thành tố quan trọng đóng góp cho sự thành công của HSC trong tương lai.

Môi trường

Đóng góp cho sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam là một trong những trách nhiệm quan trọng và tất yếu mà HSC đã, đang và sẽ hướng tới.

Với một tinh thần đầy nhiệt huyết, luôn sẵn sàng truyền đạt kinh nghiệm và cố gắng học hỏi kiến thức tiên tiến, HSC không những góp phần vào quá trình định hình, phát triển thị trường và nuôi dưỡng sự tin nhiệm của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế mà còn tạo cho chính mình cơ hội tiếp cận và tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng.

Ngoài ra, chúng tôi còn là những thành viên tích cực của các hiệp hội và tổ chức trong ngành chứng khoán nói riêng và trong ngành tài chính nói chung. Nhờ sự tham gia vào Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB), Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), Câu lạc bộ CEO Việt Nam,... chúng tôi có cơ hội hiểu sâu hơn, được cung cấp thêm thông tin để từ đó đóng góp ý kiến cho sự phát triển thị trường.

Công ty kiểm toán

HSC cam kết luôn chọn một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu tại Việt Nam đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý.

Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam

Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam là công ty kiểm toán năm thứ ba liên tiếp cho HSC.

Các công việc kiểm toán được chỉ định thực hiện:

- Soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ
- Soát xét Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng giữa niên độ

- Kiểm toán Báo cáo tài chính cuối năm
- Kiểm toán Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng cuối năm
- Kiểm toán đặc biệt thông tin tài chính của Công ty cuối năm theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS)

Phí dịch vụ kiểm toán: 957.000.000 VND (Chín trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Công ty TNHH KPMG Việt Nam là công ty đồng kiểm toán nội bộ với HSC trong năm 2020.

Phí dịch vụ kiểm toán: 1.081.176.250 VND (Một tỷ tám mươi một triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Kênh thông tin liên hệ

Hiện tại kênh thông tin liên hệ duy nhất tại HSC là Phòng Truyền thông. Mọi thắc mắc của các bên liên quan sẽ được chuyển đến các bộ phận chịu trách nhiệm xử lý và sau đó Phòng Truyền thông đại diện HSC trả lời các thắc mắc qua điện thoại hoặc email.

Công bố thông tin

Chính sách và việc thực hiện công bố thông tin

Chính sách công bố thông tin tại HSC được thực hiện tuân theo các quy định hiện hành và gắn liền với Chính sách Quản trị Công ty. Thông tin công bố được HSC thực hiện theo đúng các nguyên tắc sau:

- Thông tin công bố phải chính xác, đầy đủ, rõ ràng và phải được công bố đúng thời hạn quy định.
- Việc công bố thông tin phải thực hiện đúng theo quy định hiện hành.
- Tất cả các bên liên quan đều có quyền được truy cập những thông tin HSC đã công bố.
- Những thông tin có ảnh hưởng lớn đến giá cổ phiếu HCM, hay có khả năng ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư, hay ảnh hưởng đến quyền của cổ đông, hay có thể xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư phải được công bố đúng thời hạn quy định và phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của HSC, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (SSC).

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan

Trong năm 2020, HSC đã thực hiện thông báo giao dịch cổ phiếu HCM của thành viên HĐQT và/ hay tổ chức có liên quan với thành viên HĐQT cho các cơ quan chức năng trước ba (03) ngày làm việc khi thành viên HĐQT và/ hay tổ chức có liên quan với thành viên HĐQT giao dịch cổ phiếu HCM đúng theo quy định hiện hành thực hiện báo cáo kết quả giao dịch sau ba (03) ngày làm việc, cụ thể như sau:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán...)
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	Tổ chức có liên quan đến Ông Lâm Hoài Anh và Ông Lê Thăng Cần – Thành viên HĐQT	87.500.000	28,61%	87.500.000	28,61%	Đăng ký bán 10.000.000 cổ phiếu từ ngày 09/01/2020 đến hết ngày 07/02/2020 nhưng đến hết ngày 07/02/2020 chưa bán được do giá cổ phiếu chưa phù hợp.
Công ty Cổ phần Cộng Hưởng	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc – Thành viên HĐQT	841.030	0,28	841.030	0,28%	Đăng ký bán 200.000 cổ phiếu từ ngày 23/03/2020 đến hết ngày 21/04/2020 nhưng đến hết ngày 21/04/2020 chưa bán được do giá cổ phiếu chưa phù hợp.
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên HĐQT	560.000	0,18	560.000	0,18%	Đăng ký mua 200.000 cổ phiếu từ ngày 23/03/2020 đến hết ngày 21/04/2020 nhưng đến hết ngày 21/04/2020 chưa mua được do giá cổ phiếu chưa phù hợp.
Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ Ông Lâm Hoài Anh và Ông Lê Thăng Cần – Thành viên HĐQT	87.500.000	28,61%	87.500.000	28,61%	Đăng ký bán 25.000.000 cổ phiếu từ ngày 13/11/2020 đến hết ngày 27/11/2020 nhưng đến hết ngày 27/11/2020 chưa bán được do giá cổ phiếu chưa phù hợp.
Công ty Cổ phần Cộng Hưởng	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc – Thành viên HĐQT	841.030	0,28%	691.030	0,23%	Đăng ký bán 200.000 cổ phiếu từ ngày 16/11/2020 đến hết ngày 15/12/2020 nhưng đến hết ngày 15/12/2020 chỉ bán được 150.000 cổ phiếu do giá cổ phiếu chưa phù hợp.
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên HĐQT	560.000	0,18%	460.000	0,15%	Đăng ký bán 160.000 cổ phiếu từ ngày 16/11/2020 đến hết ngày 15/12/2020 nhưng đến hết ngày 15/12/2020 chỉ bán được 100.000 cổ phiếu do giá cổ phiếu chưa phù hợp.
Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ Ông Lâm Hoài Anh và Ông Lê Thăng Cần – Thành viên HĐQT	87.500.000	28,61%	72.975.180	23,93%	Đăng ký bán 25.000.000 cổ phiếu từ ngày 03/12/2020 đến hết ngày 25/12/2020 nhưng đến hết ngày 25/12/2020 chỉ bán được 14.524.820 cổ phiếu do giá cổ phiếu chưa phù hợp.
Công ty Cổ phần Cộng Hưởng	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc – Thành viên HĐQT	691.030	0,23	500.030	0,16%	Đăng ký bán 200.000 cổ phiếu từ ngày 25/12/2020 đến hết ngày 22/01/2021 nhưng đến hết ngày 22/01/2021 chỉ bán được 191.000 cổ phiếu do giá cổ phiếu chưa phù hợp.
Công ty Cổ phần Phi Thuyền Đầu tư	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc – Thành viên HĐQT	-	-	-	-	Đăng ký mua 350.000 cổ phiếu từ ngày 25/12/2020 đến hết ngày 22/01/2021 nhưng đến hết ngày 22/01/2021 không mua được do giá cổ phiếu chưa phù hợp.
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên HĐQT	460.000	0,15	350.000	0,11%	Đăng ký bán 160.000 cổ phiếu từ ngày 25/12/2020 đến hết ngày 22/01/2021 nhưng đến hết ngày 22/01/2021 chỉ bán được 110.000 cổ phiếu do giá cổ phiếu chưa phù hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH NĂM 2020

Năm 2020, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ HSC, Quy chế quản trị về tổ chức và hoạt động của BKS, góp phần cùng Ban Điều hành (BDH) HSC triển khai kế hoạch kinh doanh và các nội dung liên quan được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua. BKS bao gồm 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập, với tư cách là đại diện cổ đông tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại HSC. Trong năm 2020, hoạt động của BKS bao gồm:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHCĐ năm 2019
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020
- Giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2020

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2019

Trong năm 2020, HĐQT tổ chức ba mươi tám (38) cuộc họp trong đó có hai mươi hai (22) cuộc họp tập trung và mười sáu (16) cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tại các cuộc họp, BKS đã nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của HSC và đóng góp ý kiến cùng với HĐQT, BDH trong việc thúc đẩy các mục tiêu đã được phê duyệt vào ĐHCĐ năm 2019.

Các vấn đề trọng tâm được bàn bạc trong các cuộc họp HĐQT bao gồm:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cả năm 2019 và hàng quý trong năm 2020
- Thông qua toàn bộ các vấn đề liên quan đến việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2020
- Miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám đốc, miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
- Phương án sử dụng vốn trong từng mảng hoạt động và nhu cầu vốn trong các năm tới, đề xuất vay vốn tại ngân hàng
- Thông qua việc phát hành các chứng quyền trong năm 2020
- Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 5%
- Tham dự chương trình "Hội nghị Chiến lược HSC 2021", tại đây, HĐQT và BKS đã trực tiếp lắng nghe và đối thoại cùng với BDH và toàn bộ các Trưởng bộ phận của HSC về các định hướng chiến lược của Công ty trong năm 2020

Các ý kiến đóng góp của BKS với tư cách giám sát viên và đại diện của cổ đông đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của HĐQT.

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020

Năm 2020, cùng các thành viên trong Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ, BKS đã tham dự hai buổi họp giữa niên độ và kết thúc niên độ với Kiểm toán độc lập của HSC - Công ty TNHH PwC (Việt Nam) để trao đổi về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán, và các vấn đề được nêu trong Thư quản lý. Theo đó, các hoạt động của HSC rõ ràng, minh bạch, không phát hiện những vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính, cũng như quy trình hoạt động. Trong năm, Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam (PwC) chỉ cung cấp dịch vụ kiểm toán cho HSC và không bao gồm bất kỳ dịch vụ tư vấn nào khác, với tổng chi phí kiểm toán là 957.000.000 VND (Chín trăm năm mươi bảy triệu đồng) (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng).

Ngoài ra, BKS đã tiến hành phân tích Báo cáo tài chính hàng quý, cuối năm tài chính; Báo cáo soát xét tỷ lệ vốn khả dụng. Về mặt an toàn tài chính, HSC đạt tiêu chuẩn cao về tính thanh khoản và các tỷ lệ liên quan đến cơ cấu vốn, tỷ lệ an toàn tài chính của HSC theo quy định của Bộ Tài Chính vào cuối tháng 12/2020 đạt 658% (tại ngày 31/12/2019 là 566%), cao hơn 3.9 lần so với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ở mức 180%.

Về kết quả kinh doanh, doanh thu của HSC năm 2020 đạt 1,592 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2019 và đạt 123% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 530 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2019 và đạt 117% kế hoạch. Ngoài việc đạt thành tích tốt, BKS đánh giá cao tính bền vững trong mô hình kinh doanh của HSC. Cụ thể, vào Quý 1 năm 2020, khi thị trường chứng khoán thế giới cũng như Việt Nam trải qua giai đoạn biến động rất mạnh với nhiều rủi ro chưa từng có trong lịch sử,

HSC vẫn duy trì mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận dương lần lượt là 14% và 23% so với cùng kỳ năm 2019. Đây là một thành công không dễ đạt được với các doanh nghiệp trong ngành chứng khoán. Các quý tiếp theo, thị trường chứng khoán Việt Nam có sự hồi phục nhanh, đáng kể. Cùng với sự tham gia mạnh mẽ của lớp nhà đầu tư mới, thanh khoản thị trường trung bình đạt đến 7,430 tỷ đồng/ngày, tăng 60% so với năm 2019 và cao hơn gần gấp rưỡi so với mức kỳ vọng theo kế hoạch năm 2020 của HSC. Nhờ vào những yếu tố tích cực này, HSC đã sớm hoàn thành kế hoạch năm.

BKS ghi nhận sự tăng trưởng đồng đều ở hầu hết các mảng kinh doanh của HSC. Cụ thể như sau:

- Doanh thu phí môi giới đạt 621 tỷ đồng, tăng 143 tỷ đồng tương đương tăng 30% so với năm 2019 và chiếm 39% tổng doanh thu của HSC.
- Trong đó: phí môi giới chứng khoán cơ sở đạt 577 tỷ đồng, tăng 30% và phí môi giới phái sinh đạt 44 tỷ đồng, tăng 69%.
- Doanh thu từ các hoạt động cho vay ký quỹ (margin) đạt 549 tỷ đồng, tăng 54 tỷ đồng tương đương tăng 11% so với cùng kỳ và chiếm 35% tổng doanh thu của HSC.
- Lãi suất cho vay margin trung bình giảm xuống mức 10,2%/năm so với mức 11,6%/năm trong năm 2019. Mức giảm lãi suất cho vay margin năm trong kế hoạch năm 2020 của HSC nhằm tăng sức cạnh tranh của mảng kinh doanh cho vay margin.
- HSC, nằm trong nhóm ba (03) Công ty Chứng khoán (CTCK) có dư nợ cho vay lớn nhất thị trường vào thời điểm cuối năm 2020, vẫn tiếp tục đi theo định hướng cho vay an toàn với rủi ro thấp, có tính thanh khoản cao, có vốn hóa lớn.
- Hoạt động đầu tư tự doanh đạt doanh thu ấn tượng với 369 tỷ đồng với tỷ suất sinh lời bình quân đạt 25%/năm, tăng 146 tỷ đồng tương đương tăng 65% so với năm 2019, vượt trội hơn so với mức tăng 15% của VN-Index năm 2020 và đóng góp 23% vào tổng doanh thu của HSC.
- Doanh thu từ mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 38 tỷ đồng, giảm 15 tỷ đồng tương đương giảm 28% so với năm 2019.
- Năm 2020, HSC ghi nhận nguồn doanh thu từ khoản phí tư vấn thành công các thương vụ ngành ngân hàng và tài chính.
- Mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp có một năm hoạt động không nhiều thuận lợi. Bởi các quy định về đóng cửa biên giới phòng chống dịch COVID-19, các đối tác tiềm năng không thể đến Việt Nam thực hiện đàm phán các thương vụ. Điều này dẫn đến, các giao dịch không thực hiện thành công như kỳ vọng mà HSC đặt ra trong kế hoạch.

Tổng chi phí hoạt động trong năm của HSC tăng 27% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu năm tăng 26% so với kế hoạch dẫn đến các khoản chi phí đi kèm doanh thu cũng phát sinh tăng tương đương.

Bên cạnh đó, nằm trong chiến lược tái cơ cấu Khối Khách hàng cá nhân nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Khối cũng như xây dựng chiến lược định vị thương hiệu, BDH đã có những thay đổi lớn trong việc sắp xếp lại các phòng giao dịch (PGD) như sau:

- Tại TP. HCM: thành lập Trung tâm Khách hàng tại Toà nhà AB vào cuối năm 2020, toàn bộ PGD trong khu vực TP. HCM được điều chuyển về các tầng 2, 7, 11 và 12 Toà nhà AB lần lượt từ giữa năm 2020 đến đầu tháng 2 năm 2021.
- Tại Hà Nội: Trung tâm Khách hàng tại Tòa Nhà CornerStone dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào quý 1 năm 2021, tiến hành đóng cửa PGD Kim Liên và sắp xếp toàn bộ PGD của Khối tập trung tại hai địa điểm nằm trong khu vực trung tâm là Tòa nhà Vinaconex (cũng là PGD Láng Hạ) và Tòa nhà 66A Trần Hưng Đạo (là PGD Hoàn Kiếm).

Thị phần chứng khoán cơ sở của HSC ở mức 9.4%, giữ vững vị trí thứ 2 trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX) trong suốt nhiều năm qua (2014 - 2020). Thị phần sản phẩm phái sinh chiếm 10.9% trên Sở Giao dịch Phái sinh Việt Nam (HNX). Đây là các kết quả tích cực trong bối cảnh ngành chứng khoán vô cùng cạnh tranh. Tuy nhiên, BKS khuyến nghị HSC cần tập trung hơn nữa và quyết liệt hơn nữa trong các giải pháp thu hút khách hàng mới, đặc biệt là khách hàng cá nhân.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH NĂM 2020 (TIẾP THEO)

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Tỷ lệ an toàn tài chính	658%	566%
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
a	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,5	2,3
b	Hệ số Nợ so với Tổng tài sản (lần)	0,6	0,4
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
a	Hệ số vốn chủ sở hữu so với Tổng nguồn vốn (lần)	0,4	0,6
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
a	ROAE (Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	12,1%	11,7%
b	ROAA (Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	5,3%	6,8%

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2020

Trong năm 2020, bộ phận Kiểm toán Nội bộ (KTNB) đã phát hành các báo cáo kiểm toán sau:

STT	Quy trình kiểm toán
1	Báo cáo Hoạt động Phòng chống rửa tiền
2	Quy trình Hoạt động Nhân sự của Khối Khách hàng cá nhân
3	Theo dõi tiến độ thực hiện các phát hiện kiểm toán cho Quy trình Hoạt động Nhân sự của Khối Khách hàng cá nhân

Khối Khách hàng cá nhân là một trong các mảng kinh doanh chủ chốt của HSC với số lượng nhân sự chiếm hơn 60% nguồn nhân lực của Công ty. Do vậy, quy trình Quản lý nhân sự của Khối Khách hàng cá nhân đã được kiểm toán lần thứ 2. Mục tiêu của dự án kiểm toán là cung cấp cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành các đánh giá độc lập về việc thiết kế quy trình, quản lý hiệu quả, kiểm soát các rủi ro trọng yếu trong hoạt động nhân sự của Khối này. Để đạt được yêu cầu đề ra, bộ phận KTNB của HSC cùng với đơn vị đồng kiểm toán, công ty TNHH

KPMG Việt Nam (KPMG), không chỉ áp dụng phương pháp kiểm toán thông thường dựa trên định hướng xác định rủi ro, mà còn tích hợp thêm các phương pháp kiểm toán mới, dựa trên định hướng xác định hiệu quả. Thay đổi này phù hợp với sự phát triển chiến lược của HSC trong năm 2020, và củng cố vai trò của bộ phận KTNB như một dịch vụ tạo giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh của Công ty với mục tiêu hướng đến là lấy dịch vụ khách hàng và trải nghiệm khách hàng làm trọng tâm.

Trong năm, KPMG chỉ cung cấp dịch vụ đồng kiểm toán nội bộ cho HSC và không bao gồm bất kỳ dịch vụ tư vấn nào khác, với tổng chi phí đồng kiểm toán nội bộ là 1.081.176.250 VND (Một tỷ tám mươi một triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng).

BKS ghi nhận không có phát hiện ở mức nghiêm trọng đối với đợt đánh giá Quy trình Hoạt động Nhân sự của Khối Khách hàng cá nhân. Trên cơ sở đánh giá của KTNB, trong năm 2020, Tổng Giám đốc đã tiến hành thiết kế lại tổng thể cơ cấu tổ chức, hệ thống hoạt động quản lý nhân sự mới của Khối Khách hàng cá nhân cùng kế hoạch hành động và nhận được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị cho việc thực hiện. BKS ghi nhận hệ thống hoạt động mới của Khối Khách hàng cá nhân đã chính thức hoạt động từ Quý 4 năm 2020.

BKS khuyến nghị HSC nên liên tục đánh giá và kiểm tra tính hiệu quả và tính hợp lý của hoạt động quản lý nhân sự cho Khối Khách hàng cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh đầy thách thức từ thị trường hiện nay, nhằm tránh bất kỳ rủi ro nào có thể cản trở việc đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra.

THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

Tổng thù lao của BKS năm 2020 là 946.666.667 VND (Chín trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân). Cụ thể cho từng thành viên như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế) (VND)
1	Ông Võ Văn Châu	Trưởng ban	10.000.000
2	Ông Đoàn Văn Hinh	Thành viên	6.000.000
3	Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	6.000.000

KẾ HOẠCH CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Trong năm 2021, BKS tiếp tục đồng hành và giám sát phòng KTNB trong việc hoàn thành kiểm toán các quy trình đã được bắt đầu trong năm 2020 và các quy trình mới theo Kế hoạch Kiểm toán năm 2021 như sau:

STT	Quy trình kiểm toán
Năm 2020	
1	Rà soát Mô hình Hoạt động Tài chính - Kế toán
Năm 2021	
2	Báo cáo Hoạt động Phòng chống rửa tiền
3	Rà soát Chính sách về Thẩm quyền

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020





Nội dung

- 103 THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP
- 104 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 105 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- 107 BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (MẪU SỐ B01 – CTCK)
- 111 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (MẪU SỐ B02 – CTCK)
- 113 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (MẪU SỐ B03B – CTCK)
- 115 BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (MẪU SỐ B04 – CTCK)
- 116 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (MẪU SỐ B09 – CTCK)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 4 năm 2003 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 13/GPĐC-UBCK được cấp ngày 16 tháng 3 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch
Ông Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên
Ông Lê Thăng Cần	Thành viên
Ông Johan Nyvene	Thành viên
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên
Ông Lâm Hoài Anh	

BAN KIỂM SOÁT

Ông Võ Văn Châu	Trưởng ban
Ông Đoàn Văn Hình	Thành viên
Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/03/2020) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15/03/2020)
Ông Johan Nyvene	Tổng Giám đốc (đến ngày 15/03/2020)
Ông Lê Anh Quân	Giám đốc Điều hành
Ông Bạch Quốc Vinh	Giám đốc Điều hành
Ông Phạm Ngọc Bích	Giám đốc Điều hành
Ông Christopher Lawrence Hunt	Giám đốc Điều hành
Ông Stephen James McKeever	Giám đốc Điều hành
Ông Trần Tấn Đạt	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Cảnh Thịnh	Giám đốc Điều hành
Bà Nguyễn Linh Lan	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Nguyên Bình	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/12/2020)
Ông Lâm Hữu Hồ	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
Ông Lê Công Thiện	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26/02/2020)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/03/2020)
Ông Johan Nyvene	Tổng Giám đốc (đến ngày 15/03/2020)

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5-6, Tòa nhà AB Tower, 76 Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 103 đến trang 169. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 18 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 107 đến trang 90.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3047-2019-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10075

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Trần Thị Cẩm Tú

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2713-2018-006-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
TÀI SẢN				
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.307.866.988.088	7.295.764.151.145
110	Tài sản tài chính		12.118.339.034.626	7.275.687.206.277
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	206.860.864.747	906.543.226.372
111.1	Tiền		206.860.864.747	906.543.226.372
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2	3.061.224.600.123	1.306.154.384.308
114	Các khoản cho vay	3.3	8.623.841.531.603	4.734.496.649.940
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.4	(37.783.317.946)	(37.783.317.946)
118	Trả trước cho người bán		7.913.519.184	6.445.066.994
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.5	193.223.521.787	318.126.523.551
122	Các khoản phải thu khác	3.5	64.858.789.330	43.505.147.260
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.4	(1.800.474.202)	(1.800.474.202)
130	Tài sản ngắn hạn khác		189.527.953.462	20.076.944.868
131	Tạm ứng		131.200.582	251.315.707
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.8(a)	8.702.822.930	8.464.775.711
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.005.314.000	3.797.282.500
137	Tài sản ngắn hạn khác		179.688.615.950	7.563.570.950
137.1	Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	3.6	179.688.615.950	7.563.570.950
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		180.960.564.999	192.914.478.203
220	Tài sản cố định		46.878.656.183	41.889.429.828
221	Tài sản cố định hữu hình	3.7(a)	26.872.243.833	24.220.165.536
222	Nguyên giá		104.576.989.289	86.288.797.369
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(77.704.745.456)	(62.068.631.833)
227	Tài sản cố định vô hình	3.7(b)	20.006.412.350	17.669.264.292
228	Nguyên giá		83.670.927.010	69.590.128.018
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(63.664.514.660)	(51.920.863.726)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.7(c)	342.334.073	13.597.128.282
250	Tài sản dài hạn khác		133.739.574.743	137.427.920.093
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		8.365.511.870	6.192.051.327
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.8(b)	94.014.062.873	100.955.484.782
253	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.16	1.360.000.000	280.383.984
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.9	20.000.000.000	20.000.000.000
255	Tài sản dài hạn khác		10.000.000.000	10.000.000.000
255.1	Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh	3.10	10.000.000.000	10.000.000.000
270	TỔNG TÀI SẢN		12.488.827.553.087	7.488.678.629.348

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 169 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		8.048.473.021.702	3.184.535.590.209
310	Nợ phải trả ngắn hạn		8.048.473.021.702	3.184.535.590.209
311	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		6.716.571.061.080	2.393.727.235.255
312	Vay ngắn hạn	3.11	6.716.571.061.080	2.393.727.235.255
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.12	935.296.094.913	487.804.747.433
320	Phải trả người bán ngắn hạn		5.104.995.817	1.046.316.763
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.13	67.013.629.923	37.937.342.045
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		4.769.951.100	3.851.740.871
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.14	83.776.529.704	56.698.330.262
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.15	209.921.021.432	184.843.206.969
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		26.019.737.733	18.626.670.611
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.440.354.531.385	4.304.143.039.139
410	Vốn chủ sở hữu		4.440.354.531.385	4.304.143.039.139
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.405.291.244.992	3.411.931.836.992
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.17	3.058.822.630.000	3.058.822.630.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.058.822.630.000	3.058.822.630.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		358.946.064.000	358.946.064.000
411.5	Cổ phiếu quỹ		(12.477.449.008)	(5.836.857.008)
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		177.907.588.627	151.385.003.919
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		177.907.588.627	151.385.003.919
416	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.961.374.994	3.961.374.994
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.18	675.286.734.145	585.479.819.315
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		647.641.022.448	614.251.440.752
417.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		27.645.711.697	(28.771.621.437)
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.488.827.553.087	7.488.678.629.348

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 169 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2020	31.12.2019
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
			Theo giá trị (VND)	
004	Nợ khó đòi đã xử lý		345.059.000	345.059.000
			Theo nguyên tệ	
005	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ		1.880,68	1.899,62
	Yên Nhật		241.915	241.915
	Đô la Singapore		844	844
	Bảng Anh		7.146,28	1.594,70
	Đô la Đài Loan		3.200	3.200
	Đô la Canada		100	100
	Ringgit Malaysia		750	750
			Theo số lượng	
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	4.1	305.041.845	305.516.173
007	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	3.17	840.418	366.090
			Theo mệnh giá (VND)	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của công ty chứng khoán		993.631.923.000	146.128.706.000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>937.631.923.000</i>	<i>146.128.706.000</i>
	<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>		<i>56.000.000.000</i>	<i>-</i>
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		23.150.020.000	506.139.500.000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>23.150.020.000</i>	<i>506.139.500.000</i>
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán		51.825.101.000	4.570.802.000
	<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		<i>51.825.101.000</i>	<i>4.570.802.000</i>
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		3.340.840.000	391.374.560.000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>3.340.840.000</i>	<i>391.374.560.000</i>
			Theo số lượng	
014	Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành	4.2	41.100.990	60.105.000

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 169 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2020	31.12.2019
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
			Theo mệnh giá (VND)	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư		29.055.917.558.453	21.830.141.746.300
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		26.490.060.452.700	18.732.929.161.200
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		222.878.360.000	129.406.140.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.072.686.420.000	2.371.412.250.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		175.105.240.000	268.676.880.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		768.765.870.100	203.396.899.000
021.7	Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư		326.421.215.653	124.320.416.100
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư		226.132.240.000	18.424.050.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		212.693.340.000	11.232.460.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		13.438.900.000	7.191.590.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		685.071.278.200	212.253.750.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của nhà đầu tư		5.500.000.000	5.500.000.000
026	Tiền gửi của khách hàng		2.426.782.571.627	865.759.134.335
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.100.361.355.974	741.438.718.235
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD		326.421.215.653	124.320.416.100
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.100.361.355.974	741.438.718.235
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.089.526.776.741	733.323.220.892
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		10.834.579.233	8.115.497.343

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hổ
Giám đốc Tài chính kiêm
Kế toán trưởng



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 169 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		1.027.171.623.991	505.990.623.151
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	719.339.277.788	374.478.101.972
01.2	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	104.750.184.619	16.213.187.476
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.3	208.294.399.010	108.888.346.116
01.4	Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	(5.212.237.426)	6.410.987.587
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		549.942.893.189	508.242.445.291
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		621.464.464.968	482.481.918.443
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.575.701.973	7.616.808.263
10	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		37.741.467.445	53.627.870.462
11	Thu nhập hoạt động khác		4.009.821.108	2.171.378.005
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		2.247.905.972.674	1.560.131.043.615
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(657.783.171.656)	(299.990.119.345)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	(614.662.557.597)	(300.506.423.395)
21.2	Giảm chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	27.738.629.141	516.964.050
21.4	Chênh lệch tăng đánh do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	(70.859.243.200)	(660.000)
24	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản vay	5.4	(207.049.930.074)	(113.682.911.467)
26	Chi phí hoạt động tự doanh	5.5	(56.313.185.768)	(33.922.566.120)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.5	(420.110.183.582)	(363.693.987.844)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.5	(7.961.207.512)	(8.178.428.770)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	5.5	(20.203.733.179)	(21.241.240.366)
32	Chi phí các dịch vụ khác	5.5	(3.594.143.138)	(3.431.286.574)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(1.373.015.554.909)	(844.140.540.486)

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 169 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 169 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mẫu số B02 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		1.610.698.997	2.119.729.545
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		1.610.698.997	2.119.729.545
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.6	(216.286.598.477)	(186.799.467.128)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		660.214.518.285	531.310.765.546
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		90.917.424	95.013.636
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		90.917.424	95.013.636
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		660.305.435.709	531.405.779.182
91	Lợi nhuận đã thực hiện		603.888.102.575	508.265.300.069
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		56.417.333.134	23.140.479.113
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.7	(129.853.741.544)	(98.840.860.805)
100.1	Chi phí thuế TNDN - hiện hành		(130.933.357.560)	(97.562.452.910)
100.2	Hoàn nhập/(chi phí) thuế TNDN - hoãn lại		1.079.616.016	(1.278.407.895)
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		530.451.694.165	432.564.918.377
300	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		-	-
500	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	5.8	1.738	1.770
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	5.8	1.738	1.770

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính kiêm
Kế toán trưởng

Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 169 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu số B03 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		660.305.435.709	531.405.779.182
02	Điều chỉnh cho các khoản:		171.530.263.399	97.402.357.000
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	3.7	27.937.372.890	24.717.774.214
04	Hoàn nhập dự phòng		-	(23.573.148.070)
06	Chi phí lãi vay	5.4	207.049.930.074	137.256.059.537
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(54.708.333)	(95.013.636)
08	Dự thu tiền lãi		(63.402.331.232)	(40.903.315.045)
10	Tăng/(giảm) các chi phí phi tiền tệ		43.120.614.059	(516.304.050)
11	Tăng/(giảm) chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và phải trả chứng quyền		43.120.614.059	(516.304.050)
18	Tăng các doanh thu phi tiền tệ		(99.537.947.193)	(22.624.175.063)
19	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và phải trả chứng quyền		(99.537.947.193)	(22.624.175.063)
30	Tổng thay đổi vốn lưu động		(5.405.931.732.386)	(1.449.551.028.333)
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(1.622.581.402.055)	(454.584.292.576)
33	Tăng các khoản cho vay		(3.889.344.881.663)	(1.434.698.488.750)
37	Giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		124.903.001.764	424.445.031.797
39	Giảm các khoản phải thu khác		42.168.804.287	14.216.558.439
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		7.741.821.136	(37.810.538.371)
42	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		9.778.408.813	(270.461.040)
43	Thuế TNDN đã nộp	3.13	(119.377.759.690)	(90.420.756.280)
44	Lãi vay đã trả		(197.965.708.789)	(128.261.747.739)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		2.590.226.864	(6.783.957.063)
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		918.210.229	260.652.936
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		17.490.620.008	(1.669.811.456)
50	Giảm phải trả, phải nộp khác (bao gồm phải trả chứng quyền)		389.253.463.753	170.388.900.170
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	95.637.881.600
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(171.506.537.043)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.630.513.366.412)	(843.883.371.264)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(23.145.130.826)	(28.334.699.237)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		498.300.000	104.515.000
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(22.646.830.826)	(28.230.184.237)

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 169 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP) (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.222.514.474.000
72	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(4.150.370.000)	(2.027.400.000)
73.2	Tiền vay khác	3.11	37.610.473.840.008	31.004.520.032.398
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác	3.11	(33.287.630.014.183)	(30.314.925.120.338)
76	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(365.215.620.212)	(248.757.390.185)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.953.477.835.613	1.661.324.595.875
90	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(699.682.361.625)	789.211.040.374
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		906.543.226.372	117.332.185.998
101.1	Tiền	3.1	906.543.226.372	117.332.185.998
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		206.860.864.747	906.543.226.372
103.1	Tiền	3.1	206.860.864.747	906.543.226.372

Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền được trình bày tại Thuyết minh 6.1.

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mẫu số B03 - CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		109.044.199.307.146	67.940.759.977.710
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(113.641.108.393.057)	(72.248.211.899.110)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		5.963.407.425.623	4.033.540.592.683
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(7.575.701.973)	(7.616.808.263)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		1.358.922.637.739	(281.528.136.980)
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		741.438.718.235	1.022.966.855.215
31	Tiền gửi ngân hàng		741.438.718.235	1.022.966.855.215
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		741.438.718.235	1.022.966.855.215
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		2.100.361.355.974	741.438.718.235
41	Tiền gửi ngân hàng		2.100.361.355.974	741.438.718.235
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.100.361.355.974	741.438.718.235

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc Ngày 18 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 169 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu số B04 - CTCK

Chi tiêu	Tại ngày		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	1.1.2019	1.1.2020	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.625.017.521.491	3.411.931.836.992	2.117.258.114.000	(330.343.798.499)	(6.640.592.000)	3.405.291.244.992
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.297.567.580.000	3.058.822.630.000	1.761.255.050.000	-	-	3.058.822.630.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	330.343.798.499	358.946.064.000	358.946.064.000	(330.343.798.499)	-	358.946.064.000
1.3 Cổ phiếu quỹ	(2.893.857.008)	(5.836.857.008)	(2.943.000.000)	-	(6.640.592.000)	(12.477.449.008)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn đầu lệ	129.756.758.000	151.385.003.919	21.628.245.919	-	26.522.584.708	177.907.588.627
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	129.756.758.000	151.385.003.919	21.628.245.919	-	26.522.584.708	177.907.588.627
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.961.374.994	3.961.374.994	-	-	-	3.961.374.994
5. Lợi nhuận chưa phân phối	1.172.043.750.012	585.479.819.315	432.564.918.377	(1.019.128.849.074)	530.451.694.165	675.286.734.145
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện	1.223.955.850.562	614.251.440.752	409.424.439.264	(1.019.128.849.074)	474.034.361.031	647.641.022.448
5.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	(51.912.100.550)	(28.771.621.437)	23.140.479.113	-	56.417.333.134	27.645.711.697
Tổng cộng	3.060.536.162.497	4.304.143.039.139	2.593.079.524.215	(1.349.472.647.573)	576.856.271.581	4.440.354.531.385

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 169 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Thành lập và niêm yết


Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 4 năm 2003 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 4 năm 2003. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 13/GPĐC-UBCK được cấp ngày 16 tháng 3 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 27/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 4 năm 2009.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

 Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5 và 6, Tòa nhà AB Tower, Số 76 Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

 Email: info@hsc.com.vn

 Điện thoại: (+84 28) 3823 3299

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất ngày 23 tháng 6 năm 2020.

Quy mô vốn	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("ngày báo cáo") VND
Vốn điều lệ của Công ty	3.058.822.630.000
Tổng vốn chủ sở hữu	4.440.354.531.385
Tổng tài sản	12.488.827.553.087

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Là một công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty hoạt động với mục tiêu đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

Cấu trúc của Công ty và lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 4 chi nhánh và phòng giao dịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2020, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 23% so với năm 2019. Trong đó:

- Doanh thu môi giới chứng khoán tăng 29% chủ yếu do giá trị giao dịch cổ phiếu toàn thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2020 tăng hơn 59%;
- Thu nhập tự doanh (bao gồm lãi bán chứng khoán, tiền lãi và cổ tức nhận được, và kết quả thuần từ đánh giá lại tài sản tài chính cuối năm) tăng 79% chủ yếu do tình hình thị trường tích cực cho việc đầu tư. Bên cạnh đó, Công ty có thêm mảng đầu tư trái phiếu doanh nghiệp từ cuối năm 2019 nên phần thu nhập lãi trái phiếu đóng góp thêm vào thu nhập tự doanh trong năm 2020;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính giảm 30% so với năm 2019 do Công ty không có nhiều thương vụ hoàn tất trong năm 2020;
- Chi phí hoạt động, loại trừ lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL và chi phí lãi vay, tăng 18% theo xu hướng tăng của doanh thu;
- Chi phí lãi vay ngân hàng tăng 33% so với năm 2019 do Công ty huy động thêm vốn trong năm 2020 để bổ sung nguồn vốn lưu động trong năm;
- Chi phí quản lý tăng 16% so với năm 2019 do gia tăng số lượng nhân sự tại các bộ phận hỗ trợ phù hợp với sự phát triển Công ty.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210/2014/TT-BTC"), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334/2016/TT-BTC"), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 ("Công văn 6190/BTC-CĐKT") và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 ("Thông tư 23/2018/TT-BTC") do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") và tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.2).
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.3).

Hệ thống và hình thức số kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch chứng khoán, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá giao dịch, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân viên và các chi phí kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu) và/hoặc thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo, ngoại trừ các khoản vay và nợ phải trả mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản tài chính

Phân loại và đo lường

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác

định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, một tài sản tài chính được xác định là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các

khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được.
- Ngày đáo hạn là cố định.
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ ("FVTPL").
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán ("AFS").
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
 - Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
 - Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm báo cáo, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán

Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.

- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về ghi nhận doanh thu.

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có), khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

Phân loại lại

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài

chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2017 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán ("Thông tư 87/2017/TT-BTC") và Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về quy chế tài chính của công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146/2014/TT-BTC") để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM")

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Cổ phiếu khác

Các cổ phiếu khác được đánh giá lại dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết (giá sạch)

trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

Chứng chỉ quỹ mở/quỹ Exchange Traded Fund ("ETF")

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày định giá.

Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là

tài sản trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng suy giảm giá trị.

Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CĐKT, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu "Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL".

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu "Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định".

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu "Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán".

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính, ở chỉ tiêu "Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư" và "Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD".

Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 - 4 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ công việc kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là TSCĐ theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến bốn mươi (40) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

Nợ phải trả

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Nợ vay;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho

Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn trong Thông tư 23/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, số tiền thu được hạch toán tăng phải trả chứng quyền.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Khi Công ty mua lại chứng quyền đã phát hành trong vai trò tạo lập thị trường, hoặc khi chứng quyền bị hủy niêm yết và Công ty phải thu hồi, chênh lệch dương (hoặc âm) giữa giá mua lại và giá trị ghi sổ của chứng quyền được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí trong năm phát sinh. Tiền bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư và tiền phạt trả chậm tiền cho nhà đầu tư được ghi nhận vào chi phí khác.

Cuối năm, chứng quyền có bảo đảm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch tăng (hoặc giảm) đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi (hoặc lỗ) tại ngày đáo hạn chứng quyền được hạch toán vào lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

Số lượng chứng quyền được phép phát hành, số lượng đã phát hành và mua lại được hạch toán và theo dõi trong tài khoản ngoại bảng. Số lượng chứng quyền tại ngày báo cáo được trình bày trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền được theo dõi trong tài khoản riêng và được đánh giá lại cuối năm. Kết quả đánh giá lại được hạch toán tương tự như tài sản tài chính FVTPL.

Giao dịch tự doanh chứng quyền

Khi Công ty mua các chứng quyền của tổ chức khác phát hành để đầu tư thì Công ty hạch toán tương tự với tài sản tài chính FVTPL.

Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại

0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch bán mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí trong năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối

mỗi ngày báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày báo cáo.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của chính Công ty.

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cho mỗi quý vào mỗi năm Công ty có lợi nhuận cho đến khi mỗi quý này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và

của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kể đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của kỳ báo cáo là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ báo cáo là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức giữa kỳ phù hợp với Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn tài chính, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán

Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán được ghi nhận theo thời hạn của hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

Chi phí

Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí khác.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn

hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc hình thành tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty.

Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động kinh doanh tại các nước mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm báo cáo. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào giao dịch chứng khoán và cung cấp dịch vụ (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc giao dịch chứng khoán và cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CDKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Tiền mặt tại quỹ	320.240.493	282.536.566
Tiền gửi ngân hàng	61.440.624.254	837.260.689.806
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (*)	145.100.000.000	69.000.000.000
Tổng cộng	206.860.864.747	906.543.226.372

(*) Đây là tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành. Tiền gửi này được phong tỏa trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết theo quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2016.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ ("FVTPL")

Mã chứng khoán	Tại ngày 31.12.2020		Tại ngày 31.12.2019		
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.094.278.046.749	1.109.899.032.848	360.948.994.027	321.227.493.648	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	119.310.637.205	125.368.053.450	2.345.112.669	2.372.325.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	102.194.797.438	111.300.903.000	17.845.690.449	17.462.136.600
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	87.541.184.324	86.846.368.400	3.996.792.268	3.909.973.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup	VIC	78.786.826.736	80.225.972.000	3.195.480.736	3.196.080.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	74.221.141.403	76.570.065.000	21.988.881.980	20.336.680.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	MBB	49.322.643.032	49.897.281.000	170.048.570.935	154.448.944.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	45.468.463.360	46.400.487.200	67.247.958.612	63.776.388.000
Cổ phiếu khác		537.432.353.251	533.289.902.798	74.280.506.378	55.724.967.048
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch		9.849.000.000	334.084.000	19.009.000.000	4.833.498.000
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền		932.259.927.594	1.004.072.574.000	74.115.366.734	73.306.695.400
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	194.995.190.750	217.894.525.800	-	-
Công ty Cổ phần FPT	FPT	91.678.991.563	95.489.170.200	19.752.343.224	20.188.124.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	87.701.560.282	90.247.478.000	22.618.399.146	22.761.240.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	79.986.737.804	87.016.800.000	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	76.509.154.400	94.767.120.000	-	-

Mã chứng khoán	Tại ngày 31.12.2020		Tại ngày 31.12.2019		
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	71.317.148.712	74.990.260.000	-	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	71.300.636.822	70.752.640.000	6.267.307.012	5.968.295.000
Cổ phiếu khác		258.770.507.261	272.914.580.000	25.477.317.352	24.389.036.400
Trái phiếu niêm yết		913.742.600.000	932.804.513.518	500.989.500.000	505.470.280.219
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID11908	499.747.900.000	503.636.349.414	499.989.500.000	504.470.280.219
Ngân hàng Chính sách Xã hội	BVBS18164	1.000.000.000	1.019.041.096	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (*)	VJC11912	412.994.700.000	428.149.123.008	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết		-	-	386.124.240.000	401.164.979.441
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (*)	BVJC201901	-	-	386.124.240.000	401.164.979.441
Chứng chỉ quỹ ETF		13.788.161.044	14.114.395.757	149.232.571	151.437.600
Quỹ ETF VFMVN30	E1VFN30	10.527.910.282	10.824.248.480	149.232.571	151.437.600
Quỹ VFMDIAMOND ETF	FUEVFN30	2.229.905.678	2.259.802.193	-	-
Quỹ MAFMVN30 ETF	FUEMAV30	1.030.345.084	1.030.345.084	-	-
Tổng cộng		2.963.917.735.387	3.061.224.600.123	1.341.336.333.332	1.306.154.384.308

(*) Trái phiếu của Công ty Cổ phần hàng không Vietjet được chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 2 tháng 11 năm 2020.

Thông tin chi tiết trái phiếu như sau:

	Tài sản đảm bảo	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Mệnh giá/ trái phiếu VND
Trái phiếu niêm yết					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BID11908	Không	21.11.2019	21.11.2026	(*)	100.000
Ngân hàng Chính sách Xã hội - BVBS18164	Không	14.08.2018	14.08.2023	5%	100.000
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet - VJC11912	Không	26.07.2019	26.07.2022	(**)	100.000

(*) Lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 1,3%/năm. Lãi suất được xác định lại định kỳ 6 tháng/lần. Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng sau đây: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") – Sở Giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Khu vực Hà Nội.

Nếu tổ chức phát hành không thực hiện mua lại trái phiếu vào ngày thực hiện quyền mua lại, lãi suất trái phiếu áp dụng cho các kỳ tính lãi trong năm thứ 6 và thứ 7 kể từ ngày phát hành sẽ bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,55%/năm.

(**) Lãi suất đối với hai (02) kỳ tính lãi đầu tiên là 9,0%/năm. Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi tiếp theo là tổng của 3,0%/năm và lãi suất tham chiếu. Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng Đồng Việt Nam được công bố vào ngày xác định lãi suất bởi bốn (04) ngân hàng sau đây: BIDV, Vietinbank, Vietcombank và Agribank.

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.094.278.046.749	33.832.036.432	(18.211.050.333)	1.109.899.032.848
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	9.849.000.000	-	(9.514.916.000)	334.084.000
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	932.259.927.594	72.360.643.228	(547.996.822)	1.004.072.574.000
Trái phiếu niêm yết	913.742.600.000	19.061.913.518	-	932.804.513.518
Chứng chỉ quỹ ETF	13.788.161.044	326.234.713	-	14.114.395.757
Tổng cộng	2.963.917.735.387	125.580.827.891	(28.273.963.155)	3.061.224.600.123

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	360.948.994.027	727.671.953	(40.449.172.332)	321.227.493.648
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	19.009.000.000	-	(14.175.502.000)	4.833.498.000
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	74.115.366.734	579.246.630	(1.387.917.964)	73.306.695.400
Trái phiếu niêm yết	500.989.500.000	4.480.780.219	-	505.470.280.219
Trái phiếu chưa niêm yết	386.124.240.000	15.040.739.441	-	401.164.979.441
Chứng chỉ quỹ ETF	149.232.571	2.205.029	-	151.437.600
Tổng cộng	1.341.336.333.332	20.830.643.272	(56.012.592.296)	1.306.154.384.308

Các khoản cho vay

	Tại ngày 31.12.2020		Tại ngày 31.12.2019	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Cho vay giao dịch chứng khoán (*)	8.623.841.531.603	37.783.317.946	4.734.496.649.940	37.783.317.946

(*) Số dư thể hiện các khoản của hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Trong đó, chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 33.527.912.173.430 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 11.945.957.954.288 Đồng).

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay và các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi			Dự phòng		
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND	Tại ngày đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày cuối năm VND
Phải thu cho vay ký quỹ quá hạn (*)	37.783.317.946	37.783.317.946	37.783.317.946	-	-	37.783.317.946
Phải thu phí dịch vụ tư vấn tài chính	1.145.650.000	1.145.650.000	1.145.650.000	-	-	1.145.650.000
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán khác	654.824.202	654.824.202	654.824.202	-	-	654.824.202
Tổng cộng	39.583.792.148	39.583.792.148	39.583.792.148	-	-	39.583.792.148

(*) Đây là số dư còn lại của các hợp đồng giao dịch ký quỹ đã quá hạn và xử lý hết tài sản đảm bảo từ tháng 2 năm 2017. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2020		Tại ngày 31.12.2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
Phải thu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	169.299.572.920	-	-	-
Phải thu tiền mua chứng khoán (*)	17.000.000.000	-	313.839.645.938	-
Phải thu phí dịch vụ tư vấn tài chính	1.222.650.000	1.145.650.000	1.292.650.000	1.145.650.000
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán khác	5.701.298.867	-	2.994.227.613	-
	193.223.521.787	1.145.650.000	318.126.523.551	1.145.650.000
Các khoản phải thu khác				
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	63.402.331.232	-	40.903.315.045	-
Phải thu khác	1.456.458.098	654.824.202	2.601.832.215	654.824.202
	64.858.789.330	654.824.202	43.505.147.260	654.824.202
Tổng cộng	258.082.311.117	1.800.474.202	361.631.670.811	1.800.474.202

(*) Đây là các khoản phải thu tiền mua chứng khoán từ các khách hàng tổ chức. Tổng giá trị đảm bảo hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 17.000.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 322.040.000.000 Đồng).

Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1.1.2020	4.009.883.640	82.278.913.729	86.288.797.369
Mua trong năm	1.356.240.000	7.179.405.300	8.535.645.300
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.7(c))	-	10.708.446.620	10.708.446.620
Thanh lý	(955.900.000)	-	(955.900.000)
Tại ngày 31.12.2020	4.410.223.640	100.166.765.649	104.576.989.289
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1.1.2020	2.977.607.065	59.091.024.768	62.068.631.833
Khấu hao trong năm	373.751.944	15.819.970.012	16.193.721.956
Thanh lý	(557.608.333)	-	(557.608.333)
Tại ngày 31.12.2020	2.793.750.676	74.910.994.780	77.704.745.456
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1.1.2020	1.032.276.575	23.187.888.961	24.220.165.536
Tại ngày 31.12.2020	1.616.472.964	25.255.770.869	26.872.243.833

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 53.927.983.726 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 38.231.696.706 Đồng).

Công ty không có TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TSCĐ vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2020	69.590.128.018
Mua trong năm	2.605.039.601
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.7(c))	11.475.759.391
Tại ngày 31.12.2020	83.670.927.010
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2020	51.920.863.726
Khấu hao trong năm	11.743.650.934
Tại ngày 31.12.2020	63.664.514.660
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2020	17.669.264.292
Tại ngày 31.12.2020	20.006.412.350

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 38.728.471.028 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 29.835.153.028 Đồng).

Công ty không có TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Mua phần mềm giao dịch	342.334.073	13.597.128.282

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Số dư đầu năm	13.597.128.282	4.447.220.550
Tăng trong năm	12.004.445.925	16.918.536.897
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 3.7(a))	(10.708.446.620)	(4.835.153.510)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 3.7(b))	(11.475.759.391)	(2.933.475.655)
Chuyển sang chi phí trả trước	(3.075.034.123)	-
Số dư cuối năm	342.334.073	13.597.128.282

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Chi phí công nghệ thông tin	6.347.644.735	4.880.053.421
Chi phí thuê văn phòng	1.635.095.768	2.154.581.284
Chi phí khác	720.082.427	1.430.141.006
Tổng cộng	8.702.822.930	8.464.775.711

Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Chi phí thuê trụ sở văn phòng	84.037.985.137	86.870.726.211
Chi phí cải tạo văn phòng	9.390.231.427	6.674.971.837
Chi phí tư vấn	474.504.000	5.090.746.989
Chi phí công nghệ thông tin	111.342.309	2.319.039.745
Tổng cộng	94.014.062.873	100.955.484.782

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

Tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh

Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

Các khoản vay

Biến động các khoản vay trong năm như sau:

	Lãi suất %/năm	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng trong nước	4,0 – 7,8	1.219.000.000.000	24.161.000.000.000	(19.983.200.000.000)	5.396.800.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài (*),(**)	LIBOR+2	1.159.975.000.000	1.158.830.000.000	(1.159.975.000.000)	1.158.830.000.000
Vay thấu chi ngân hàng	5,6 – 7,5	14.752.235.255	12.290.643.840.008	(12.144.455.014.183)	160.941.061.080
Tổng cộng		2.393.727.235.255	37.610.473.840.008	(33.287.630.014.183)	6.716.571.061.080

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn từ 1 tháng đến 364 ngày nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

(* Lãi suất vay được thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biên 2%/năm. Lãi suất tham chiếu là lãi suất vay liên ngân hàng London ("LIBOR") áp dụng cho đồng Đô la Mỹ ("USD") cùng kỳ hạn được niêm yết vào 10:00 sáng (giờ London) ngày tính lãi. Trường hợp không có lãi suất LIBOR áp dụng cho USD cùng kỳ hạn khoản vay, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất LIBOR áp dụng cho USD quy đổi về cùng kỳ hạn khoản vay cùng thời điểm nêu trên ("lãi suất quy đổi"). Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.

(**) Các khoản vay nước ngoài có nguyên tệ là đồng Đô la Mỹ. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá 50% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền với các ngân hàng thương mại trong nước. Kỳ hạn hoán đổi tương đương kỳ hạn của khoản vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản vay nào từ các bên liên quan.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản vay nào bị quá hạn thanh toán.

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Phải trả hoạt động giao dịch trái phiếu	422.227.641.347	-
Phải trả chứng quyền có bảo đảm (Thuyết minh 5.2)	311.922.070.959	14.266.498.303
Phải trả nhà đầu tư tiền mua cổ phiếu	174.815.723.707	455.507.692.520
Phải trả cho các sở giao dịch chứng khoán và VSD	16.794.928.434	6.478.153.144
Phải trả VSD tiền lỗ vị thế giao dịch phái sinh	8.555.000.000	-
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với các sở giao dịch chứng khoán	-	7.714.529.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	980.730.466	3.837.874.466
Tổng cộng	935.296.094.913	487.804.747.433

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày
	1.1.2020 VND	trong năm VND	trong năm VND	31.12.2020 VND
Thuế TNDN	23.826.556.430	130.933.357.560	(119.377.759.690)	35.382.154.300
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	7.674.988.622	132.903.672.154	(119.308.233.603)	21.270.427.173
Thuế TNDN nộp hộ DN nước ngoài	3.366.021.036	51.016.501.717	(49.552.219.665)	4.830.303.088
Thuế TNCN nộp hộ nhân viên	2.254.066.042	41.919.640.986	(39.925.416.658)	4.248.290.370
Thuế nhà thầu	643.345.304	9.419.080.774	(8.828.721.866)	1.233.704.212
Thuế giá trị gia tăng	172.364.611	4.205.495.743	(4.329.109.574)	48.750.780
Thuế môn bài	-	10.000.000	(10.000.000)	-
Tổng cộng	37.937.342.045	370.407.748.934	(341.331.461.056)	67.013.629.923

Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Phụ cấp hoàn thành công việc	50.000.000.000	35.000.000.000
Chi phí lãi vay	22.032.166.627	12.947.945.342
Chi phí phải trả khác	11.744.363.077	8.750.384.920
Tổng cộng	83.776.529.704	56.698.330.262

Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Cổ tức phải trả cho các cổ đông của Công ty	155.942.531.017	155.070.718.509
Cổ tức các năm trước (*)	3.421.608.517	2.316.782.009
Cổ tức đợt 1 năm 2019	-	152.753.936.500
Cổ tức đợt 1 năm 2020	152.520.922.500	-
Các khoản phát triển kinh doanh phải trả	31.088.313.897	6.062.313.897
Tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	6.364.500.000	9.460.360.000
Cổ tức trả hộ	3.413.307.130	2.864.711.582
Quý hoạt động của Hội đồng Quản trị	1.870.087.893	3.274.017.325
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.242.281.495	8.111.085.656
Tổng cộng	209.921.021.432	184.843.206.969

(*) Do một số cổ đông chưa đến nhận nên các khoản này chưa được Công ty thanh toán.

Ngoài các khoản (*) ra, Công ty không có khoản phải trả nào khác đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	-	280.383.984
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	1.360.000.000	-
	1.360.000.000	280.383.984

Biến động của tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Số dư đầu năm	280.383.984	1.558.791.879
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động	1.079.616.016	(1.278.407.895)
Số dư cuối năm	1.360.000.000	280.383.984

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ quá hạn	-	1.401.919.920
Dự phòng trợ cấp thôi việc	6.800.000.000	-
	6.800.000.000	1.401.919.920
Tính ở thuế suất 20%		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.360.000.000	280.383.984

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Vốn góp của chủ sở hữu

Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày	
	31.12.2020	31.12.2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký	305.882.263	305.882.263
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	305.882.263	305.882.263
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(840.418)	(366.090)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	305.041.845	305.516.173

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	129.554.168
Cổ phiếu phát hành thêm trong năm	176.125.505
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(163.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	305.516.173
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(474.328)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	305.041.845

Lợi nhuận chưa phân phối

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	647.641.022.448	614.251.440.752
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	27.645.711.697	(28.771.621.437)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	675.286.734.145	585.479.819.315

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31.12.2019 VND	Thu nhập trong năm VND	Cổ tức đã công bố trong năm VND	Trích lập các quý VND	Khác (*) VND	Số dư tại ngày 31.12.2020 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	614.251.440.752	474.034.361.031	(366.050.214.000)	(74.673.415.335)	78.850.000	647.641.022.448
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(28.771.621.437)	56.417.333.134	-	-	-	27.645.711.697
Lợi nhuận chưa phân phối	585.479.819.315	530.451.694.165	(366.050.214.000)	(74.673.415.335)	78.850.000	675.286.734.145

(*) Thu hồi cổ tức của cổ phiếu phát hành trong chương trình ESOP được mua lại.

THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày	
	31.12.2020	31.12.2019
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành dưới 1 năm (cổ phiếu)	-	176.125.505
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	305.041.845	129.390.668
Tổng cộng	305.041.845	305.516.173

THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tại ngày 31.12.2020			
				Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
CFPT2008	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(2.000.000)	1.474.530	1.525.470
CHPG2016	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(4.000.000)	564.950	435.050
CMBB2007	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(2.000.000)	972.740	2.027.260
CMSN2006	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(4.000.000)	300.140	699.860
CMWG2010	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	-	818.300	4.181.700
CPNJ2006	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(2.000.000)	253.220	2.746.780
CREE2005	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(3.500.000)	45.850	1.454.150
CTCB2007	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	-	1.414.060	3.585.940
CVHM2005	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	-	2.262.840	2.737.160
CVNM2008	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(2.000.000)	2.772.170	227.830
CVPB2008	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(3.500.000)	277.080	1.222.920
CVRE2008	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	-	3.988.140	1.011.860
CFPT2011	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.245.210	754.790
CHPG2021	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.989.040	10.960
CMBB2009	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBE)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	3.504.090	1.495.910
CMSN2011	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	(4.000.000)	558.890	441.110
CPNJ2009	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.756.420	243.580

Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành (tiếp theo)

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tại ngày 31.12.2020			
				Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
CSTB2012	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (STB)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	2.663.850	2.336.150
CTCB2010	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.732.010	267.990
CVHM2009	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.168.860	831.140
CVIC2006	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup (VIC)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.407.750	592.250
CVNM2013	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.999.600	400
CVPB2012	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	2.744.110	2.255.890
CVRE2012	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.998.420	1.580
CFPT2012	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	01.10.2020	04.05.2021	5.000.000	-	3.651.260	1.348.740
CHPG2022	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	01.10.2020	04.05.2021	5.000.000	-	4.999.300	700
CVHM2010	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	01.10.2020	04.05.2021	5.000.000	-	3.636.680	1.363.320
CVPB2011	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	01.10.2020	04.05.2021	5.000.000	-	2.728.400	2.271.600
CMWG2015	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	10.11.2020	10.05.2021	5.000.000	-	4.447.290	552.710
CREE2006	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	10.11.2020	10.05.2021	5.000.000	-	954.920	4.045.080
CMWG2016	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	10.11.2020	10.06.2021	5.000.000	-	4.568.890	431.110
				155.000.000	(27.000.000)	86.899.010	41.100.990

THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành (tiếp theo)

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tại ngày 31.12.2020	
				Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền đã lưu hành
CFPT1906	CTCP FPT (FPT)	08.10.2019	08.04.2020	5.000.000	2.580.050
CMBB1905	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	08.10.2019	08.04.2020	5.000.000	4.781.620
CMWG1907	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	08.10.2019	08.04.2020	5.000.000	5.000.000
CVNM1904	CTCP Sữa Việt Nam (VNM)	08.10.2019	08.04.2020	5.000.000	1.473.760
CVRE1902	CTCP Vincom Retail (VRE)	08.10.2019	08.04.2020	5.000.000	1.029.570
CVNM2001	CTCP Sữa Việt Nam (VNM)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	10.000
CREE2001	CTCP Cơ điện lạnh (REE)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	20.000
CVPB2001	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-
CTCB2001	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-
CMWG2001	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-
CMBB2001	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-
CGMD2001	CTCP Gemadept (GMD)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-
CFPT2001	CTCP FPT (FPT)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-
CVRE2002	CTCP Vincom Retail (VRE)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-
CHPG2001	CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	30.12.2019	30.06.2020	5.000.000	-
				75.000.000	14.895.000
					60.105.000

Hợp đồng tương lai

Vị thế bán đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Tại ngày 31.12.2020		Tại ngày 31.12.2019	
			Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày
VN30F2101	20/11/2020	21/01/2021	8.496	1.083.900	-	-
VN30F2001	22/11/2019	16/01/2020	-	-	434	876.300
						38.031.420.000
						38.031.420.000

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và mua lại/đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	719.339.277.788	374.478.101.972
Trong đó:		
Lãi bán chứng khoán cơ sở	320.839.984.672	105.000.564.332
Lãi bán chứng khoán phái sinh	360.635.618.000	257.769.953.000
Lãi khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành	18.919.632.186	7.075.212.520
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành	18.944.042.930	4.632.372.120
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(614.662.557.597)	(300.506.423.395)
Trong đó:		
Lỗ bán chứng khoán cơ sở	(205.989.412.953)	(149.995.875.538)
Lỗ bán chứng khoán phái sinh	(328.131.683.000)	(146.448.756.000)
Lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành	(79.327.729.458)	(4.061.791.857)
Lỗ khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành	(1.213.732.186)	-
Lãi ròng	104.676.720.191	73.971.678.577

Chi tiết theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	(Lỗ)/lãi bán năm nay VND	Lãi bán năm trước VND
Cổ phiếu	381.875.168	13.316.040.221.143	(13.231.100.767.615)	84.939.453.528	(30.899.255.667)
Trái phiếu	17.036.320	1.749.026.394.773	(1.732.950.759.846)	16.075.634.927	985.953.811
Chứng chỉ quỹ ETF	336.905.070	4.559.005.643.829	(4.544.861.836.472)	14.143.807.357	(14.290.818.902)
Chứng quyền có bảo đảm do tổ chức khác phát hành	730.530	1.612.391.210	(1.920.715.303)	(308.324.093)	(791.190.448)
(Lỗ)/lãi bán chứng khoán cơ sở	736.547.088	19.625.684.650.955	(19.510.834.079.236)	114.850.571.719	(44.995.311.206)
Lãi ròng vị thế từ nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai				32.503.935.000	111.321.197.000
Lãi ròng khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				(60.408.097.272)	3.013.420.663
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				17.730.310.744	4.632.372.120
Tổng cộng				104.676.720.191	73.971.678.577

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	104.750.184.619	16.213.187.476
Giảm chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.738.629.141	516.964.050
Tổng cộng	132.488.813.760	16.730.151.526

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2020 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2019 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.094.278.046.749	1.109.899.032.848	15.620.986.099	(39.721.500.379)	55.342.486.478
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	9.849.000.000	334.084.000	(9.514.916.000)	(14.175.502.000)	4.660.586.000
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	932.259.927.594	1.004.072.574.000	71.812.646.406	(808.671.334)	72.621.317.740
Trái phiếu niêm yết	913.742.600.000	932.804.513.518	19.061.913.518	4.480.780.219	14.581.133.299
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	15.040.739.441	(15.040.739.441)
Chứng chỉ quỹ ETF	13.788.161.044	14.114.395.757	326.234.713	2.205.029	324.029.684
Tổng cộng	2.963.917.735.387	3.061.224.600.123	97.306.864.736	(35.181.949.024)	132.488.813.760

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
(Tăng)/giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành do đánh giá lại	(5.212.237.426)	6.410.987.587
Tăng phải trả chứng quyền đang lưu hành do đánh giá lại	(70.859.243.200)	(660.000)
Tổng cộng	(76.071.480.626)	6.410.327.587

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2020 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2019 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Chứng quyền có bảo đảm	242.260.917.920	311.922.070.959	(69.661.153.039)	6.410.327.587	(76.071.480.626)

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Cổ tức	4.833.857.588	10.302.309.634
Tiền lãi	203.460.541.422	98.586.036.482
Tổng cộng	208.294.399.010	108.888.346.116

Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản vay

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính	-	(23.573.148.070)
Chi phí đi vay	207.049.930.074	137.256.059.537
	207.049.930.074	113.682.911.467

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính

Chi phí hoạt động trong năm bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí phân bổ, cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Chi phí hoạt động tự doanh	56.313.185.768	33.922.566.120
Chi phí nhân viên	5.366.337.260	5.055.709.055
Chi phí thuê văn phòng	16.121.782.626	11.446.025.817
Chi phí khấu hao	1.530.061.966	1.494.668.566
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	7.100.203.422	2.671.284.803
Chi phí phân bổ (*)	26.194.800.494	13.254.877.879
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	420.110.183.582	363.693.987.844
Chi phí nhân viên	159.644.766.034	143.319.316.864
Chi phí giao dịch	133.567.817.357	100.791.078.077
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	51.297.651.575	56.124.913.849
Chi phí thuê văn phòng	28.212.408.977	34.237.663.501
Chi phí khấu hao	12.083.692.467	9.758.357.479
Chi phí phân bổ (*)	35.303.847.172	19.462.658.074
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	7.961.207.512	8.178.428.770
Chi phí lưu ký	7.961.207.512	8.178.428.770
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	20.203.733.179	21.241.240.366
Chi phí nhân viên	12.558.611.678	12.971.146.173
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	7.002.439.886	7.742.121.188
Khác	642.681.615	527.973.005
Chi phí các dịch vụ khác	3.594.143.138	3.431.286.574
Chi phí nhân viên	2.753.395.799	3.075.455.193
Khác	840.747.339	355.831.381
	508.182.453.179	430.467.509.674

(*) Chi phí phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài của các bộ phận hỗ trợ liên quan và được phân bổ theo doanh thu của từng hoạt động.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Chi phí nhân viên	140.843.142.916	110.653.787.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.680.891.089	32.497.259.578
Khấu hao tài sản cố định	12.483.791.976	12.501.438.521
Chi phí thuê văn phòng	15.663.078.668	10.709.912.296
Chi phí quản lý khác	11.615.693.828	20.437.069.126
Tổng cộng	216.286.598.477	186.799.467.128

Chi phí thuế TNDN

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	660.305.435.709	531.405.779.182
Thuế tính ở thuế suất 20%	132.061.087.142	106.281.155.836
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(966.771.518)	(7.689.671.031)
Chi phí không được khấu trừ	239.053.018	249.376.000
Hoàn nhập dự phòng cổ phiếu OTC của các năm trước	(1.479.627.098)	-
Chi phí thuế TNDN (*)	129.853.741.544	98.840.860.805
Thuế TNDN ghi nhận trong năm:		
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	130.933.357.560	97.562.452.910
(Hoàn nhập)/chi phí thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 3.16)	(1.079.616.016)	1.278.407.895
Tổng cộng	129.853.741.544	98.840.860.805

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm báo cáo được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế TNDN cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020	31.12.2019 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	530.451.694.165	432.564.918.377
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(15.139.772.143)
	530.451.694.165	417.425.146.234
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	305.197.408	235.813.044
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.738	1.770

(*) Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính, do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm này, lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay chưa được điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm.

(**) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được tính lại sau khi điều chỉnh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 6 năm 2020, như sau:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	Số liệu tính lại sau khi điều chỉnh số lượng cổ phiếu	Điều chỉnh tác động của khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số liệu tính lại nếu có trừ khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	432.564.918.377	(15.139.772.143)	417.425.146.234
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	235.813.044	-	235.813.044
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.834		1.770

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020	31.12.2019
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả (Thuyết minh 7.1) (*)	152.520.922.500	152.753.936.500
Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu từ:	-	897.686.640.000
Trong đó:		
Thặng dư vốn cổ phần	-	330.426.798.499
Lợi nhuận chưa phân phối	-	533.338.591.501
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	34.004.250.000

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 8 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã quyết định chi trả cổ tức đợt 1 năm 2020 cho cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 30 tháng 12 năm 2020. Ngày thanh toán là ngày 20 tháng 1 năm 2021.

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu ("VCSH")

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2020	3.058.822.630.000	358.946.064.000	(5.836.857.008)	151.385.003.919	151.385.003.919	3.961.374.994	585.479.819.315	4.304.143.039.139
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	530.451.694.165	530.451.694.165
Cổ tức đợt 2 năm 2019 (i)	-	-	-	-	-	-	(213.529.291.500)	(213.529.291.500)
Cổ tức đợt 1 năm 2020 (ii)	-	-	-	-	-	-	(152.520.922.500)	(152.520.922.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(15.139.772.143)	(15.139.772.143)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (i)	-	-	-	-	-	-	(6.488.473.776)	(6.488.473.776)
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 2.23)	-	-	-	26.522.584.708	26.522.584.708	-	(53.045.169.416)	-
Thu hồi cổ tức của cổ phiếu phát hành trong chương trình ESOP được mua lại	-	-	-	-	-	-	78.850.000	78.850.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(6.640.592.000)	-	-	-	-	(6.640.592.000)
Tại ngày 31.12.2020	3.058.822.630.000	358.946.064.000	(12.477.449.008)	177.907.588.627	177.907.588.627	3.961.374.994	675.286.734.145	4.440.354.531.385
Tại ngày 1.1.2019	1.297.567.580.000	330.343.798.499	(2.893.857.008)	129.756.758.000	129.756.758.000	3.961.374.994	1.172.043.750.012	3.060.536.162.497
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	432.564.918.377	432.564.918.377
Cổ tức đợt 2 năm 2018 (iii)	-	-	-	-	-	-	(245.873.619.200)	(245.873.619.200)
Cổ tức đợt 1 năm 2019 (iv)	-	-	-	-	-	-	(152.753.936.500)	(152.753.936.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	-	-	-	(33.774.007.719)	(33.774.007.719)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (iii)	-	-	-	-	-	-	(10.132.202.316)	(10.132.202.316)
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 2.23)	-	-	-	21.628.245.919	21.628.245.919	-	(43.256.491.838)	-
Tăng vốn từ VCSH (v)	863.682.390.000	(330.343.798.499)	-	-	-	-	(533.338.591.501)	-
Phát hành ESOP 2018 (vi)	64.770.000.000	25.908.000.000	-	-	-	-	-	90.678.000.000
Phát hành cổ phiếu (vii)	832.802.660.000	333.121.064.000	-	-	-	-	-	1.165.923.724.000
Chi phí phát hành	-	(83.000.000)	-	-	-	-	-	(83.000.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.943.000.000)	-	-	-	-	(2.943.000.000)
Tại ngày 31.12.2019	3.058.822.630.000	358.946.064.000	(5.836.857.008)	151.385.003.919	151.385.003.919	3.961.374.994	585.479.819.315	4.304.143.039.139

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 6 năm 2020:
- Mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2019 là 7% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 700 Đồng/cổ phiếu;
 - Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2019;
 - Mức trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 1,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2019;
 - Mức chia cổ tức của năm 2020 theo kế hoạch là khoảng 12% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 1.200 Đồng/cổ phiếu.
- (ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 8 tháng 12 năm 2020, mức chia cổ tức đợt 1 của năm 2020 là 5% vốn điều lệ 3.058.822.630.000 Đồng, tương đương 500 Đồng/cổ phiếu. Cổ tức đợt 1 năm 2020 được chi trả bằng tiền dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 20 tháng 12 năm 2020 vào ngày thanh toán dự kiến là ngày 20 tháng 1 năm 2021 (Thuyết minh 6.1).
- (iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2019:
- Mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2018 là 19% trên vốn điều lệ 1.297.567.580.000 Đồng, tương đương 1.900 Đồng/cổ phiếu;
 - Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2018;
 - Mức trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị là 1,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2018;
 - Mức chia cổ tức của năm 2019 theo kế hoạch là khoảng 15% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 1.500 Đồng/cổ phiếu.
- (iv) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 11 năm 2019, mức chia cổ tức đợt 1 của năm 2019 là 5% vốn điều lệ 3.058.822.630.000 Đồng, tương đương 500 Đồng/cổ phiếu. Cổ tức đợt 1 năm 2019 được chi trả bằng tiền dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 20 tháng 12 năm 2019 vào ngày thanh toán dự kiến là ngày 10 tháng 1 năm 2020 (Thuyết minh 6.1).
- (v) Nghị quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3 : 2 (cổ đông sở hữu 3 cổ phiếu được nhận 2 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu được nhận được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ phiếu lẻ thập phân được hủy bỏ. Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 86.368.239 cổ phiếu theo danh sách cổ đông chốt ngày 21 tháng 2 năm 2019.
- (vi) Theo Nghị quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động trong Công ty, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2018 nhằm thông qua tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng, thời gian thực hiện và ban hành quy chế của chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2018). Theo đó, Công ty đã phát hành 6.477.000 cổ phần phổ thông vào ngày 6 tháng 5 năm 2019 với giá phát hành 14.000 Đồng/cổ phần. Giá trị phát hành thực tế là 90.678.000.000 Đồng, trong đó tài trợ bởi Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 34.004.250.000 Đồng và đóng góp của người lao động là 56.673.750.000 Đồng. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000

Đồng/cổ phần và giá phát hành 14.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng theo Chính sách của chương trình ESOP 2018 được Hội đồng Quản trị ban hành.

- (vii) Nghị quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với giá thực hiện là 14.000 Đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện quyền mua là 3 : 2 (cổ đông sở hữu 3 cổ phiếu được quyền mua thêm 2 cổ phiếu mới). Số lượng quyền mua được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số thập phân được hủy bỏ. Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm chỉ

được phép chuyển nhượng một lần. Hội đồng Quản trị được ủy quyền phân phối cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 83.280.266 cổ phiếu. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 14.000 Đồng/cổ phần. Ngoại trừ 25.000.000 cổ phiếu phân phối lại cho Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm (từ ngày 22 tháng 5 năm 2019 đến hết ngày 21 tháng 5 năm 2020), các cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020	31.12.2019
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	614.251.440.752	1.223.955.850.562
Lỗ chưa thực hiện cuối năm	-	(28.771.621.437)
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	474.034.361.031	409.424.439.264
Số trích lập trong năm:	(74.673.415.335)	(620.501.293.374)
Vốn góp của chủ sở hữu	-	(533.338.591.501)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(15.139.772.143)	(33.774.007.719)
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	(6.488.473.776)	(10.132.202.316)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(26.522.584.708)	(21.628.245.919)
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(26.522.584.708)	(21.628.245.919)
Lợi nhuận còn lại có thể phân phối cho cổ đông	1.013.612.386.448	984.107.375.015
Lợi nhuận đã phân phối cho cổ đông trong năm	366.050.214.000	398.627.555.700
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối	(2.102.963.350)	(2.756.753.675)
Thu nhập thuần phân phối cho cổ đông	363.947.250.650	395.870.802.025

THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 29,96% vốn điều lệ.
	Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là Giám đốc và thành viên HĐQT của Tập đoàn DC.
	Thành viên HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT kiêm Giám đốc của Tập đoàn DC.
	Thành viên HĐQT của Công ty là đại diện phần vốn của DC.
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 23,86% vốn điều lệ. Hai thành viên HĐQT của Công ty là Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của HFIC.
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan bao gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)		
Môi giới bán chứng khoán	-	153.552.000.000
Cổ tức đã trả	109.980.667.200	120.455.017.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)		
Cổ tức đã trả	105.000.000.000	115.000.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác (*)	46.576.741.357	32.097.803.791

(*) Chi tiết thù lao của các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

		Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị			
Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch	1.043.916.000	1.040.880.000
Ông Lê Anh Minh	Phó chủ tịch	866.666.667	866.666.667
Ông Phạm Nghiê m Xuân Bắc	Thành viên	266.666.667	266.666.667
Ông Lê Thăng Căn	Thành viên	400.000.000	400.000.000
Ông Johan Nyvene	Thành viên	360.000.000	360.000.000
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên	400.000.000	400.000.000
Ông Lâm Hoài Anh	Thành viên	266.666.667	266.666.667
		3.603.916.001	3.600.880.001
Thù lao Ban Kiểm soát			
Ông Võ Văn Châu	Trưởng ban	466.666.667	466.666.667
Ông Đoàn Văn Hình	Thành viên	80.000.000	80.000.000
Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	400.000.000	400.000.000
Lương của Tổng Giám đốc			
Ông Trịnh Hoài Giang (từ ngày 16/03/2020)	Tổng Giám đốc	5.132.500.000	-
Ông Johan Nyvene (đến ngày 15/03/2020)	Tổng Giám đốc	421.200.000	2.434.892.308
		5.553.700.000	2.434.892.308

Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)		
Cổ tức phải trả	45.825.278.000	45.825.278.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)		
Cổ tức phải trả	36.487.590.000	43.750.000.000
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	25.133.244	25.083.088

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận Môi giới và dịch vụ tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận kinh doanh vốn tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và đầu tư tài sản tài chính HTM.

Bộ phận tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	633.049.988.049	1.027.171.623.991	549.942.893.189	37.741.467.445	2.247.905.972.674
Chi phí	(431.665.534.232)	(714.096.357.424)	(207.049.930.074)	(20.203.733.179)	(1.373.015.554.909)
<i>Trong đó:</i>					
<i>Chi phí trực tiếp bằng tiền</i>	(379.919.796.410)	(645.871.201.480)	(207.049.930.074)	(20.121.379.845)	(1.252.962.307.809)
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ</i>	-	(43.120.614.059)	-	-	(43.120.614.059)
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	(12.083.692.467)	(1.530.061.966)	-	(82.353.334)	(13.696.107.767)
<i>Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn</i>	(39.662.045.355)	(23.574.479.919)	-	-	(63.236.525.274)
Kết quả bộ phận	201.384.453.817	313.075.266.567	342.892.963.115	17.537.734.266	874.890.417.765
Thu nhập tài chính thuần					1.610.698.997
Thu nhập khác					90.917.424
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(216.286.598.477)
Kết quả hoạt động trước thuế					660.305.435.709

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	492.270.104.711	505.990.623.151	508.242.445.291	53.627.870.462	1.560.131.043.615
Chi phí	(375.303.703.188)	(333.912.685.465)	(113.682.911.467)	(21.241.240.366)	(844.140.540.486)
<i>Trong đó:</i>					
<i>Chi phí trực tiếp bằng tiền</i>	(326.726.067.531)	(322.126.477.606)	(113.682.911.467)	(21.163.317.587)	(783.698.774.191)
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ</i>	-	516.304.050	-	-	516.304.050
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	(9.758.357.479)	(1.494.668.566)	-	(77.922.779)	(11.330.948.824)
<i>Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn</i>	(38.819.278.178)	(10.807.843.343)	-	-	(49.627.121.521)
Kết quả bộ phận	116.966.401.523	172.077.937.686	394.559.533.824	32.386.630.096	715.990.503.129
Thu nhập tài chính thuần					2.119.729.545
Thu nhập khác					95.013.636
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(186.799.467.128)
Kết quả hoạt động trước thuế					531.405.779.182

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020					
	Mối giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	330.925.036.669	3.241.659.928.389	8.860.312.830.607	2.945.599.248	-	12.435.843.394.913
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	52.984.158.174	52.984.158.174
Tổng tài sản	330.925.036.669	3.241.659.928.389	8.860.312.830.607	2.945.599.248	52.984.158.174	12.488.827.553.087
Nợ phải trả bộ phận	(941.731.165.549)	-	(6.738.603.227.707)	-	-	(7.680.334.393.256)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(368.138.628.446)	(368.138.628.446)
Tổng nợ phải trả	(941.731.165.549)	-	(6.738.603.227.707)	-	(368.138.628.446)	(8.048.473.021.702)
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm 2020	20.742.310.345	-	1.384.059.391	-	11.198.521.176	33.324.890.912
Cho tài sản bộ phận	20.742.310.345	-	1.384.059.391	-	-	22.126.369.736
Cho tài sản không phân bổ	-	-	-	-	11.198.521.176	11.198.521.176

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020					
	Mối giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	458.599.485.137	1.316.457.115.775	5.647.303.334.297	2.426.071.426	-	7.424.786.006.635
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	63.892.622.713	63.892.622.713
Tổng tài sản	458.599.485.137	1.316.457.115.775	5.647.303.334.297	2.426.071.426	63.892.622.713	7.488.678.629.348
Nợ phải trả bộ phận	(491.960.004.500)	-	(2.406.675.180.597)	-	-	(2.898.635.185.097)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(285.900.405.112)	(285.900.405.112)
Tổng nợ phải trả	(491.960.004.500)	-	(2.406.675.180.597)	-	(285.900.405.112)	(3.184.535.590.209)
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm 2019	8.700.714.965	-	-	62.480.000	10.421.596.540	19.184.791.505
Cho tài sản bộ phận	8.700.714.965	-	-	62.480.000	-	8.763.194.965
Cho tài sản không phân bổ	-	-	-	-	10.421.596.540	10.421.596.540

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 3.1)	61.440.624.254	837.260.689.806
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (Thuyết minh 3.1)	145.100.000.000	69.000.000.000
Trái phiếu niêm yết (Thuyết minh 3.2)	932.804.513.518	505.470.280.219
Trái phiếu chưa niêm yết (Thuyết minh 3.2)	-	401.164.979.441
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.3)	8.623.841.531.603	4.734.496.649.940
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.5)	258.082.311.117	361.631.670.811
Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh (Thuyết minh 3.6)	179.688.615.950	7.563.570.950
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	9.370.825.870	9.989.333.827
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	10.210.328.422.312	6.926.577.174.994

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Số dư với ngân hàng.

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Tổng Giám đốc tín nhiệm hoặc nằm trong danh sách được Nhà nước cấp phép thực hiện thanh toán và bù trừ. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có số dư nào với ngân hàng bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) Tài sản tài chính FVTPL

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là trái phiếu không có tài sản đảm bảo được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp và phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có chứng khoán nợ nào chiếm trên 15% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận Quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 33.527.912.173.430 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 11.945.957.954.288 Đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	37.783.317.946	37.783.317.946
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	8.586.058.213.657	4.696.713.331.994
Dự phòng đã lập	(37.783.317.946)	(37.783.317.946)
Giá trị thuần	8.586.058.213.657	4.696.713.331.994

(v) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12

năm 2019, không có khoản phải thu nào chiếm trên 15% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại ngày báo cáo như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không suy giảm VND	Chưa quá hạn và không bị suy giảm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31.12.2020				
Trong hạn	-	-	256.281.836.915	256.281.836.915
Quá hạn trên 3 năm	1.800.474.202	-	-	1.800.474.202
Dự phòng đã lập	(1.800.474.202)	-	-	(1.800.474.202)
Giá trị thuần	-	-	256.281.836.915	256.281.836.915
Tại ngày 31.12.2019				
Trong hạn	-	-	359.831.196.609	359.831.196.609
Quá hạn trên 3 năm	1.800.474.202	-	-	1.800.474.202
Dự phòng đã lập	(1.800.474.202)	-	-	(1.800.474.202)
Giá trị thuần	-	-	359.831.196.609	359.831.196.609

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng và cho vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Chi tiết lãi suất của các trái phiếu doanh nghiệp và các khoản đi vay của Công ty được trình bày ở Thuyết minh 3.2 và Thuyết minh 3.11.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ trong danh mục tài sản tài chính, vị thế mở hợp đồng tương lai và chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản mục này. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán và phát hành chứng quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nếu giá các chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 182.842.108.916 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: cao hơn/thấp hơn 125.385.646.601 Đồng tương ứng).

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá, cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ và tham gia hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền và hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn (Thuyết minh 3.11) nhằm phòng ngừa rủi ro tiền tệ.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD").

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2020	31.12.2019	31.12.2020	31.12.2019
Tài sản tài chính				
Tiền	1.880,68	1.899,62	42.770.475	43.249.211
Nợ tài chính				
Các khoản vay (phần chưa được phòng ngừa rủi ro)	(25.000.000,00)	(25.000.000,00)	(579.425.000.000)	(579.987.500.000)
Nợ tài chính thuần	(24.998.119,32)	(24.998.100,38)	(579.382.229.525)	(579.944.250.789)
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	(24.998.119,32)	(24.998.100,38)	(579.382.229.525)	(579.944.250.789)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 57.938.222.953 Đồng tương ứng chủ yếu là do lỗ/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: thấp hơn/cao hơn 57.994.425.079 Đồng tương ứng).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.11)	6.716.571.061.080	2.393.727.235.255
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.12)	935.296.094.913	487.804.747.433
Phải trả người bán ngắn hạn	5.104.995.817	1.046.316.763
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.14)	83.776.529.704	56.698.330.262
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.15)	209.921.021.432	184.843.206.969
Tổng nợ tài chính	7.950.669.702.946	3.124.119.836.682

Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ

an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC, theo đó Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 658% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 566%).

CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Dưới 1 năm	15.537.882.954	22.406.759.219
Từ 1 đến 5 năm	44.709.911.637	46.051.389.766
Tổng cộng	60.247.794.591	68.458.148.985

CAM KẾT VỐN

Cam kết mua tài sản cố định vô hình đã ký hợp đồng tại ngày báo cáo nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2020 VND	31.12.2019 VND
Mua phần mềm	397.206.400	5.991.400.000

KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
Của Công ty		
Cổ phiếu	659.578.300	1.328.573.988.400
Trái phiếu	1.723.442.778	47.883.820.935.964
Chứng quyền có bảo đảm	225.451.605	24.161.117.042.382
Hợp đồng tương lai	454.395	38.204.027.737.000
Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	165.746.270	251.408.276.200
Trái phiếu	10.896.523.026	203.153.562.050.582
Chứng quyền có bảo đảm	641.342.411	71.681.315.149.142
Hợp đồng tương lai	8.306.540	678.339.546.586.000
	14.320.845.325	1.065.003.371.765.670

THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm này, cụ thể như sau:

Báo cáo tình hình tài chính

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
		Số liệu theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại (*) VND	Số liệu phân loại lại VND
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	1.286.632.864.648	19.521.519.660	1.306.154.384.308
114	Các khoản cho vay	4.696.713.331.994	37.783.317.946	4.734.496.649.940
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-	(37.783.317.946)	(37.783.317.946)
122	Các khoản phải thu khác	100.809.984.866	(57.304.837.606)	43.505.147.260
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(39.583.792.148)	37.783.317.946	(1.800.474.202)
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	633.772.960.412	(19.521.519.660)	614.251.440.752
417.2	Lỗ chưa thực hiện	(48.293.141.097)	19.521.519.660	(28.771.621.437)

(*) Phân loại lại khoản đánh giá lại giá trị thị trường của trái phiếu đang được ghi nhận là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") và phân loại lại số dư các khoản cho vay quá hạn về đúng dòng trên báo cáo.

Báo cáo kết quả hoạt động

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
		Số liệu theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại (*) VND	Số liệu phân loại lại VND
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL	522.443.256.133	(16.452.632.982)	505.990.623.151
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	390.930.734.954	(16.452.632.982)	374.478.101.972
01.2	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(3.308.332.184)	19.521.519.660	16.213.187.476
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	128.409.865.776	(19.521.519.660)	108.888.346.116
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	495.988.943.636	12.253.501.655	508.242.445.291
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	478.282.787.116	4.199.131.327	482.481.918.443
26	Chi phí hoạt động tự doanh	78.706.309.030	(44.783.742.910)	33.922.566.120
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	326.959.927.736	36.734.060.108	363.693.987.844
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	8.102.665.080	75.763.690	8.178.428.770
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	16.242.652.044	4.998.588.322	21.241.240.366
32	Chi phí các dịch vụ khác	455.955.784	2.975.330.790	3.431.286.574

(*) Phân loại lại các khoản lãi cho vay và phải thu, doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán về đúng dòng trên báo cáo và phân loại lại một số chi phí theo cách phân bổ của năm này.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
		Số liệu theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại (*) VND	Số liệu phân loại lại VND
02	Điều chỉnh cho các khoản:	77.880.837.340	19.521.519.660	97.402.357.000
08	Dự thu tiền lãi	(60.424.834.705)	19.521.519.660	(40.903.315.045)
11	Chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và phải trả chứng quyền	(516.964.050)	660.000	(516.304.050)
11.1	Chênh lệch đánh giá lại phải trả chứng quyền	660.000	(660.000)	-
18	Biến động các doanh thu phi tiền tệ	(3.102.655.403)	(19.521.519.660)	(22.624.175.063)
19	Chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và phải trả chứng quyền	3.308.332.184	(25.932.507.247)	(22.624.175.063)
20	Chênh lệch đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(6.410.987.587)	6.410.987.587	-
50	Tăng phải trả, phải nộp khác	149.712.074.280	20.676.825.890	170.388.900.170
50.1	Tăng phải trả chứng quyền	20.676.825.890	(20.676.825.890)	-

(*) Phân loại lại khoản đánh giá lại giá trị thị trường của trái phiếu đang được ghi nhận là tài sản tài chính FVTPL và phân loại lại một số chỉ tiêu về đúng dòng trên báo cáo theo cách trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn để phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2021.

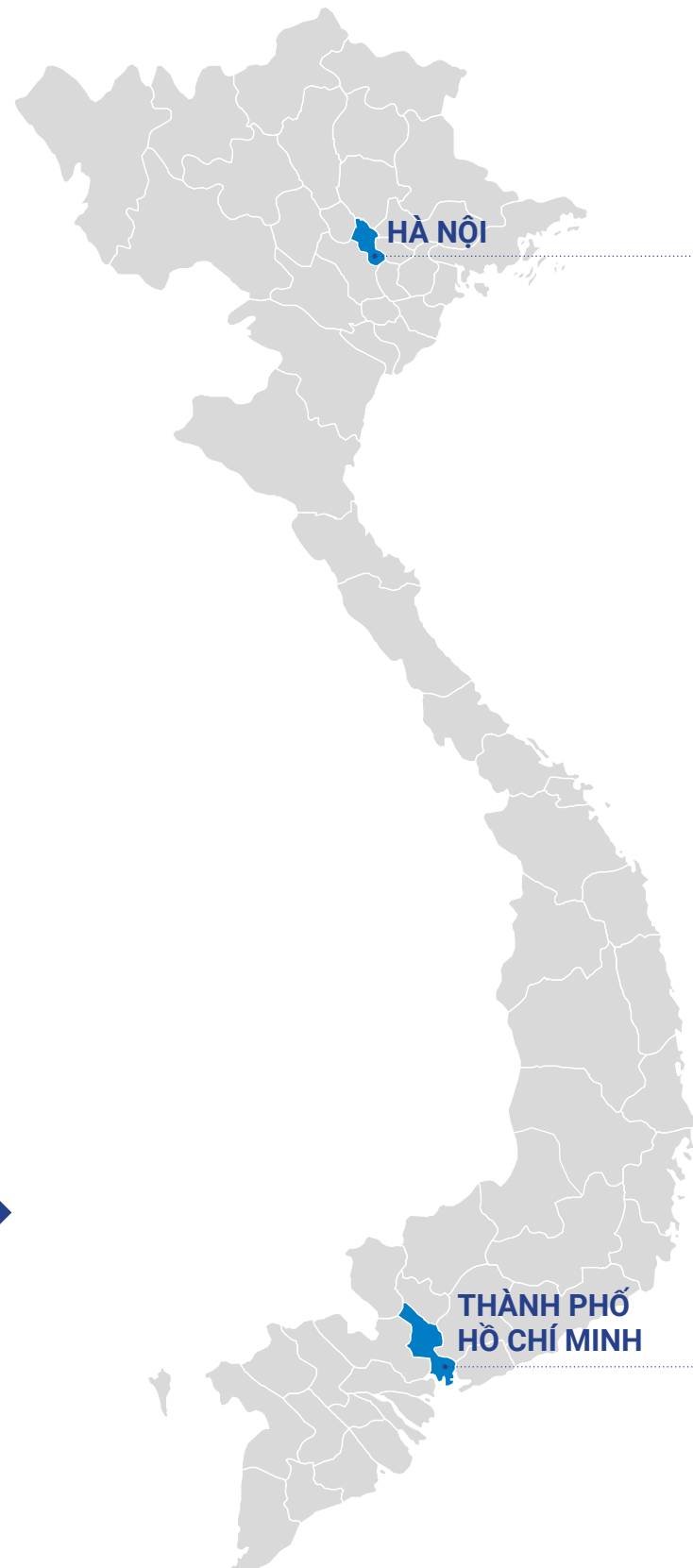
Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính kiêm
Kế toán trưởng



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2021

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa Nhà CornerStone,
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 - 24 3933 4693
Fax: +84 - 24 3933 4822

PHÒNG GIAO DỊCH LÁNG HẠ

Tầng 6, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 - 24 3776 7100
Fax: +84 - 24 3776 7100

PHÒNG GIAO DỊCH HOÀN KIẾM

Tầng 4, Tòa nhà 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 - 24 3941 6240
Fax: +84 - 24 3941 6242

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Phường Bến Thành,
Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84 - 28 3823 3299
Fax: +84 - 28 3823 3301

CHI NHÁNH NGUYỄN THỊ MINH KHAI

Tầng 6A, Tòa nhà Sài Gòn Giải Phóng,
436-438 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại: +84 - 28 3929 2068
Fax: +84 - 28 3929 2069

